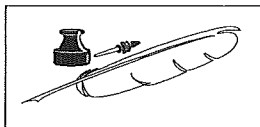


# THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France  
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359  
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy



ISSN 1145-9557 \* Số 182 - Năm thứ 17, tháng 06-2004

Xã luận

## NGUYỄN VŨ BÌNH tuyệt thực hơn hai tuần lễ để phản đối bản án vô lý

Khi phiên tòa phúc thẩm vừa tuyên bố giữ nguyên bản án thô bạo bảy năm tù và ba năm quản chế đối với anh, Nguyễn Vũ Bình đã hô to : "Tự do hay là chết !". Bằng lời hô đồng dạc này, Nguyễn Vũ Bình đã khẳng định chiến đấu cho tự do và dân chủ đến cùng, ngay cả nếu phải hy sinh tính mạng.

Ngay sau đó Bình đã bắt đầu một cuộc tuyệt thực hơn hai tuần lễ. Đó là vũ khí cuối cùng của anh để thách thức công lý đạo tặc của chế độ. Nguyễn Vũ Bình không có ý định tuyệt thực tới chết, anh thừa biết đất nước còn rất cần những người trẻ có trí tuệ và dũng cảm như anh, cuộc vận động dân chủ còn cần anh, nhưng Bình cũng biết anh sắp bắt đầu một giai đoạn đấu tranh mới và cần chứng tỏ cho tập đoàn cầm quyền biết rằng họ không thể hy vọng dùng sự đày đọa để khuất phục anh. Bình đã chấm dứt tuyệt thực sau lời khuyên can của gia đình và đòi hỏi của các chí hữu. Từ đây Đảng Cộng Sản Việt Nam biết rõ con người trước mặt họ là ai. Họ đã biết Nguyễn Vũ Bình, bằng cơ là họ đã dành cho anh một cách đối xử đặc biệt kể từ ngày anh bị giam giữ, ngày 25-9-2002 : biệt giam trong nhà tù Hỏa Lò thay vì trại tạm giam Thanh Liệt như mọi người chờ xét xử, cấm thăm nuôi và mọi tiếp xúc ngay cả với luật sư. Bây giờ họ càng biết rõ hơn Nguyễn Vũ Bình.

Sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo làng

Hành Thiện, tỉnh Nam Định, Bình đã chứng tỏ bản chất của một cấp lãnh đạo ngay từ thời niên thiếu. Anh đã thành lập và lãnh đạo các hội sinh viên và đồng hương tại Hà Nội, tốt nghiệp kinh tế tài chính, trở thành biên tập viên *Tạp Chí Cộng Sản*, cơ quan lý luận của Đảng Cộng Sản Việt Nam, rồi từ chức để nộp đơn thành lập Đảng Tự Do Dân Chủ. Anh cũng là sáng lập viên và thành viên Hội Chống Tham Nhũng và Nhóm Dân Chủ ngay trong lúc đang bị sách nhiễu. Ở tuổi 34, anh đã trở thành linh hồn của tổ chức đối lập công khai với lập trường dân chủ dứt khoát đầu tiên tại Việt Nam. Đó là lý do đã đưa anh vào vòng lao lý. Nguyễn Vũ Bình biết trước những gì sẽ xảy ra cho anh nhưng anh đã chấp nhận tất cả trước khi nhập cuộc. Đảng cộng sản đã không khuất phục được anh, họ đã chỉ đại dột biến Nguyễn Vũ Bình thành một biểu tượng của tuổi trẻ Việt Nam hôm nay, như Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thái Học đã là những biểu tượng và những tiếng chuông thức tỉnh tuổi trẻ Việt Nam trước đây. Nguyễn Vũ Bình, cũng như Lê Chí Quang và Phạm Hồng Sơn, tiếp nối truyền thống anh hùng của dân tộc.

Đảng cộng sản sẽ không tồn tại đủ lâu để giam giữ Nguyễn Vũ Bình bảy năm, nhưng đất nước Việt Nam sẽ còn biết đến Nguyễn Vũ Bình sắp tới đây như một cấp lãnh đạo xứng đáng.

Thông Luận

## MỘT GIAI ĐOẠN MỚI CHO IRAQ

Cuối cùng Hoa Kỳ và Anh đã sắp xếp xong một chính phủ mới cho Iraq, thay thế cho Hội đồng chính phủ lâm thời do chính họ lập ra, và cuộc chuyển giao chủ quyền sẽ diễn ra đúng như dự định vào ngày 30-6 sắp tới. Tuy nhiên, chính quyền này cũng vẫn chỉ là một chính quyền lâm thời, có nhiệm vụ tổ chức cuộc bầu cử dân chủ đầu tiên, dự trù vào đầu năm 2005, để thành lập một chính quyền dân cử chính thức sau Saddam Hussein.

Theo thỏa hiệp thì chính quyền lâm thời này sẽ có đầy đủ chủ quyền quốc gia, kể cả quyền yêu cầu liên quân Mỹ, Anh và đồng minh rút khỏi Iraq nếu muốn. Mục đích gần của Mỹ là khuyến khích chính quyền mới này lãnh nhận một vai trò quan trọng hơn trong việc gìn giữ an ninh và bảo vệ sự ổn định xã hội để họ có thể rút quân ra khỏi Iraq một cách an toàn và trong danh dự.

Trên thực tế đây cũng vẫn chỉ là một chính quyền thân Mỹ vì do Mỹ sắp xếp. Từ những thảo luận về bản hiến pháp lâm thời đến sự cất đặt người vào những chức vụ cao nhất trong chính quyền lâm thời đều phải có sự đồng ý của Mỹ. Mục đích xa của Mỹ là biến Iraq thành một quốc gia dân chủ mẫu mực, ổn định và phát triển, thân phương Tây tại Trung Đông.

Trong những thảo luận về bản hiến pháp tương lai, Paul Bremer, người đại diện chính phủ Mỹ cai quản Iraq, đã vận dụng mọi khả năng để áp đặt cho bằng được những giá trị cơ bản là tự do, dân chủ, đa nguyên và nhân quyền vào trong nội dung hiến pháp, và đã thành công. Bản hiến pháp lâm thời, gồm 12 chương và 60 điều, đã được 25 nhân vật trong Hội đồng chính phủ lâm thời thông qua ngày 8-3-2004, theo đó Iraq sẽ là một quốc gia liên bang, dân chủ, các quyền con người được tôn trọng.

Những chức vụ trong chính phủ lâm thời mới này cũng thế, phải được Mỹ chấp thuận mới có hiệu lực. Vấn đề của những người được chỉ định vào những chức vụ trong chính phủ lâm thời này là làm sao giải thích sự chính đáng của họ trước dư luận Iraq. Từ thủ tướng Iyad Allawi (người đứng đầu hành pháp, Hồi giáo phái Shiite), tổng thống Ghazi al Yawer (người giữ vai trò thống nhất Iraq, Hồi giáo phái Sunni, thủ lĩnh bộ tộc Shamar), đến hai phó tổng thống là các ông Ibrahim al Jaafari (lãnh tụ đảng Dawa, Hồi giáo Shiite) và Rowsch Shaways (thủ lĩnh người Kurd phía bắc), cùng nhiều bộ trưởng khác đều tìm mọi cách giảm thiểu sự dính líu của họ đối với Mỹ để được tôn trọng. Rất khó, tương lai của chính phủ mới này còn rất gian nan.

Ưu điểm của Paul Bremer là sử dụng lại những thành phần thuộc đảng Baath, tướng lĩnh và binh sĩ cũ của Saddam Hussein trong việc duy trì an ninh tại Iraq. Nhờ những người này mà binh lính Mỹ ít bị tấn công gây thương vong trong những khu vực có đông cựu đảng viên Baath và người Hồi giáo phái Sunni. Đây cũng là một hình thức đối trọng với những nhóm người Hồi giáo Shiite, đa số, muốn giành trọn quyền lực vào tay mình.

Tác dụng của việc chuyển giao chủ quyền này là làm giảm bớt tính chiếm đóng của Mỹ tại Iraq và có thể là bước đầu tiên tiến tới một đồng thuận của cả khối phương Tây. Đồng thuận này vẫn còn gặp khó khăn do thái độ bất bí của Pháp. Pháp đòi Mỹ đặt quân đội Mỹ dưới sự chỉ huy của chính quyền Iraq mới. Đòi hỏi này dĩ nhiên là quá đáng vì chính quyền lâm thời này chưa có khả năng nâng đỡ việc bảo vệ an ninh chống quân khủng bố đang gia tăng hoạt động. Càng vô lý nếu người ta so sánh với tình hình ở Kosovo. Tại một tỉnh nhỏ bé này với không đầy 400.000 dân và không hề có lực lượng khủng bố nào, đoàn quân bảo vệ hòa bình của Liên Hiệp Quốc đã phải ở lại hơn bốn năm và không thuộc quyền điều động của bất kỳ chính quyền địa phương nào.

Tuy vậy Hoa Kỳ khó dứt khoát từ chối đòi hỏi vô lý của Pháp vì đang ở trong thế bối rối. Tình hình an ninh tại Iraq đã xấu đi trong mấy tháng gần đây. Số thương vong của Mỹ ngày càng cao làm suy giảm hậu thuẫn của dư luận Mỹ đối với tổng thống Bush. Trong tháng qua Mỹ đã phần nào khống chế được các đám loạn quân Hồi giáo cực đoan, đặc biệt là của tu sĩ quá khích Muqtada al Sadr tại Najaf, nhưng các vụ khủng bố và bắt con tin của những nhóm Hồi giáo cực đoan nhỏ hoặc vô danh tiếp tục ở mức độ cao, đe dọa dư luận và sự hợp tác của những quốc gia đồng minh khác.

Trầm trọng nhất là hình ảnh của Mỹ đã xuống thấp một cách bi đát sau những phát giác tại nhà tù Abu Ghraib ở thủ đô Baghdad. Hình ảnh lính Mỹ tra tấn và hạ nhục tù binh Iraq một cách hạ cấp đã gây phẫn nộ không những trong dư luận Iraq mà còn trên khắp thế giới, và ngay cả tại Mỹ. Mặc dù chính quyền Bush đã sử dụng vũ khí tối cao của dân chủ là công khai xin lỗi và xử những người lính vi phạm nhân quyền trước dư luận Iraq, nhưng hình ảnh nước Mỹ cũng không nhờ đó sáng lên.

Tổng thống Bush đã quyết định tiến công tiêu diệt chế độ Saddam Hussein với hai lý do chính : một là để tìm những vũ khí giết người hàng loạt mà Saddam Hussein có thể sử dụng để khủng bố, hai là nhân danh các giá trị tự do, dân chủ, nhân quyền bị chế độ Saddam Hussein chà đạp. Sau hơn một năm chiếm đóng, đã không có một vũ khí giết người hàng loạt nào được tìm thấy. Còn lại những giá trị nhân quyền. Nhưng hình những lính Mỹ hành hạ tù nhân Iraq tệ hơn cả hành hạ thú vật đặt ra câu hỏi : người Mỹ định đem đến Iraq những giá trị nào ?

Cho tới nay, nếu Mỹ chưa hề thua một cuộc chiến tranh qui ước nào thì họ cũng chưa bao giờ thành công một cuộc chiến tranh bình định nào. Vấn đề chính của Mỹ hiện nay có thể chỉ giản dị là tìm một lối thoát an toàn ra khỏi Iraq và giữ Iraq trong quỹ đạo của hòa bình và dân chủ.

Dù sao thì tương lai Iraq, ngay cả trong trường hợp khủng bố kéo dài, cũng không thể xấu hơn thời đại Saddam Hussein.

Nguyễn Văn Huy

# GIẢI CẤP TƯ SẢN MỚI TẠI TRUNG QUỐC

Nguyễn Minh

Trong hai thập niên phát triển vượt bậc về kinh tế, một giai cấp tư sản mới đã xuất hiện tại Trung Quốc, với hơn 50 triệu người và một lợi tức bình quân đầu người trên 10.000 USD/năm. Cũng nên biết mức lợi tức này tại Trung Quốc tương đương với lợi tức một triệu USD/năm tại Hoa Kỳ, nghĩa là rất lớn.

Giai cấp tư sản mới này là ai ?

Đó là những thành phần giàu có mới tại Trung Quốc, tài sản kết sù mà họ có được là do nắm giữ những chức vụ quan trọng trong các cơ sở kinh tế của nhà nước trong thời mở cửa, hoặc do dám mạo hiểm trong các ngành kinh doanh tư nhân và đã thành công.

Cũng nên biết dưới thời Mao Trạch Đông, xã hội Trung Quốc chia ra làm ba giai cấp : công nhân, nông dân và trí thức. Giai cấp thương nhân bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, vì bị coi là thành phần bóc lột. Ngày nay sự phân chia này không còn hợp thời nữa, nếu không muốn nói là một sự miệt thị đối với những người đang đưa kinh tế Trung Quốc đi lên bất kịp đà tiến bộ chung của thế giới phương Tây. Vai trò và sự hiện diện của thương nhân trong sinh hoạt kinh tế và xã hội Trung Quốc không thể đảo ngược được, họ là những thành tố tích cực của một nền kinh tế đang đi lên. Nhưng trong sự hấp tấp nào cũng có sai sót, đó là những người đã và đang lợi dụng chức vụ của mình hay thế lực của gia đình để làm giàu cá nhân, bất chấp quyền lợi của quốc gia và đồng loại đang sống khổ cực trong nước.

Theo Viện khoa học xã hội Trung Quốc (Bắc Kinh), trong báo cáo mang tên "*Nghiên cứu về các giai cấp xã hội Trung Quốc hiện nay*" năm 2003, xã hội Trung Quốc được chia ra thành 10 giai cấp. Sự phân chia này dựa theo nghề nghiệp và tài sản sở hữu do vị thế xã hội mang lại, nó phản ánh thực trạng của một xã hội đã bước ra khỏi quỹ đạo của thời kỳ "cách mạng vô sản công nông". Đó là : 1. những người quản lý nhà nước và xã hội (đảng viên đảng cộng sản) ; 2. những nhà quản lý kinh doanh (các cấp cán bộ đảng và nhà nước) ; 3. những chủ nhân xí nghiệp tư nhân (hợp tác với nước ngoài) ; 4. những chuyên gia kỹ thuật ; 5. những công nhân, viên chức bàn giấy ; 6. những nhà công thương nghiệp cá nhân ; 7. những tư chức làm việc trong ngành thương nghiệp ; 8. những công nhân làm việc trong các ngành công nghệ ; 9. những người lao động nông thôn và sản xuất nông nghiệp ; 10. những người không nghề, thất nghiệp và bán thất nghiệp.

Cũng theo Viện khoa học xã hội nói trên, còn có một cách phân chia khác, thực dụng hơn, dựa theo mức thu nhập và phong cách sống để xếp loại, theo đó xã hội Trung Quốc được chia ra thành 5 giai cấp (cho giống Mỹ) : 1. giai cấp thượng lưu ; 2. giai cấp trung lưu cao cấp ; 3. giai cấp trung lưu trung cấp ; 4. giai cấp trung lưu hạ cấp ; 5. giai cấp hạ lưu. Lối phân chia này cho thấy xã hội Trung Quốc đang tư sản hóa một cách triệt để, đúng hơn là đang vút vào sọt rác chủ nghĩa vô sản đã một thời làm điều đứng xã hội.

Theo hai bản báo cáo trên, quá trình phát triển của xã hội Trung Quốc trong 20 năm qua mang tính thực dụng hơn là ý hệ. Người ta nhìn vào túi tiền (lợi tức) của người đối diện để xác định thứ bậc của người đó trong xã hội.

Nội dung bài viết này tập trung vào giai cấp tư sản mới ở Trung Quốc, tức "những chủ xí nghiệp tư nhân" (giai cấp 3 trong báo cáo 1) và "giai cấp thượng lưu" (báo cáo 2).

Năm 2003, những công ty tư bản nước ngoài chiếm 52% tổng sản lượng hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc, trong đó 80% là những công ty có vốn đầu tư của Hoa kiều. Cũng nên biết đại đa số những công ty tư bản nước ngoài tại Trung Quốc đều là của người Hoa ở Hồng Kông (34%), Đài Loan (12%), Mã Lai, Singapore, Thái Lan, Hoa Kỳ và các nước phương Tây khác. Trong thực tế, hơn một nửa vốn của những công ty tư bản Hồng Kông đầu tư vào Trung Quốc là của Đài Loan (có mặt tại Hồng Kông từ trước 1999). Như vậy có thể nói hơn 30% những công ty có vốn đầu tư nước ngoài tại Trung Quốc là của Đài Loan, trong khi vốn của những công ty Nhật Bản chỉ chiếm khoảng 8% và các nước Âu Mỹ : 8%.

Cũng trong năm 2003, ngoại thương của Trung Quốc tăng 35%, đứng hàng thứ tư trên thế giới với 840 tỷ USD. Tổng sản lượng quốc nội (GDP) Trung Quốc là 1.209,5 tỷ USD, đứng hàng thứ sáu sau Mỹ, Nhật, Đức, Pháp và Anh, qua mặt Ý. Lượng tiêu thụ dầu lửa của Trung Quốc đạt tới mức 4 triệu thùng/ngày, đứng hạng thứ hai sau Mỹ. Lượng tiêu thụ các loại nguyên vật liệu khác như than đá, đồng, nhôm, sắt, thép, kẽm của Trung Quốc đứng đầu thế giới do nhu cầu xây cất và chế biến ngày càng tăng. Chính vì thế trị giá những cổ phần các xí nghiệp Trung Quốc được công khai bán trên thị trường chứng khoán New York tăng 59%, đứng đầu tất cả các tỷ lệ tăng trong năm.

Tuy nhiên, do nguồn đầu tư đa dạng của tư bản Hoa kiều, những tập đoàn tài phiệt mới ở Trung Quốc xuất hiện ra dưới hình thức 5 nhóm sau đây :

1. Nhóm tài phiệt đầu cơ : hoạt động trong các ngành xây dựng bất động sản, đường cao tốc, đường xe điện tốc hành, thủy điện, dầu khí kết hợp chặt chẽ với các ngân hàng nhà nước, các ngân hàng nước ngoài và 4 ngân hàng lớn của Nhật Bản, trụ sở đặt trong cao ốc Môi Trường (do thành phố Thượng Hải và công ty Mori Building của Nhật Bản cùng hợp tác xây dựng, chiều cao ngang bằng tòa nhà Freedom Tower ở New York).

2. Nhóm tài phiệt đại lý của đảng cộng sản : còn gọi là "những thái tử đảng", vì do con cháu các vị lãnh đạo cao cấp trong Đảng Cộng Sản Trung Quốc chủ chốt. Chẳng hạn như công ty của Đặng Bộc Phương, con trai ông Đặng Tiểu Bình, phát triển mạnh nhờ mua bán bất động sản ở các đô thị miền Nam Trung Quốc. Đặng Bộc Phương là người đã từng một thời lánh nạn tại Mỹ nay về đóng đô ở Chu Hải từ sau 1992 khi đường lối "ba đại diện" (cho phép công nhân, nông dân, đảng viên có quyền làm giàu một

cách hợp pháp) được ban hành. Chẳng hạn như công ty của hai con trai ông Giang Trạch Dân, được coi là "vua tin học" nhờ kết hợp chặt chẽ với những công ty tư bản Mỹ và Đài Loan nắm giữ thị trường Thượng Hải.

3. Nhóm tài phiệt trong ngành máy tính và điện thoại di động : đa số những người này là những cán bộ xuất thân từ các viện nghiên cứu trực thuộc bộ bưu điện và bộ viễn hóa-thông tin và quân đội. Họ đã làm giàu nhanh chóng nhờ hợp tác với những công ty tư bản Đài Loan, Nhật Bản, Mỹ và Phần Lan để khai thác thị trường Trung Quốc trong ngành điện tử và truyền tin.

4. Nhóm tài phiệt phiêu lưu : thành phần này rất là độc đáo, lối làm ăn của họ giống như đánh bạc : được thì ăn hết, thua thì mất hết. Có những tập đoàn thành công như CITIC (đầu tư, đầu thầu, trung gian đổi chác ngoại tệ), Hải Âu (điện gia dụng). Có những tập đoàn thất bại như Đại Ngộ (giám đốc Tôn Đại Ngộ bị bắt hồi tháng 4-2002), Làng Hòa Lan ở Thẩm Dương bị dẹp, giám đốc Chu Chính Cốc (vua thẩm mỹ và bất động sản) ở Thượng Hải bị bắt, cựu giám đốc Vương Tuyết Băng của Ngân Hàng Công Thương Trung Quốc, thân tín của cựu thủ tướng Chu Dung Cơ, cũng bị bắt sau khi ông Chu bị thất sủng.

5. Nhóm tài phiệt kinh doanh kiểu mới : thành công nhanh nhờ kinh doanh phần mềm (soft) về âm nhạc, điện ảnh, trò chơi điện tử và cung cấp mạng internet như No.com, Sofu.com, Nettease (trò chơi điện tử kết hợp với cờ bạc), Sword.online, Dangdang (bán sách và CD qua mạng Internet), CTrip (đại lý du lịch trên Internet)...

Những nhóm tài phiệt kinh doanh kiểu mới của Trung Quốc xuất hiện đa dạng và phức tạp như nấm mọc sau cơn mưa lớn. Nhiều người đã thành công nhờ biết nhìn rộng và xa như hai hãng Bảo Hiểm Nhân Thọ Trung Quốc và Bình An Bảo Hiểm do hợp tác với các công ty của Mỹ. Cũng có nhiều gương thất bại sau một thời bùng phát vì bị coi là đe dọa đến chính sách của đảng cộng sản. Một đặc điểm chung của những nhóm tài phiệt mới này là không cần biết tương lai của Trung Quốc ra sao, miễn sao có thật nhiều tiền bỏ vào túi là được rồi.

Tuy vậy trong số những nhà tài phiệt mới này, có những người muốn thay đổi sinh hoạt kinh tế của Trung Quốc kiểu phương Tây để cạnh tranh với những quốc gia phát triển nhất thế giới. Thử quan sát trường hợp của những nhà kinh doanh đại diện trường phái của Trung Quốc trong ngành xe hơi và công ty Đại Ngộ.

Giống như Toyota, Honda ở Nhật, nhóm tài phiệt đầu tư vào ngành sản xuất xe hơi tại Trung Quốc làm đầu tàu kéo theo sự phát triển của các ngành kinh tế khác. Đa số những người này xuất thân từ tỉnh Quảng Đông, thành phố Quảng Châu được ví là "Detroit of China". Tổng số xe hơi được sản xuất năm 2003 là 4,44 triệu chiếc, đứng hạng thứ tư thế giới. Những nhà sản xuất xe hơi lớn nhất là : 1. Xe hơi Đệ Nhất, 2. Xe hơi Thượng Hải, 3. Xe hơi Đông Phong, 4. Xe hơi Hợp Âu Tân Hợp Phì, 5. Xe hơi Trường An, 6. Xe hơi Bắc Kinh, 7. Xe hơi Kim Bôi, 8. Xe hơi Quảng Châu, 9. Công nghiệp phi giới Xương Hà, 10. Xe hơi Nam Kinh.

Tập đoàn Đại Ngộ là một trường hợp điển hình khác

trong cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản mới tại Trung Quốc. Ông Tôn Đại Ngộ sinh năm Ngộ (1954), năm nay 50 tuổi, đã thành lập được một cơ nghiệp khổng lồ, Liên Hiệp Công Nông Xí Nghiệp, tự chính mình chứ không do bất cứ một đỡ đầu nào của ai. Bản doanh đặt tại Huyện Trừ Thủy Tỉnh, Hà Bắc, từ năm 1985 lúc ông Ngộ 31 tuổi. Công ty chủ yếu buôn bán các hàng phân bón nông nghiệp, thức ăn gia súc, nông dược, hạt giống, cây con. Cuối thập niên 1990 ông Ngộ xoay qua bán thêm thực phẩm và lập trường tư thực ở các địa phương. Trong quá trình làm việc, ông Tôn Đại Ngộ thấy nhiều cảnh bất công nên trong bài diễn thuyết tại Đại học Bắc Kinh, tháng 4-2002, ông phê phán chính sách cho vay tiền tệ đối với nông dân và chính sách nông nghiệp của Đảng Cộng Sản Trung Quốc và cho phép báo *Strait Times* của Singapore đăng lại nguyên văn bài nói chuyện này. Ông còn lập ra một website trang nhà trên Internet để phê phán chính phủ trong chính sách cho vay tiền làm cho 800 triệu nông dân Trung Quốc phải quằn quại trong cảnh lầm than. Theo ông các ngân hàng nhà nước chỉ cho các công ty, xí nghiệp quốc doanh mượn tiền rồi sau chỉ lo đòi nợ hay xử lý những vụ vay tiền không trả khi đáo hạn, trong khi các xí nghiệp nhỏ tư nhân chỉ cần vay một ít tài chánh là có thể phát huy sáng kiến lại bị bỏ rơi. Ông phê phán trong khi các ngân hàng của Trung Quốc không cho các xí nghiệp tư nhân trong nước mượn tiền thì lại sẵn sàng cấp vốn cho các xí nghiệp nước ngoài vay : năm 2000 các ngân hàng Trung Quốc đã cho các công ty nước ngoài vay 32,5 tỷ USD, năm 2001 : 61,8 tỷ USD. Ông khuyến khích dân chúng rút tiền ra khỏi các ngân hàng nhà nước và bỏ vào các hợp tác xã tín dụng tư nhân để cho tư nhân vay. Cũng nên biết số tiền gửi vào tiết kiệm của dân Trung Quốc hồi đầu năm nay đã trên 1.200 tỉ Nguyên. Lo sợ thông điệp của ông Tôn Đại Ngộ gây ảnh hưởng xấu đến sinh hoạt kinh tế của Trung Quốc, cuối tháng 4-2004, công an đã bắt ông khi định rút 36.000 USD tiền gửi ngân hàng để bỏ vào hợp tác xã tín dụng. Ông Tôn bị kết tội chống lại quốc gia, số tiền gửi tiết kiệm của ông bị niêm phong, website trang nhà của ông bị cắt mặc dù công ty của ông vẫn còn hoạt động.

Qua trường hợp điển hình này, tương lai của những nhà tư bản mới Trung Quốc còn lắm gian nan. Luật pháp chưa rõ ràng, các cấp chính quyền địa phương có toàn quyền tác oai tác quái đối với những ai mà họ không ưa. Bắc Kinh sợ nhất là sự ra đời của đồng đảo «netizen» (dân trên mạng internet) vì không kiểm soát được. Thêm vào đó những nhà tư sản mới tại Trung Quốc thường tìm cách lách qua mọi cửa ngõ luật pháp để làm giàu. Họ còn mời được người em thứ ba của đương kim tổng thống Mỹ G.W. Bush là Neal Bush làm cố vấn cao cấp cho công ty Quảng Lực Bán Đạo Thể ở Thượng Hải, do Giang Cam Hằng, con cả của Giang Trạch Dân, và Vương Hàn Dương, con cả của Vương Vĩnh Khánh (giám đốc tập đoàn khổng lồ sản xuất plastic của Đài Loan), điều khiển.

Giới tư sản mới tại Trung Quốc có trở thành một thế lực tư bản lớn trên thế giới không là đề tài của số báo tới.

**Nguyễn Minh** (Tokyo)

# Về huyền thoại HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Gia Kiểng

Đài "Tiếng Nói Việt Nam Hải Ngoại" phỏng vấn tôi về ông Hồ Chí Minh nhân ngày sinh thứ 104 của ông. Sau nhiều tài liệu của các nhà nghiên cứu, đài này muốn cho thính giả nghe quan điểm của một người hoạt động chính trị về một nhân vật chính trị. Câu hỏi đầu tiên của ký giả Hồng Phúc làm tôi bối rối : "Xin ông cho thính giả biết những nét chính về nhân vật Hồ Chí Minh". Nét đậm đầu tiên của ông Hồ Chí Minh là ông là một người lý lịch không rõ rệt.

Ngay cả ngày sinh của ông, 19-5-1890, mà Đảng Cộng Sản Việt Nam dùng làm một ngày lễ, cũng không có gì chắc chắn. Ở những dịp khác nhau, chính ông Hồ Chí Minh đã khai những ngày sinh khác nhau, mặc dầu không có nhu cầu phải giấu giếm. Thí dụ như khi nộp đơn xin học Trường Thuộc Địa Pháp, ông khai là sinh năm 1892 ; sau đó ít lâu, trong hồ sơ gia nhập Hội Tam Điểm (Free Mason, Franc Maçonnerie) ông khai ngày sinh là 15-2-1895. Cho đến một ngày rất gần đây mọi người vẫn đinh ninh rằng ông họ Nguyễn, tên Nguyễn Tất Thành, sau đổi thành Nguyễn Sinh Cung, con ông phó bảng Nguyễn Sinh Huy. Thế rồi sử gia Trần Quốc Vương đưa ra một giả thuyết mới theo đó ông thực sự họ Hồ, cháu nội ông Hồ Sĩ Tạo, và đã chỉ cho mang họ Nguyễn sau một thảm kịch gia đình : bà nội ông đã có thai với ông Hồ Sĩ Tạo dù ông này đã có vợ con, gia đình bà đã phải đem gả bà cho một ông đồ già họ Nguyễn, vì thế thân phụ ông đã mang tên Nguyễn Sinh Huy. Trần Quốc Vương đưa ra những chứng cứ và biện luận khó phản bác.

Hồ Chí Minh đã sống thời niên thiếu như thế nào tại Việt Nam, đã làm gì tại Pháp và tại Nga, đã có thành tích và trách nhiệm nào trước và trong thời gian làm chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ? Ngay cả những tài liệu về Hồ Chí Minh do những người cộng sản kỳ cựu gần gũi với ông viết ra cũng đã mâu thuẫn.

Chính Hồ Chí Minh cũng đóng góp tích cực vào việc gây hoang mang và lẫn lộn về tiểu sử của ông. Ông dùng những bí danh T. Lan và Trần Dân Tiên để viết về mình một cách mơ hồ. Trong cuốn "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch", ông Trần Dân Tiên, tức Hồ Chí Minh, thuật lại cảm giác bồn chồn sung sướng khi được "Hồ chủ tịch" tiếp và được ông Hồ Chí Minh trả lời như sau khi ngỏ ý muốn viết tiểu sử của ông : "Tiểu sử ? Đây là một ý kiến hay. Nhưng hiện nay còn nhiều việc cần thiết hơn. Rất nhiều đồng bào đang đói khổ". Câu chuyện này chứng tỏ Hồ Chí Minh là một người giả dối muốn đánh bóng tiểu sử của chính mình ; đó là tâm lý của những người trong thâm tâm không hãnh diện về mình. Điều đáng ghi nhận là mặc dù đã bỏ ra rất nhiều thời giờ và công sức và dùng tới hai bút hiệu để viết về chính mình, một việc có lẽ chưa một nhà chính trị nào làm, nhưng cả hai hồi ký của ông Hồ Chí Minh đều không có một giá trị lịch sử hay chính trị nào cả, bởi vì chúng không đóng góp giải thích một sự kiện lịch sử nào

mà chỉ là những mẩu chuyện nhắm mục đích ca tụng ông Hồ Chí Minh như một người tốt, tài giỏi, dũng cảm, có chí lớn, có quyết tâm, đáng ngưỡng mộ v.v. Hồ Chí Minh hoàn toàn không hiểu ý nghĩa và hậu quả của những biến cố lớn của một giai đoạn lịch sử trọng đại, trong đó ông là nhân vật chính ; ông chỉ chú trọng đến những chuyện vụn vặt về cá nhân mình. Đây là một điều đáng buồn cho cả ông Hồ Chí Minh lẫn dân tộc Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã phá mọi kỷ lục Việt Nam về tiểu sử. Số sách và bài viết về ông đã gấp hàng trăm lần bất cứ nhân vật lịch sử Việt Nam nào. Tuy vậy bí ẩn về ông vẫn còn nguyên vẹn. Bài này vì vậy không phải là một đóng góp thêm về tiểu sử ông Hồ Chí Minh mà chỉ có mục đích nhận diện một trong những huyền thoại nền tảng của Đảng Cộng Sản Việt Nam và chế độ cộng sản Việt Nam.

Có một số dữ kiện mà mọi người có thể đồng ý. Ông sinh vào khoảng 1890-1895 tại Nghệ An, mồ côi mẹ rất sớm, cha đậu phó bảng, làm quan đến chức tri huyện nhưng vì say rượu đánh chết người nên mất chức, bị tù, rồi lưu lạc vào Nam chết trong cô đơn và nghèo khổ. Hồ Chí Minh học hết tiểu học, đang học trường Quốc Học tại Huế thì phải bỏ học vì cha bị mất chức. Ông sống vất vưởng ở trong Nam, đặc biệt tại Sài Gòn vài năm, rồi đi làm phụ bếp trên một tàu buôn và tới Pháp năm 1911. Tại đây ông làm đơn xin vào học Trường Thuộc Địa, một trường đào tạo công chức cho chế độ thuộc địa Pháp ở Nantes, nhưng bị từ chối. Ông lên Paris sinh sống bằng nghề tô ảnh, gặp một số trí thức có tinh thần quốc gia trong đó có Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền và hợp tác với họ. Ông gia nhập Đệ Nhị Quốc Tế, rồi Đảng Cộng Sản Pháp, và được gửi đi Nga huấn luyện năm 1923. Cuối năm 1924 ông được cử làm thông ngôn cho phái đoàn Nga tại Trung Quốc do Borodin cầm đầu ; do biến cố này mà sự nghiệp chính trị của ông trở thành gắn bó với Việt Nam. Ông trở thành đại biểu Đông Dương tại Đệ Tam Quốc Tế, đóng vai trò then chốt trong việc thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam và trở thành lãnh tụ số I của đảng này từ khi thế chiến II bùng nổ. Ông lãnh đạo cuộc Cách Mạng Tháng 8, rồi cuộc kháng chiến chống Pháp và chống chính quyền Bảo Đại do Pháp yểm trợ, kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ và hiệp định Genève. Ông mất năm 1969, giữa lúc cuộc chiến tranh Nam Bắc đạt đến mức độ gay gắt nhất. Về đời tư ông có khá nhiều người tình và cũng đã có vợ, có con, nhưng ông giấu nhem những chuyện này. Một trong những người phụ nữ này là cô Nông Thị Xuân, có con với ông, đã chết trong một trường hợp bí ẩn, thân nhân quả quyết là đã bị thủ tiêu. Những sự kiện này được mọi nhà nghiên cứu nhìn nhận và cũng chưa hề bị Đảng Cộng Sản Việt Nam bác bỏ.

Đảng Cộng Sản Việt Nam và chế độ cộng sản Việt

Nam đặt nền tảng trên ba huyền thoại : chủ nghĩa cộng sản chủ trương giải phóng giai cấp vô sản và thiết lập một thế giới công bằng lý tưởng ; cuộc chiến đấu oanh liệt thắng Pháp, thắng Mỹ đem lại độc lập và thống nhất đất nước; và thần tượng Hồ Chí Minh, một nhà tư tưởng lớn, một nhà chính trị lỗi lạc, một mẫu mực về đạo đức, đồng thời cũng là một người giản dị, khắc khổ chỉ sống cho đất nước.

Mỗi huyền thoại có một công dụng riêng. Chủ nghĩa cộng sản là một cứu cánh, một biện minh sau cùng cho mọi hành động. Chiến công giành độc lập, thắng ngoại bang cho Đảng Cộng Sản Việt Nam một sự chính đáng lịch sử và, quan trọng hơn, tiêu biểu cho dụng cụ bạo lực sẵn sàng đập tan mọi chống đối. Thần tượng Hồ Chí Minh là đối tượng để ngưỡng mộ và kính phục và đem lại cho đảng sự chính đáng về mặt đạo đức. Ngày nay lý tưởng cộng sản không những đã sụp đổ mà còn bị lộ bích hóa. Nó chỉ được duy trì qua loa như vòng phông thủ bên ngoài. Còn lại cặp bài trùng cố hữu và bất buộc của mọi quyền lực : bạo lực và đạo đức. Bạo lực để đập tan mọi chống đối, đạo đức để đừng bị chống đối. Đảng cộng sản dùng bạo lực để áp đặt sự tôn sùng Hồ Chí Minh, ngược lại sự tôn sùng thần tượng Hồ Chí Minh, biểu tượng của đảng, có tác dụng triệt tiêu ý muốn chống đối và do đó cho phép tiết kiệm việc sử dụng bạo lực. Nếu một trong hai thành tố này không còn thì chế độ cộng sản không thể tiếp tục tồn tại.

Vậy thì Hồ Chí Minh là nhân vật như thế nào ?

Một tranh cãi quen thuộc là Hồ Chí Minh có phải là một người yêu nước và nhân bản hay không ? Sở dĩ câu hỏi này được đặt ra là vì Đảng Cộng Sản Việt Nam đề cao ông như là chân dung của lòng yêu nước và đức hạnh, nhưng đây là một tranh cãi phiến diện. Yêu nước là tình cảm tự nhiên của mọi người và ngay cả những kẻ phản quốc cũng yêu nước. Sự quyến luyến với phần đất mà mình sinh ra và lớn lên nằm trong phần xạ của mọi động vật, không cứ gì loài người. Vậy thì ông Hồ Chí Minh chắc chắn là có yêu nước. Cũng thế, những giá trị nhân bản có sẵn trong mọi người. Ngay cả những kẻ gian ác nhất cũng ưa chuộng sự lương thiện, sự thủy chung và lòng bao dung. Con người đã được cấu tạo như thế. Vấn đề thực sự đặt ra là trong hoàn cảnh khó khăn và trước hiểm nguy, lòng yêu nước và các giá trị đạo đức như tình bạn, tình yêu có trọng lượng nào?

Hồ Chí Minh đã thẳng tay thủ tiêu các lực lượng chính trị, dù là cộng sản đê tứ, hay Đại Việt, hay Việt Nam Quốc Dân Đảng. Ông thừa biết là họ rất yêu nước, nhưng họ không thuộc đảng cộng sản của ông và do đó sự hiện hữu của họ đe dọa độc quyền lãnh đạo của ông.

Hồ Chí Minh biết bà Nguyễn Thị Năm là người vô tội, hơn thế còn là người tốt, đã giúp đỡ nhiều cho đảng cộng sản và có con trai đang là trung đoàn trưởng quân đội cộng sản. Ông quý bà Năm, nhưng khi cố vấn Trung Quốc cho biết là không thể thay đổi quyết định xử bắn bà để thị uy vì tất cả mọi nghi thức đã sắp xếp xong rồi thì ông im mồm và để cho bà Năm bị bắn. Sau này, trong các vụ *Nhân Văn - Giai Phẩm* và "xét lại chống đảng" ông cũng để mặc cho các cộng sự viên gần gũi bị bách hại oan ức. Ông bỏ rơi

bà vợ chính thức Tăng Tuyết Minh để giữ hình ảnh một lãnh tụ thánh thiện chỉ sống cho đất nước và lấy đất nước làm gia đình. Cũng vì hình ảnh này mà ông hoặc đã ra lệnh hoặc đã chấp nhận thủ tiêu cô Nông Thị Xuân và bỏ rơi người con của ông với cô này. Có rất nhiều khả năng là chính ông đã quyết định tội ác này bởi vì ông quan tâm một cách bệnh hoạn đến hình ảnh của mình, ông đã dùng cả hai bí danh để viết sách tự đánh bóng mình. Một người không mắc bệnh tâm thần không thể làm như thế. Tóm lại, khi đứng trước khó khăn thì lòng yêu nước, những giá trị đạo đức, cũng như danh dự và an ninh của những người thân thiết với ông không có một trọng lượng nào đối với Hồ Chí Minh cả, ông có thể nhẫn tâm một cách đáng sợ.

Ông Hồ Chí Minh thiếu hẳn những kiến thức cần thiết mà mọi người lãnh đạo quốc gia, ngay cả trong thời đại của ông, phải có. Ông hoàn toàn không biết gì về khoa học, kỹ thuật, kinh tế, tài chính, luật pháp, và ngay cả về nông nghiệp. Trong cuốn sách *"Mấy kinh nghiệm Trung Quốc cần phải học"* mà ông viết dưới bút hiệu Trần Lực (nhà xuất bản Sự Thật, 1958, tr. 41), ông tin và kêu gọi mọi người tin là một mẫu lúa tại Trung Quốc có thể đạt được 333 tấn lúa mỗi năm. Những phát biểu của ông, dù là bài viết hay bài nói, không chứng tỏ một sự hiểu biết nào, dù sơ sài đến đâu, về lịch sử thế giới và tư tưởng chính trị. Việc Đảng Cộng Sản Việt Nam đề cao ông như một nhà tư tưởng là cả một xúc phạm đối với trí tuệ.

Không phải là Hồ Chí Minh không có tài, nhưng cái tài của ông ở chỗ khác. Ông lặn lội và từng trải, học được nhiều bài học thực dụng. Ông sống một thời niên thiếu bị đát, một tuổi thanh niên chật vật, được hoàn cảnh đưa đẩy đến những hoạt động phiêu lưu nguy hiểm, được huấn luyện để làm gián điệp tại Nga và đã hoạt động tình báo thực sự với cả Nga, Trung Quốc lẫn Mỹ và Pháp trong bối cảnh chiến tranh và khủng bố. Có thể nói ông là người Việt Nam đầu tiên trong thế kỷ 20 có huấn luyện và kinh nghiệm trong các tổ chức quốc tế. Cuộc sống đó đã tạo cho ông một bản năng sống còn đặc biệt bén nhạy và đã khiến ông hạ được các đối thủ, trong cũng như ngoài đảng cộng sản, nhưng mặt khác cũng đã khiến ông đặt an ninh, địa vị và danh tiếng cá nhân lên trên hết, và ông trở thành nguy hiểm cho mọi người vô tình hay cố ý trở thành một đe dọa thực sự hay tưởng tượng đối với ông.

Quãng đời đấu tranh chống chế độ thuộc địa của ông ngay trên đất Pháp trong thời gian 1915-1923, thường được Đảng Cộng Sản Việt Nam nhắc tới như một thiên anh hùng ca. Hai sự kiện nói lên con người Hồ Chí Minh. Ông rất ít nhắc tới những đồng chí của ông trong giai đoạn này, như các ông Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền đã hướng dẫn ông, nhất là Nguyễn Thế Truyền, người bạn thân đã đem ông vào Đảng Cộng Sản Pháp. Ông giành mọi thành tích của nhóm này cho riêng mình. Một sự kiện khác là ông đã tham gia hội Tam Điểm. Đây là một hội kín mà theo một số tài liệu đã xuất hiện từ thế kỷ thứ 10 và có thể lực lớn tại các nước phương Tây, kể cả tại Pháp. Hội này có đặc tính nổi bật là các hội viên che chở



cho nhau, mặt khác nó cũng chống chính sách thực dân. Tam Điểm có vô số nhân vật đầy quyền lực cho nên khi ra mặt đã kích chế độ thực dân tại Pháp Hồ Chí Minh đã được bảo vệ. Nhưng Tam Điểm mâu thuẫn với Đệ Tam Quốc Tế Cộng Sản nên từ 1920 các đảng viên cộng sản bị cấm gia nhập hội này. Hồ Chí Minh đã chọn Đệ Tam Quốc Tế vì phong trào này cho ông một triển vọng thăng tiến lớn. Ông lặng lẽ bỏ hội Tam Điểm như một thành viên bị mất tích và cũng không khai báo gì với Đệ Tam Quốc Tế. Hồ Chí Minh đi hai hàng, Tam Điểm không biết ông là cộng sản, ngược lại Đệ Tam Quốc Tế cũng không biết ông là hội viên Tam Điểm. Sau Cách Mạng Tháng 8, những người hoạt động chính trị tại Việt Nam và thuộc hội Tam Điểm, do đó có khả năng biết Hồ Chí Minh cũng thuộc hội này, như Tạ Thu Thâu, Bùi Quang Chiêu, Dương Văn Giáo, v.v. đều bị thủ tiêu nhanh chóng. Ngoài ra còn có một đợt tàn sát khó hiểu đối với chức sắc Cao Đài, một biến thể của hội Tam Điểm tại Việt Nam, mà Nguyễn Hộ có kể lại trong hồi ký của ông. Sự tàn sát này phải chăng có mục đích khiến không ai ngờ rằng Hồ Chí Minh có một liên hệ nào với Tam Điểm ? Điều chắc chắn là cho tới khi ông qua đời không ai biết Hồ Chí Minh đã thuộc hội này. Sự thực mới chỉ được phơi bày gần đây.

Cái gì đã khiến Hồ Chí Minh thành công ? Có lẽ lý do chính là ông đã được huấn luyện tại Nga trong bối cảnh khủng bố của các thập niên 1920 và 1930 nên đã hiểu được bí quyết thành công của Đảng Cộng Sản Nga và hiệu lực của khủng bố. Đừng nên quên rằng cuộc cách mạng lật đổ Nga hoàng đã xảy ra vào tháng 2-1917, trong đó đảng cộng sản chỉ có một vai trò không đáng kể. Cách Mạng Tháng 10 Nga chỉ là cuộc đảo chính của đảng cộng sản sau khi đã nắm được thế thượng phong nhờ khủng bố. Hồ Chí Minh đã được huấn luyện về khủng bố và đã áp dụng khủng bố một cách thảnh tay. Cách Mạng Tháng 8 đã khởi đầu với sự thủ tiêu hàng loạt các "phần tử phản động". Cuộc chiến tranh 1946-1954 đã là một giai đoạn khủng bố kinh hoàng. Đặc tính lãnh tụ khủng bố của Hồ Chí Minh cho đến nay chưa được nhấn mạnh đúng mức. Hồ Chí Minh sử dụng khủng bố ngay cả khi không cần thiết như trong vụ *Nhân Văn - Giai Phẩm* và nhất là trong đợt Cải Cách Ruộng Đất năm 1955, trong đó hàng trăm ngàn người đã bị sát hại. Không thể đổ lỗi cho Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt và Hồ Viết Thắng vì lúc đó Hồ Chí Minh còn nắm mọi quyền hành. Cũng nên nhớ là mãi tới năm 1958, ba năm sau khi Cải Cách Ruộng Đất đã được nhìn nhận là một sai lầm đẫm máu, Hồ Chí Minh vẫn còn cho xuất bản cuốn sách mà ông viết dưới bút hiệu Trần Lực ca tụng cải cách ruộng đất tại Trung Quốc, khuôn mẫu của đợt cải cách ruộng đất tại Việt Nam.

Hồ Chí Minh chắc chắn là có tài, nhưng là cái tài của một chuyên viên sách động, khủng bố, lật đổ và cướp chính quyền, chứ không phải là cái tài của một người lãnh đạo quốc gia.

Còn về con người Hồ Chí Minh ? Có thể tóm tắt ông đã là một đứa trẻ không may, không được nuôi nấng và dạy

đỗ trong tình yêu và hạnh phúc, mất mẹ sớm lại phải chịu đựng một ông bố nghiện ngập và hung dữ. Gia đình ông đã là một thảm kịch và ông đã phải bỏ học và lăn lộn với đời rất sớm. Mỗi thảm kịch trong tuổi thơ đều để lại một thương tích trong con người và Hồ Chí Minh cũng không phải là một ngoại lệ. Ông đã bị chấn thương về tâm thần. Có lẽ chính thảm kịch gia đình, mà theo Trần Quốc Vượng đã bắt đầu ngay từ bà nội ông nhưng chắc chắn là đã trầm trọng từ đời thân phụ ông, đã khiến Hồ Chí Minh không có tình cảm gia đình. Tất cả những tài liệu do những người gần gũi với ông viết ra đều không bao giờ thuật lại một lần nào Hồ Chí Minh nhắc đến cha mẹ, anh em, ngày giỗ v.v. Đặc biệt không coi trọng phụ nữ, dù là bà Tăng Tuyết Minh hay cô Nông Thị Xuân hay những người đàn bà khác. Trong cuộc đời ông không có những người đàn bà sung sướng và được quý trọng. Chị ông, mẹ ông và có lẽ cả bà nội ông, đã chỉ là những người sinh ra để làm nạn nhân. Thảm kịch cá nhân của Hồ Chí Minh đã biến ông thành một người mưu lược, khéo léo, nhưng vô nguyên tắc và không bị trói buộc bởi một giá trị nào.

Hồ Chí Minh có công hay có tội ? Đó là một vấn đề sẽ còn tranh cãi rất nhiều và rất lâu. Nhưng nếu ta đặt câu hỏi một cách khác : "*Nếu không có Hồ Chí Minh và đảng cộng sản thì Việt Nam sẽ khá hơn hay sẽ kém hơn hiện nay?*" thì chắc chắn tuyệt đại đa số người Việt sẽ có cùng một câu trả lời. Nói chung Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản Việt Nam đã là những sự kiện đáng tiếc. Trong cuốn *Thời Dựng Đảng* do Đảng Cộng Sản Việt Nam xuất bản, ông Thép Mới viết : "*Các thế hệ Việt Nam sau này sẽ nhớ đến Hồ chủ tịch như là người đã có công đem chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam*". Nhận định này đúng, và giải thích lý do tại sao Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn cố gượng gạo duy trì trên đầu môi chủ nghĩa Mác - Lênin. Vấn đề là việc đem chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam có lợi gì ?

Nhưng dù Hồ Chí Minh có thế nào đi nữa, dù ông có công hay có tội, thì ông cũng vẫn là một con người và vẫn phải được hưởng quyền tối thiểu của một người chết, nghĩa là được yên nghỉ. Việc đem xác một người đã chết trưng bày ở giữa một công trường, dù là trong một lăng đồ sộ và trong một lồng kính, là một hành động đã man theo văn hóa Việt Nam. Không một người Việt Nam nào có thể bị đối xử như thế. Hồ Chí Minh đã bị sử dụng như một dụng cụ tuyên truyền. Đã đến lúc ông có quyền được an táng một cách văn minh.

Nguyễn Gia Kiểng

Mục tiêu gần và cũng thiết thân nhất của *Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên* là đấu tranh thiết lập một thể chế dân chủ đa nguyên trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc bằng những phương thức bất bạo động.  
Là một kết hợp hoàn toàn hướng về tương lai, *Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên* qui tụ những người Việt Nam thuộc đủ mọi lứa tuổi, mọi quá khứ chính trị, mọi cương vị, trong cũng như ngoài nước.

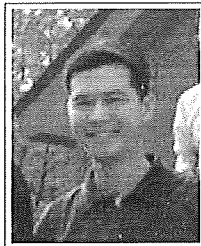
## NHỮNG ĐỘNG LỰC RẤT RIÊNG, MỘT VỮ KHÍ RẤT CHUNG

Nguyễn Vũ Bình đã bị chế độ cộng sản dùng công cụ tòa án để bách hại, như Lê Chí Quang và Phạm Hồng Sơn trước đây. Mọi người đều biết tội danh gián điệp được chế độ dùng để truy tố và buộc tội chỉ thuần túy là thô bỉ. Hành động của những đứa con được ưu đãi của chế độ nhưng đã dũng cảm phản đối chế độ vẫn còn làm mọi người, kể cả những kẻ truy tố và buộc tội, ngạc nhiên và thán phục. Ngạc nhiên vì không ngờ tuổi trẻ Việt Nam vẫn còn tha thiết với đất nước như thế, và thán phục trình độ và phong cách của những người đối diện với bạo quyền.

Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình là những thanh niên lớn lên trong lòng chế độ, thấy rõ bản chất khủng bố hiểm ác của nó nhưng vẫn dần thân. Chắc chắn ý chí quả quyết vì lý tưởng, sẵn sàng chấp nhận gian nguy ấy xuất phát từ lòng yêu nước chân thành. Nhưng chúng ta sẽ còn thiếu sót nếu chỉ lý giải rằng những động lực nung nấu lòng yêu nước, đưa đến những hành động dũng cảm của các anh là sự công phần trước những bất công xã hội lan tràn, sự bất lực của chính quyền trên mọi lĩnh vực, tình trạng nghèo hèn của dân tộc so với cộng đồng thế giới, v.v. Đối với những thanh niên khác thường đáng trân trọng này, lòng yêu nước là một tình cảm tự nhiên đã có sẵn và luôn được nâng niu, nuôi dưỡng nhưng họ cũng hành động do sự thôi thúc của trí tuệ, nhân danh một hy vọng. Đối với những người như Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, sự đàn áp chỉ góp thêm sức bật và quyết tâm.

Cái may mắn là Việt Nam vẫn còn có những con người hào khí được hun đúc bởi lòng yêu nước trong sáng, cái không may là số người mang hy vọng đến cho dân tộc vẫn còn khiêm tốn. Văn hóa truyền thống dân tộc đã không động viên được lòng yêu nước và tinh thần trách nhiệm ở mức độ thích ứng với trào lưu của thế giới. Sự kéo dài của chế độ cộng sản cũng đã dần dần đưa đến sự chán nản với chính đất nước. Nói chung bối cảnh lịch sử và xã hội không thuận lợi cho việc nuôi dưỡng và phát huy lòng yêu nước lành mạnh của người dân. Đây là một thực tế mà những người đóng góp cho dân chủ ở Việt Nam cần nhận diện và đối diện nghiêm chỉnh.

Vũ khí để đóng góp tranh đấu cho một tương lai Việt Nam là lòng yêu nước, điều mà hiện nay quá thiếu. Do đó việc phát hiện, bồi dưỡng và phát huy lòng yêu nước từ những nhân tố rời rạc khắp nơi là một trách nhiệm không nhỏ của một tổ chức đấu tranh đứng đắn. Mỗi người Việt Nam, dù sống ở bất cứ nơi đâu trên thế giới, ít nhiều cũng có những liên hệ về quyền lợi hoặc danh dự đối với sự hưng vong của đất nước Việt Nam. Đối với cộng đồng dân tộc đang định cư ở nước ngoài, sự quan tâm đóng góp cho đất nước là phản xạ của những người có trách nhiệm và không muốn chịu đựng cái nhìn khinh khi dành cho những người xuất phát từ một nguồn gốc kém cỏi. Đối với khối tám mươi triệu người dân trong nước, tranh đấu để



Nguyễn Văn Hiệp

thay đổi hiện tình đất nước là một bức thiết, bởi vì đó là bốn phận đối với bản thân và gia đình mình. Trong hoàn cảnh bế tắc hiện nay, nhất là đối với người trong nước, lợi ích riêng không mâu thuẫn với lợi ích chung, điều tốt cho mọi người cũng là điều tốt cho mỗi người. Tuy vậy, do những hệ lụy lịch sử để lại, khối người Việt trong và ngoài nước có những quá khứ không giống nhau. Hậu quả là đôi khi có những động lực khác nhau trong quyết tâm đấu tranh cho dân chủ, cho đất nước, xuất phát từ những thành phần dân tộc có quá khứ và điều kiện sống khác nhau. Những khác biệt này cần được cảm thông và phối hợp chứ không thể là nguyên nhân chia rẽ.

Một sinh viên trẻ đang ở trong nước đã thổ lộ suy nghĩ hết sức thành thật rằng : *Có một thực tế hiện nay là đại đa số người Việt Nam trong nước rất tôn kính và ngưỡng mộ Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh sáng lập đảng cộng sản nhưng không thể chịu trách nhiệm về những kẻ "phất cờ Hồ Chí Minh nhưng phản bội Hồ Chí Minh". Chế độ hiện nay là cực kỳ phản động, thối nát. Giới lãnh đạo Việt Nam hiện nay toàn là những kẻ bất tài, vô dụng, là sâu mọt đục khoét xương máu nhân dân. Chúng là những kẻ phất cờ Hồ Chí Minh, lợi dụng ngọn cờ đó để lừa bịp nhân dân. Dù chúng có thể dựng hàng ngàn tượng Hồ Chí Minh, xuất bản vô số sách về Hồ Chí Minh, những hình ảnh và di sản của Hồ Chí Minh không thể che lấp được tội lỗi của chúng. Sự chuyên chế và hủ lậu của chế độ đìm dân tộc trong đau thương và tụt hậu. Người dân sẽ không dung tha cho những kẻ phản bội Hồ Chí Minh.*

Suy nghĩ và nhận xét của người bạn trẻ này có thể là một góc nhìn vào toàn cảnh tâm tưởng của khối quần chúng Việt Nam ở trong nước. Khối người Việt hải ngoại, có được nguồn thông tin đa dạng và nhiều chiều chắc chắn không chia sẻ với cái nhìn trên đây về huyền thoại Hồ Chí Minh. Họ có thể dẫn ra vô số tài liệu và sự kiện chứng tỏ cái huyền thoại của một Hồ Chí Minh cha già dân tộc, đức độ, cần kiệm hiến cả cuộc đời cho đất nước chỉ là một sự bịp bợm. Hai bên không được vì thế mà quay lưng lại với nhau. Phải biết quý trọng nhau trong tình yêu đất nước, lắng nghe nhau. Giữa những người thành thực và quý mến nhau mọi hiểu lầm sẽ được giải tỏa, ngay cả nếu chưa đạt được đồng thuận. Nguyên vọng tự do, dân chủ cho đất nước là mẫu số chung của người Việt Nam khắp nơi.

Nhân loại đã trả giá quá đắt cho đủ thứ chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, lý do của vô số tội ác và tiền đề cho những lý luận đòi xóa bỏ biên cương quốc gia. Chúng ta không cổ võ cho chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi đó, nhưng chúng ta cũng cần ý thức rằng không có lòng yêu nước thì chúng ta sẽ không có đủ ý chí để ra khỏi ngõ cụt của độc tài và lạc hậu, đất nước sẽ chỉ là tủi nhục và thất vọng, sẽ giải thể trong lòng người và cuối cùng sẽ giải thể thực sự.

Cùng với Quang, Sơn, Bình, hãy tin tưởng vào một tương lai khác cho đất nước.

**Nguyễn Văn Hiệp** (Charlotte, North Carolina)



# NHỮNG NÉT LỚN VỀ TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC

Bài Tin

**\* Sinh hoạt kinh tế còn nhiều bất trắc \* Chênh lệch giàu nghèo sâu rộng \* Nội bộ đảng cộng sản phân hóa \* Thế giới ủng hộ mạnh phong trào đấu tranh đòi dân chủ trong nước  
\* Quan hệ giữa người Việt trong và ngoài nước ngày càng gắn bó \***

Theo những nguồn tin khác nhau từ trong nước, tình hình có những nét lớn như sau :

**1. Về kinh tế :** mức tăng trưởng đạt khoảng trên 7% một năm cả về nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ ; xuất nhập khẩu cũng tăng khá. Nhưng phần tăng trưởng lớn nhất là do dầu khí và xuất khẩu, do đó chưa vững. Vốn đầu tư tăng dựa vào nước ngoài là chính, nội lực còn yếu ; nợ dài hạn bên ngoài vẫn tăng, gánh nặng cho các thế hệ sau. Giá cả sinh hoạt có tăng đôi chút. Khu vực tư nhân tăng chậm.

Số cơ sở quốc doanh làm ăn thua lỗ còn quá nhiều, giải tư vẫn chậm ; cải cách ngân hàng chưa đạt yêu cầu ; tham nhũng vẫn còn nguyên là quốc nạn, ngày một phổ biến ; bộ máy nhà nước và đảng nặng nề ; bổng lộc cho quan chức quá lớn (tham nhũng chính sách hóa) ; ngân sách đảng lấy từ ngân sách quốc gia cực lớn ; lãng phí lớn ; hành chính trì trệ. Niềm tin của các nhà tài trợ, đầu tư vẫn còn yếu. Tuy nhiên, Việt Nam có khả năng được nhận vào WTO trong năm tới.

**2. Về xã hội :** tệ nạn xã hội vẫn lan tràn (nghiện hút, cờ bạc, mê tín, mại dâm, hàng giả, bằng giả, các loại cò về nhà đất, kiện cáo, thi cử, hàng hóa, xuất ngoại, tìm việc và xuất khẩu lao động, thăng quan tiến chức...) ; lối sống ham vật chất, thực dụng, kiếm tiền, làm giàu trước hết và trên hết, là phổ biến.

Một số lớn viên chức, đảng viên cấp cao cùng vợ con phát lên một cách bất lương, đua đòi ăn chơi, phá cửa, sa đọa... Tầng lớp nhà giàu này tiêu biểu cho lớp tư bản mới, được gọi là tư bản đỏ, phình to rất nhanh do đầu cơ quyền thế, trái hẳn với cuộc sống nghèo khổ của đông đảo nhân dân lao động.

Trong khi bộ máy tuyên truyền huênh hoang về thành tích xóa đói giảm nghèo thì sự chênh lệch giàu nghèo không ngừng mở ra rất rộng (20% người giàu nhất có tài sản gấp 2000 lần 20% người nghèo nhất !). Có thể nói trên đất nước ta đang diễn ra một cuộc cướp phá tập thể, chia chác tài sản và ngân sách quốc gia trên quy mô cực lớn do tầng lớp cầm quyền tham lam vô độ tiến hành.

**3. Về Đảng Cộng Sản Việt Nam :** số lượng đảng viên tuy có tăng (vượt con số hai triệu), cùng ba triệu đoàn viên thanh niên cộng sản, nhưng uy tín của đảng sa sút nhanh, bị nhân dân coi thường, khinh ghét ; người vào đảng chỉ do bó buộc, tìm cơ hội để tiến thân ; ngày càng có thanh niên, viên chức không vào đảng, còn tự hào vì đứng ngoài đảng.

Khái niệm "nhạt đảng", một từ mượn của Thiên chúa giáo, thường được nhắc đi nhắc lại trong các báo cáo để chỉ hiện tượng không còn tin tưởng, quý trọng, muốn gần đảng, phấn đấu để được vào đảng như thời trước ! Với cuộc "mở cửa" bất đắc dĩ, nhiều thông tin mới từ ngoài ulla vào cho dù vẫn bị đảng cộng sản ngăn chặn bằng đủ mọi biện pháp ; nhờ những thông tin này, lịch sử và thành tích của đảng cộng sản, của những người lãnh đạo đang được nhìn nhận lại một cách công bằng, thực tế hơn, có tính phê phán hơn.

Đối với lớp lãnh đạo hiện tại của đảng cộng sản, ý kiến của phần đông cho là rất yếu kém so với các lớp lãnh đạo trước về mọi mặt : trí tuệ, học thức, kinh nghiệm, nhân cách, uy tín, quyền biến - một nhóm người "lùn". Không một ai trong số họ nổi bật lên như một lãnh tụ cao nhất ; trong đảng không có người cầm lái ; "đổi mới" không có ai xứng đáng là "kiến trúc sư", là nhà lý luận, là người cầm trịch, nhạc trưởng... Tổng bí thư, chủ tịch nước, thủ tướng, chủ tịch quốc hội đều sần sần cá mè một lứa, quyền lực phân tán trong khi tình hình nhiều lúc cần một quyền lực quyết đoán, sáng suốt và sáng tạo. Vụ bùng bít thông tin, không dám công khai hóa toàn bộ hiệp định về biên giới với Trung Quốc đưa ban lãnh đạo đảng vào thế bí trước công luận, làm mất uy tín vốn đã rất thấp.

Tuy nhiên cũng có một số ít nhận xét rằng : lãnh đạo hiện tại khá tháo vát, giữ được thế ổn định về chính trị, tỷ lệ phát triển khá cao, vẫn thu hút được đầu tư và du lịch, giữ được lạm phát ở mức nhẹ (tránh được ảnh hưởng xấu của khủng hoảng tài chính châu Á do không vội vã hội nhập với kinh tế khu vực), giữ được quan hệ ngoại giao thăng bằng giữa Đông-Tây, bám chặt hữu nghị với Trung Quốc mà vẫn cải thiện được đôi chút với Hoa Kỳ ; biết cách đối phó với sức ép quốc tế về nhân quyền, vẫn tiếp tục thu hút thêm đầu tư, tranh thủ một bộ phận người Việt ở nước ngoài... Sea Games và kỷ niệm Điện Biên Phủ gây ấn tượng khá về tuyên truyền. Ý kiến này thuộc về số người còn có quyền chức trong đảng và bộ máy nhà nước.

Một số cán bộ trong nước có trình độ khá cao có nhận xét sâu sắc hơn đối với ban lãnh đạo đảng : tư duy chiến lược rất yếu, thiếu nghiên cứu và sáng tạo, thiếu nhìn xa, không dám đột phá về chính sách, đường lối ; chỉ bó hẹp trong tầm nhìn chiến thuật, đoản kỳ, trước mắt, không biết nhìn rộng ra thế giới và thời đại.

(Trong quan hệ quốc tế, có người cho rằng đảng cộng sản đã có chính sách đối ngoại mới, mang tính chất đột phá, tách rời Trung Quốc để xích lại kết thân với Hoa Kỳ. Theo tôi, đây là sự lầm lẫn khi nghiên cứu những văn bản tuyên truyền của đảng cộng sản ; ở mặt ngoài, và trên lời

nói, mới chỉ có vài thay đổi, vài sự việc mang tính chiến thuật nhằm đối phó với tình hình trước mắt ; chưa có một cuộc thảo luận nghiêm chỉnh nào để duyệt lại tình hình trong nước và quốc tế, để suy tính, cân nhắc sâu sắc về chiến lược, về đường lối).

Chính do sự yếu kém về tư duy chiến lược mà mọi chính sách đối nội và đối ngoại đều mang tính chấp vá, tùy tiện, nay thế này mai thế khác. Luật pháp bị phụ thuộc ở đường lối không nhất quán này nên luôn bị sửa đổi và giải thích theo nhiều cách khác nhau.

Ở trong nước có vài đảng viên cấp cao đã mạnh dạn chỉ ra hai nguy cơ lớn liên quan đến sự tồn vong của đảng :

- Tham nhũng tràn lan, bất trị, ngày thêm nặng nề, phổ cập mọi cấp, mọi ngành, cướp đoạt công khai tài sản quốc gia, làm thụt ngân sách nhà nước, đứng đầu là các ngành công an kinh tế, cảnh sát giao thông, hải quan, ngành thuế, bưu điện, ngành chống buôn lậu và chống ma túy (lại là ngành buôn lậu và buôn ma túy mạnh nhất), ngành xây dựng cơ bản (thất thoát đến trên 30% tiền đầu tư cho xây dựng), ngành giao thông vận tải (cầu đường xây dựng đều kém chất lượng do vật liệu bị moi móc thất thoát tới 1/3), ngành giáo dục (bán đề thi, bán bằng giả, có tiền là có điểm) cho đến các ngành có vẻ nghiêm chỉnh nhất như : thanh tra, kiểm sát, tòa án, tổ chức cán bộ, bộ công an, bộ nội vụ, bộ quốc phòng, bộ thông tin văn hóa đều có những ổ tham nhũng hoành hành ngang nhiên. Nó làm tiêu tan tài sản quốc gia, tiêu tan công sức mồ hôi trí tuệ của công chức và công dân lương thiện (thằng ngay làm cho thằng gian hưởng), nó làm hố ngăn cách giữa người cầm quyền với kẻ bị trị sâu rộng thêm hằng ngày và có nguy cơ dẫn đến cường quyền thối nát, bệ rạc, tan rữa trong sự phẫn nộ khinh bỉ và uất hận của nhân dân.

- Nguy cơ thứ hai là sự ỳ lỳ mù quáng không nhận ra những chân giá trị của thời đại : dân chủ và luật pháp, mà luật pháp phải là luật pháp dân chủ. Nói cho công bằng thì đảng cộng sản có tiến hành một số không ít việc theo hướng dân chủ hóa và xây dựng pháp luật, như đề ra nhiều quy định về nề nếp dân chủ ở cơ sở, thông qua và ban hành khá nhiều đạo luật, tại quốc hội đã có phê bình, chất vấn, bãi miễn vài bộ trưởng phạm tội rành rành... Thế nhưng so với những việc cần làm để hòa nhập vào thế giới văn minh, để "tiến kịp với thời đại", để ngẩng mặt không chút hổ thẹn với thiên hạ, thì đó mới chỉ là những bước đi chậm chững. Những việc cần làm, phải làm với ý thức hăm hở tự tin, tự giác vẫn còn rất nhiều ở trước mắt. Việc lớn nhất là tin cậy ở nhân dân mình, cùng nhân dân mở rộng không gian dân chủ trong xã hội, trả lại cho mỗi người dân quyền sống tự do, với đầy đủ các quyền mà một người công dân nước khác đã được hưởng từ lâu ; đó là các quyền tự do thân thể, tự do ngôn luận và báo chí, tự do tổ chức và tôn giáo, tự do bầu cử và ứng cử, tự do kinh doanh, tự do sáng tạo văn học nghệ thuật. Có người đã dám nói thẳng ra rằng một điều đảng nên làm, rất nên làm, làm bây giờ đã là chậm, là phải để cho một vài tổ chức chính trị xuất hiện một cách hợp pháp, cùng đảng cộng sản ganh đua trong sự nghiệp xây dựng đất nước, phục vụ nhân dân, lấy cử tri

làm trọng tài công minh và vô tư nhất, rằng độc quyền lãnh đạo của một đảng là đi ngược với xu thế thời đại, là dẫn đến độc đoán, chuyên quyền, là đi ngược lại lợi ích của nhân dân, là cản trở cho thi hành nghiêm chỉnh luật pháp, là trở ngại lớn nhất của việc chống tham nhũng, thậm chí là đảng tự sát !

Những người này thường viện dẫn Trung Quốc ; ở đó Hồ Cẩm Đào đề ra khẩu hiệu "đi với thời đại", dám mở cửa cho 8 đảng phái và tổ chức chính trị công khai hoạt động, lại còn sửa và bổ sung hiến pháp, công nhận quyền tư hữu, và ghi rõ cả một mục tôn trọng nhân quyền, tự nhận rằng độc quyền lãnh đạo, một mình một chiếu, không có lực cân bằng, ganh đua và giám sát là đảng tự dẫn mình đến chỗ tha hóa và tiêu vong. Người ta đặt câu hỏi tại sao Đảng Cộng Sản Việt Nam lại không kịp thời học Đảng Cộng Sản Trung Quốc ? Và tại sao họ không đủ trí khôn và nghị lực để có thể đi nhanh hơn Trung Quốc, vượt qua Trung Quốc, như mong mỏi của không ít đảng viên có trí tuệ và lương tâm ? Chưa bàn tới tình hình Trung Quốc có thật làm được như thế không, bởi vì trong khi có vẻ mở rộng dân chủ thì đảng cộng sản nước này vẫn song song tiến hành đàn áp những người dân chủ và không tôn trọng nhân quyền ; chỉ cần ghi nhận có một hướng nhìn mới ở Trung Quốc để yêu cầu Đảng Cộng Sản Việt Nam suy nghĩ theo hướng ấy.

Một số đảng viên trong nước còn quan ngại tình hình mà họ gọi là khủng hoảng nhân sự ở cấp cao nhất. Một tổng bí thư tự nhận là kém hiểu biết, kém trình độ lãnh đạo và kinh nghiệm, lúng túng mỗi khi phải huấn thị cho cấp dưới, vụng về khi làm ngoại giao (đảng viên trong nước rí tai nhau : bình thường ra, ông này chỉ làm được đến bí thư tỉnh là hết cỡ !); một thủ tướng mệt mỏi đã quá hạn về hưu, từng hẹn chỉ ở lại thêm nửa nhiệm kỳ, nay lại quá hạn nữa mà chưa có ai thay (do lúng túng, chưa đồng thuận trong lựa chọn giữa Nguyễn Tấn Dũng, Nguyễn Minh Triết và Phan Diễn...?) ; một chủ tịch nước vốn khá trong sạch khi còn là tổng cục trưởng địa chất, khi có quyền cao chức trọng trở thành kẻ đục khoét, lập kỷ lục về tham nhũng (bị nội bộ tố cáo : chủ nhân khách sạn năm sao, chiếm đất khu du lịch Đồng Mô Hà Tây và khu du lịch Tuần Châu Quảng Ninh, gửi ở nước ngoài hàng triệu đô-la, sửa nhà bằng công quỹ hơn ba tỷ đồng...); một chủ tịch quốc hội dính đến vụ Năm Cam (may mà những kẻ tội phạm đã bị răn đe kỹ là khi ra tòa chỉ được kể mối liên quan đến các quan chức từ cấp thứ trưởng trở xuống !).

Có đảng viên cảnh báo đảng có nguy cơ tha hóa do một bộ phận có chức quyền và con cái họ hàng trở nên "tư sản đỏ", có quan hệ khá chặt với xã hội đen và mafia, mất hết tính chất lương thiện, trở thành một tầng lớp đồi bại đối lập với nhân dân và giới trí thức chân chính. Vụ án Năm Cam và vụ Lã Thị Kim Oanh không những không chứng tỏ chế độ có quyết tâm chống tham nhũng, mà còn phơi bày rõ thêm sự cấu kết tội ác ấy ! Đó là đầu mối của các câu chuyện ở vỉa hè, trong gia đình cũng như nơi công cộng ở trong nước.

**4. Về lực lượng phê phán và đấu tranh đòi tự do và dân chủ :** tuy chưa phát triển mạnh trong điều kiện bị trấn áp tàn bạo nên chưa thể xây dựng tổ chức, nhưng ý chí vẫn kiên cường bất khuất, vẫn tự tin, được bên ngoài hỗ trợ khá mạnh, được trong nước biết đến nhiều hơn trước. Những Hoàng Minh Chính, Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Đình Huy, Phạm Quế Dương, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến, Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, Trần Khuê, Trần Dũng Tiến, Vũ Cao Quận..., các vị lãnh đạo tôn giáo Quảng Độ, Huyền Quang, Nguyễn Văn Lý, Phan Văn Lợi... cũng như các chiến sĩ trẻ Nguyễn Khắc Toàn, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Lê Chí Quang... cùng gia đình, bố mẹ, bạn bè, đồng đội vẫn là một thách thức đáng kể đối với chế độ độc đoán.

Nét mới là một số đảng viên có quyền thế trước đây đã lên tiếng mạnh hơn, rõ ràng hơn, như tướng Võ Nguyên Giáp, tướng Phạm Hồng Sơn, tướng Đặng Quốc Bảo, tướng Mai Chí Thọ, các đảng viên từng là ủy viên bộ chính trị, ủy viên trung ương, lão thành cách mạng như Trần Bạch Đằng, Trần Trọng Tân, Trần Hồng Quân, Dương Đình Thảo, Cao Hồng Lĩnh... thẳng thừng đề cập đến cả những điều xưa nay bị coi là húy kỵ, như cảnh báo sự mất quyền lãnh đạo của đảng, chế độ có thể tiêu vong vì đảng tha hóa, đảng không đi kịp với thời đại, đất nước lệt đệt, nghèo khổ và tham nhũng cỡ tận cùng của châu Á ; họ nói lớn những điều không dám nói khi còn cầm quyền, như cần nhận lỗi với người Việt ở miền Nam trước đây đã bị cầm tù dưới danh nghĩa "cải tạo", với những "thuyền nhân" do công an tổ chức, bán bãi, bán tàu để thu vàng ; họ nhắc lại sự xúc phạm thô bạo ông Trần Độ khi ông bị họ gây sự đến chết (với lời phát biểu trâng tráo trong lễ tang của Vũ Mão), và hiện nay là các vụ xét xử cực kỳ phi lý và phi pháp các chiến sĩ dân chủ Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn, Nguyễn Văn Lý, các cảnh thảm khốc buôn bán phụ nữ, trẻ em sang Trung Quốc, Cambốt, trên internet. Có vị còn kêu gọi đảng viên cộng sản lương thiện phải ủng hộ, tiếp sức cho đồng bào oan ức đi khiêu kiện, đi đòi công lý chứ không được đàn áp họ ; có đảng viên yêu cầu nhà đương quyền phải sửa chữa các nghĩa trang dân sự và quân sự của miền Nam cũ bị tàn phá, và chăm sóc các thương binh và người tàn tật không phân biệt thuộc bên nào trong thời chiến, đúng theo truyền thống nhân ái của dân ta.

Một nét mới nữa là một số luật sư trẻ (Trần Vũ Hải, Phan thị Hương Thủy, Vũ Quốc Bình...) tập hợp trong nhóm "Vì Công lý" nhằm bảo vệ sự công minh trong xét xử ; nhóm này vừa ra mắt tại Tây Hồ - Hà Nội, đảng cộng sản liền ra lệnh cấm, các luật sư trẻ vẫn giữ ý định mà họ cho là không phạm luật. Cuộc thảo luận với những ý kiến trái ngược, gay gắt của Nguyễn Huy Thiệp và Trần Mạnh Hảo về hiện tình văn học, được Talawas truyền rộng, làm nổi bật vấn đề đánh giá "nền văn học cách mạng", "văn học đổi mới", đụng chạm tới những vấn đề cốt lõi của văn học : tính nhân bản, tính độc lập, tính khai phá, sáng tạo... là những cái đối lập với thứ văn học minh họa chính sách, văn học ngợi ca, tô vẽ chế độ, lệ thuộc sự lãnh đạo của

đảng cộng sản. Trong tình hình xã hội đang lâm vào tình trạng xuống cấp tệ hại trong quan hệ người với người, khi đồng tiền ngự trị, khi chính kẻ cầm quyền thường tỏ ra "mất dạy và vô học" thì một cuộc tranh luận như thế có giá trị lay động, thức tỉnh thêm một lần giới cầm bút, mà phần lớn vẫn tỏ ra vô cảm, vô hồn, "ngoan ngoãn, để bảo" như lãnh đạo đảng cộng sản mong muốn.

**5. Về quan hệ trong và ngoài nước :** Nghị quyết 36 của đảng cộng sản vẫn chứng tỏ một não trạng mù quáng cố hủ của kẻ cầm quyền, vẫn tự coi mình là kẻ chiến thắng, trịch thượng kêu gọi sự hợp tác đầu tư của người Việt ở ngoài nước, lợi dụng lòng thương nhớ quê hương của những người mà họ từng tàn nhẫn xua đuổi qua chính sách phân biệt đối xử đối với "bọn ngụy tay sai đế quốc". Còn giữ lối nhìn trịch thượng, những thủ đoạn trao đổi văn hóa, truyền hình TVT4, thanh niên về nước tham gia trại hè, sách dạy tiếng Việt cho trẻ em ở nước ngoài... không thể có tác dụng "đoàn kết, hòa hợp dân tộc". Mặt khác, đây là lần đầu tiên bộ chính trị ra một Nghị quyết riêng về người Việt ở nước ngoài, chứng tỏ vai trò của người Việt ở nước ngoài đã được bộ chính trị đảng cộng sản đặc biệt chú ý trong tâm trạng đối phó với những hoạt động nhằm thay đổi cơ cấu chính trị tại Việt Nam vì một thể chế dân chủ, tự do và nhân bản. Việc ông Nguyễn Cao Kỳ về nước khi chế độ đang lừng danh về vi phạm nhân quyền và khi ông Kỳ đang nổi tiếng về kém nhân phẩm chỉ làm cho trọng lượng chính trị cả hai bên giảm đi trông thấy trước đôi mắt tinh tường của công luận.

Giới cầm quyền trong nước rất lo ngại khi "cờ vàng" được nhiều địa phương ở Mỹ, Úc công nhận là tiêu biểu cho cộng đồng người Việt tại đó, khi nhiều chính phủ, nhân vật, tổ chức quốc tế, nhân quyền, thông tấn phương tây - kịp thời và mạnh mẽ - lên án Hà Nội chà đạp nhân quyền, trong các vụ xử án phi lý cũng như trong vấn đề người Thượng (mà nguyên nhân chính là sự chèn ép trong cuộc sống kinh tế do người Kinh di dân chiếm đất, là chính sách đàn áp tôn giáo tại đó), và cả khi một số địa phương tự quyết định là "vùng không tiếp đón cộng sản" - tẩy chay các đoàn cán bộ cộng sản đến thăm và làm việc...

Nét mới đáng mừng là thanh niên Việt trong và ngoài nước đã có những giao lưu tự phát bổ ích, tổ chức một số cuộc hội luận trên mạng Paltalk về hiện tình đất nước, có lúc có tới vài trăm người tham gia, theo những đề tài : đấu tranh giành tự do, xây dựng xã hội dân chủ, quan hệ Việt-Trung, các hiệp định bất bình đẳng, lý tưởng thanh niên, bàn về các cuốn sách mà tác giả là các chiến sĩ dân chủ... Nhờ phương tiện Internet tuổi trẻ trong nước có điều kiện mở rộng sự hiểu biết tình hình chính trị mà họ quan tâm ngày một nhiều hơn. Việc ra mắt những tác phẩm của Phùng Cung, Hà Sĩ Phu được in và phát hành trang trọng ở nước ngoài đã biểu hiện sự gắn bó giữa các chiến sĩ dân chủ trong và ngoài nước ; việc in tác phẩm của Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến, Bùi Minh Quốc... đang được thực hiện thuận lợi. Các điện thư của Câu Lạc Bộ Dân Chủ Việt Nam đã đến số 19 và 20, nội dung ngày càng phong

phủ, sắc bén - với một số bài đáng chú ý gửi từ trong nước của cây viết trẻ Tuệ Minh - được tìm đọc và phổ biến khá rộng, qua internet cũng như trên tập san và báo chí hải ngoại. Việc xây dựng quỹ yểm trợ các nhân vật bất đồng chính kiến trong nước (ở Toronto - Canada) là một sáng kiến tốt, có tác dụng thiết thực.

Một số nhân vật từ trong nước và bạn trẻ ra nước ngoài làm việc và học tập muốn góp ý với các chiến sĩ dân chủ hải ngoại rằng : việc đề ra ranh giới quốc-cộng không còn ý nghĩa thực tiễn, tình hình hiện tại đòi hỏi một sự sắp xếp lực lượng mới, một bên là những người dân chủ và nhân dân đoàn kết đấu tranh cho một nước Việt Nam mới hòa nhập với thế giới dân chủ văn minh, đối lập với những kẻ độc đoán, độc đảng, giả dối mới, hòa nhập nửa vời ngoài miệng với thế giới. Bà con trong nước rất quý trọng một số nhân vật chính trị và trí thức miền Nam cũ đã không còn chỉ nuôi tâm trạng hận thù trong cuộc đấu tranh cho tương lai Việt Nam, còn thông cảm sâu sắc với nhân dân trong nước chưa có tự do, nhiệt thành ủng hộ và phối hợp với anh em dân chủ trong nước.

## Kết luận

13 năm trước, cuối năm 1991, khi Liên Xô sụp đổ, phe xã hội chủ nghĩa tan rã, lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam bối rối, hoảng sợ, không biết có trụ nổi không ; nay họ có phần tự tin, kinh tế phát triển khá, được quốc tế đầu tư, tiếp sức, tổ chức Sea Games sôi nổi, kỷ niệm 50 năm Điện Biên Phủ khá vang dội ; còn hy vọng đưa Việt Nam vào WTO trong thời gian tới.

Ban lãnh đạo đảng đã tính đến một cuộc họp đại biểu đảng toàn quốc giữa nhiệm kỳ vào đầu năm 2004, nhưng rồi lại trì hoãn cho đến nay, có thể vì e ngại sẽ bị đảo lộn về tổ chức, tình hình sẽ mất ổn định (vì nếu họp thì sẽ phải thay thủ tướng, chủ tịch nước, có thể cả chủ tịch quốc hội, tổng bí thư đảng, và cả đến bộ trưởng quốc phòng...). Có thể họ sẽ "nín thở qua sông", trì hoãn việc thay đổi nhân sự cho đến Đại hội X (giữa 2006).

Tình hình hiện tại đòi hỏi các lực lượng dân chủ trong và ngoài nước cùng nhau gắn bó phối hợp chặt chẽ hơn nữa, các tổ chức dân chủ ở hải ngoại liên kết hợp đồng tốt hơn nữa, tranh thủ mạnh hơn nữa mọi thế lực quốc tế rộng rãi, coi trọng vận động tuổi trẻ trong và ngoài nước vào cuộc, tận dụng các phương tiện truyền thông hiện đại cho đấu tranh vì dân chủ hoá đất nước.

Chúng ta cần làm nhiều công việc thiết thực, góp gió thành bão, chú ý đến hiệu quả, không làm theo kiểu khoa trương, hình thức, lấy tiếng. Chúng ta theo dõi thường xuyên tình hình trong nước, tiếp tục đấu tranh bền bỉ, phát huy nhiều sáng kiến, tạo thời cơ và tận dụng thời cơ, thúc đẩy tình hình phát triển thuận lợi.

Công việc của chúng ta thuận chiều thời đại, thuận chiều lịch sử, vì tương lai dân tộc, vì quyền sống tự do và hạnh phúc của đồng bào yêu quý, nhất định thắng lợi về vang.

Bùi Tín (Paris, tháng 5/2004)

## Thành công Thế kỷ 21 Dự án chính trị dân chủ đa nguyên 2001 của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên

Tài liệu này là một dự án xã hội, một lập trường dựng nước, một chương trình hành động và là một lời kêu gọi. Nó cũng chứa đựng một giấc mơ Việt Nam mà trên thêm thế kỷ 21 Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên muốn chia sẻ với đồng bào trong và ngoài nước.

*"Nước Việt Nam sẽ là một nước lớn."*

*"Làm người Việt Nam trong thế kỷ 20 đã là một điều bất hạnh thì làm người Việt Nam trong thế kỷ 21 sẽ phải là một niềm vui, một may mắn và một nguồn hạnh diện."*

*"Thế giới đã biết đến Việt Nam như là nạn nhân của hận thù và chia rẽ, của óe độc quyền lệ phải thì thế giới sẽ phải biết đến Việt Nam sau này như là vùng đất của sự bao dung, như là một mẫu mực thành công của tình anh em tìm lại, của sự hồi sinh từ hoang tàn và đổ nát".*

Tài liệu dày 143 trang, bìa màu. Giá bán (đã tính cước phí bưu điện) tại : Châu Âu : 10 EUR; Mỹ : 12 USD; Úc : 15 AUD. Chi phiếu xin đề : Vietnam Fraternité và gửi về tòa soạn : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint-Georges - France.

## Nguyệt san THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số  
Giá bán tại châu Âu : 35 EUR/năm

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

**Tại Pháp** : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Ngân phiếu xin đề : Vietnam Fraternité.

**Tại Đức** : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : Thanh Luong Nguyen, Konto nr : 0077708294 - Bankleitzahl : 50190000.

**Tại Hòa Lan** : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của Stichting mensenrechten voor VietNam (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

**Tại Anh** : Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW18 3AE. Giá báo một năm là 25 £. Ngân phiếu xin đề : Vietnamese Centre (báo Thông Luận).

**Tại Hoa Kỳ** : Thong Luan, P.O. Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 45 USD. Ngân phiếu xin đề : Quan My Lan. E-mail : qml@thongluan.org.

**Tại Úc** : Sơn Dương, 36 Clarence Street, Condell Park, NSW 2200. Giá báo một năm là 65 AUD. Ngân phiếu xin đề : Thu S. Duong (Báo Thông Luận).

Tìm đọc Thông Luận  
và nhiều tiết mục khác trên internet :  
<http://www.thongluan.org>

## I. Tại sao đảng cộng sản đã chiến thắng ?

*Nguyễn Văn Thế*

Đảng Cộng Sản Liên Xô, người lãnh đạo chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới, sụp đổ năm 1991, kéo theo sự sụp đổ của các đảng cộng sản khác ở Đông Âu. Nhưng tại Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Hàn và Cuba, các đảng cộng sản vẫn đứng vững. Cho đến nay, 13 năm sau ngày bức tường Bá Linh sụp đổ, bốn đảng cộng sản này vẫn còn trụ được. Sự kiện này buộc chúng ta, những người tranh đấu cho tự do dân chủ trên khắp thế giới, phải đặt ra câu hỏi và tìm ra lời giải đáp.

Riêng Đảng Cộng Sản Việt Nam, ngoài sự sụp đổ về mặt tư tưởng và niềm tin, còn gặp nhiều khó khăn trong việc ngăn cản phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ bùng lên ở khắp nơi trong nước. Nhưng ban lãnh đạo đảng cộng sản đã khôn khéo tự thay đổi để tồn tại : chấp nhận nền kinh tế nhiều thành phần, kêu gọi đầu tư nước ngoài.

Trong thực tế, việc mở cửa về kinh tế và du lịch đã đem lại nhiều lợi ích kinh tế quan trọng cho phép hàng triệu người từ các quốc gia dân chủ giàu có vào Việt Nam du lịch, nhờ đó sinh hoạt kinh tế có phần phát triển hơn xưa, đời sống người dân được nâng cao. Nhưng vẫn còn "một cái gì đó" khiến Đảng Cộng Sản Việt Nam lo sợ : sợ dân chúng trong nước biết được những gì đang thực sự xảy ra trên thế giới, nhất là tại các quốc gia dân chủ phát triển phương Tây. Thật vậy, trong số hàng triệu du khách nước ngoài vào thăm Việt Nam, có hàng trăm ngàn người Việt sinh sống tại hải ngoại cũng đã nhân dịp về thăm gia đình và qua những tiếp xúc này người trong nước hiểu rõ hơn về tính ưu việt của xã hội tự do dân chủ phương Tây. Hà Nội tuy có cấm cản giao lưu thông tin giữa trong và ngoài nước nhưng không thể ngăn chặn sự khao khát thông tin, nhất là những tin tức liên quan đến các quyền tự do đã tạo nên sức mạnh và sự giàu có của các quốc gia phương Tây, là các quyền tự do ứng cử và bầu cử, tự do thành lập hội đoàn, tự do báo chí và nhất là quyền con người được tôn trọng.

Thêm vào đó số lượng du học sinh trong nước gửi ra nước ngoài ngày càng đông, đông nhất là tại những quốc gia phát triển phương Tây. Tại đây các em tiếp cận trực tiếp nếp sống tự do dân chủ của người phương Tây và học hỏi được những giá trị đã giúp người phương Tây sống tiến bộ và hạnh phúc hơn những dân tộc khác.

Trước những đe dọa như vậy, tại sao Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn bình chân như vại ? Dựa vào những sự kiện đã và đang xảy ra, sau đây là một số nguyên nhân chính cho phép Đảng Cộng Sản Việt Nam đã chiến thắng và nhờ đó vẫn còn trụ được. Những nguyên nhân này gắn bó với nhau như những mắt xích không thể tách rời. Đó là :

### 1. Chủ nghĩa cộng sản đến Việt Nam không phải bị áp đặt bởi ngoại bang mà do tự nguyện

Đầu thế kỉ 20 nhiều người Việt Nam xuất dương tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ và làm cho đất nước phú cường. Trong số những người này, ngoài các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, v.v., còn có Hồ chí Minh và các đồng chí của ông. Mỗi nhóm tìm con đường cứu nước riêng của mình. Nhóm của ông Hồ chí Minh đã chọn chủ nghĩa cộng sản, vì theo họ chủ nghĩa này đáp ứng đúng nguyện vọng của quần chúng.

*- Chủ nghĩa cộng sản đáp ứng nguyện vọng giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ của thực dân và đế quốc*

Khi đọc quyển "Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về dân tộc và thuộc địa" của V.I. Lenin, ông Hồ đã mừng rỡ reo lên : đây là con đường để giải phóng đất nước. Ông nói : "Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ" ; ông xác nhận : "muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác hơn là con đường cách mạng vô sản". Từ đó ông Hồ và nhóm của ông đã bám lấy chủ nghĩa cộng sản.

*- Chủ nghĩa cộng sản đề ra những lí tưởng thích hợp với giấc mơ về cuộc sống của người Việt Nam vào thời điểm ấy*

Ngoài nhu cầu giải phóng dân tộc, chủ nghĩa cộng sản còn đưa ra những lí tưởng hợp với ước mơ của con người về cuộc sống : xã hội bình đẳng, không còn cảnh người bóc lột người, nhà nước khống chế con người. Những lí tưởng này đáp ứng đúng ước muốn của đại đa số người Việt Nam sống trong nghèo khổ và dưới ách đô hộ của người Pháp lúc bấy giờ. Hồ chí Minh và những đồng chí của ông đã say mê ôm ấp chủ nghĩa này và đã tự nguyện mang vào Việt Nam áp dụng bằng đủ mọi cách.

Yếu tố này đã được chứng minh khi những đảng cộng sản thuộc khối Đông Âu và Liên Xô cũ sụp đổ, đảng cộng sản các nước Trung Hoa, Việt Nam, Bắc Hàn và Cuba vẫn tiếp tục tồn tại : lý do là vì chủ nghĩa cộng sản đã được các đảng cộng sản này tự nguyện đem vào.

### 2. Môi trường văn hóa Việt Nam vào thời điểm ấy thích hợp với chủ nghĩa cộng sản

Sự tiếp nhận chủ nghĩa cộng sản đã không gặp trở ngại bởi vì môi trường văn hóa Việt Nam vào thời điểm ấy phù hợp với chủ nghĩa cộng sản.

*- Chủ nghĩa cộng sản chỉ là một biến thể của Khổng giáo trong đó vẫn duy trì con người là con người chức năng, tính tập thể và tính tôn ti đẳng cấp*

Như ta biết văn hóa Việt Nam vào thời điểm ấy là một nền văn hóa mang nặng tính Khổng Mạnh, một nền văn hóa đặt gia tộc và tôn ti đẳng cấp là quan trọng, trong đó không có con-người-cá-nhân mà chỉ có con-người-chức-năng. Trong thực tế, chủ nghĩa cộng sản là sự biến thể của

triết lý Khổng Mạnh, trong đó con người chỉ là những cơ phận như con ốc, con bù-loon trong một bộ máy. Chủ nghĩa này đặt nặng tính tập thể và tính tôn ti đẳng cấp, suy tôn lãnh tụ. Vì vậy có thể nói môi trường văn hóa Việt Nam vào thời điểm ấy là mảnh đất màu mỡ giúp chủ nghĩa cộng sản có cơ hội phát triển. Chủ nghĩa cộng sản tại Việt Nam giống như cá gặp nước.

- *Đảng cộng sản đã khéo léo lợi dụng môi trường văn hóa Khổng Mạnh để đề cao vai trò của lãnh tụ Hồ Chí Minh*

Văn hóa Khổng Mạnh đòi hỏi phải có một lãnh tụ anh minh để cầm quyền. Người đó là vua, con của trời, đại diện trời để cai trị dân. Đảng cộng sản đã thần thánh hóa ông Hồ Chí Minh và biến ông trở thành một vị thánh sống, một lãnh tụ anh minh. (Chỉ có một khác biệt nhỏ là danh xưng "vua" được thay thế bằng "chủ tịch"). Ảnh hưởng của sự tuyên truyền đánh bóng này có tác dụng sâu rộng trong giới quần chúng bình dân. Nhiều người đã coi ông là vị thánh sống, người cha già của dân tộc và được tôn thờ. Ngày nay nhiều người tuy có chán ghét chủ nghĩa cộng sản nhưng vẫn tôn thờ Hồ Chí Minh. Họ thường nói nếu Bác Hồ còn sống, đất nước chắc đã không bị khốn khổ như hiện nay, v.v... Ai nói động tới Hồ Chí Minh thì coi chừng. Thần tượng Hồ Chí Minh vẫn còn thiêng liêng đối với nhiều người.

Đây là một vấn nạn cần phải xem xét lại, đảng cộng sản không có quyền sửa đổi lịch sử theo lợi ích riêng của mình. Phải trả lại cho lịch sử những giá trị của lịch sử.

### 3. Chủ nghĩa cộng sản gặp cơ hội để phát triển

Như chúng ta biết chủ nghĩa cộng sản đến Việt Nam trước hết như một giải pháp để chống thực dân giành độc lập, sau đó được coi là một lí tưởng đáp ứng được ước mơ bình đẳng của con người.

- *Sự có mặt của thực dân Pháp và đế quốc Mĩ ở Việt Nam là cơ hội để chủ nghĩa cộng sản phát triển và tồn tại*

Trong giai đoạn đầu của cuộc chiến chống thực dân xâm lược, sự hiện diện của người Pháp tại Việt Nam lúc ấy là cái cơ để chủ nghĩa cộng sản phát triển. Thật ra rất ít người Việt Nam nào biết đến chủ nghĩa cộng sản, nói chi đến mặt trái của đảng cộng sản. Đại đa số quần chúng nhìn đảng cộng sản như là phương tiện hữu hiệu nhất để đánh đuổi thực dân, giành lại độc lập cho nước nhà. Các tầng lớp nông dân và lao động thành thị, vì lòng yêu nước, đã hăng say gia nhập hoặc nghe theo đảng cộng sản để chống thực dân Pháp.

Sự hiện diện của người Mĩ sau đó tại miền Nam đã là cơ hội thuận lợi để đảng cộng sản tuyên truyền và bành trướng tại miền Nam. Số người tham gia đánh Mĩ giành độc lập càng ngày càng đông thêm. Sự gắn bó của những người này với đảng cộng sản trở thành tự nhiên.

- *Đảng cộng sản đáp ứng cảm tính của khối đông người nghèo bằng cách cào bằng*

Song song với những tuyên truyền chống Pháp và chống Mĩ cứu nước, đảng cộng sản thêu dệt giấc mơ sau khi thoát khỏi ách thực dân : xã hội bình đẳng, làm theo năng

lực hưởng theo nhu cầu, không còn nạn người bóc lột người. Để thực hiện chủ trương này, đảng cộng sản đã tìm cách cào bằng xã hội: họ chọn một khối thiểu số, những người tương đối giàu có, để cào bằng khiến khối đa số, giai cấp nông dân và lao động nghèo khổ, cảm thấy được bình đẳng với những thành phần trước kia được coi là giai cấp lãnh đạo. Cảm tưởng được bình đẳng này đã khiến họ hăng say tham gia tranh đấu cho chủ nghĩa cộng sản.

### 4. Khối đông quần chúng gắn bó với đảng cộng sản

Cuộc chiến giành độc lập và xây dựng đất nước đã tạo ra một khối quần chúng gắn bó và ủng hộ đảng cộng sản.

- *Khối quần chúng gắn bó với đảng cộng sản vì nhu cầu chống ngoại xâm đã không dảm vất bỏ quá khứ gắn bó này vì làm như vậy tức là phủ nhận tất cả công lao*

Vì lòng yêu nước, muốn giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ thực dân và đế quốc, một khối đông quần chúng đã ủng hộ và sẵn sàng hi sinh cho đảng cộng sản. Xương máu, sinh mạng mà họ và con cháu họ đổ ra cho cuộc đấu tranh giành độc lập này đã tạo cho họ những vị thế, những vinh dự trong xã hội gắn liền với đảng cộng sản. Ngày nay bộ mặt thật của đảng cộng sản đã phơi bày : độc tài, tham nhũng, cửa quyền. Nhưng vì những lợi ích cá nhân do hợp tác với chế độ mang lại, một khối đông quần chúng không dảm chống lại đảng, vì nếu làm như vậy họ tự nhận đã sai lầm trong quá khứ. Phủ nhận tất cả những hi sinh và công lao trong các cuộc đấu tranh giành độc lập thì họ còn lại gì ?

- *Khối quần chúng gắn bó với khối đảng viên vì có liên hệ và được chia chác quyền lợi không thể vất bỏ những đặc quyền đặc lợi họ đang hưởng*

Bên cạnh khối quần chúng gắn bó với đảng cộng sản vì cuộc chiến giành độc lập còn có một khối quần chúng gắn bó với Đảng Cộng Sản Việt Nam trong quá trình cai trị đất nước của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Khối này là những người có liên hệ và được chia chác quyền lợi với khối đảng viên. Khối này cũng là điểm tựa ủng hộ Đảng Cộng Sản Việt Nam bởi vì họ không thể từ bỏ những đặc quyền đặc lợi mà họ đang được hưởng.

### 5. Đảng cộng sản là một tổ chức khủng bố

Trong suốt hai cuộc chiến vừa qua, đảng cộng sản đã khủng bố người dân một cách toàn diện, từ tinh thần đến thể xác bằng bạo lực, hăm dọa, khống chế kinh tế, theo dõi lí lịch, rình mò tình cảm, hạn chế di chuyển, quy định cư trú v.v. Từ khủng bố cá nhân đến khủng bố gia đình và dòng họ qua chính sách lí lịch. Từ thủ tiêu, bắt cóc đến đặt bom, pháo kích, đặt mìn đường xá...

Chính vì sợ sự khủng bố này mà những người đã lỡ theo đảng cộng sản phải cúi đầu tuân theo và càng gắn bó với đảng cộng sản hơn nữa để được tin yêu. Cũng chính sự khủng bố này mà những người ở bên ngoài vòng kiểm tỏa của đảng cộng sản cũng sợ hãi theo, không dảm chống đối.

**Nguyễn Văn Thế** (Drachten - Hòa Lan)

(kỳ sau : *Tại sao đảng cộng sản vẫn còn trụ được ?*)



Một thách thức lớn cho Việt Nam

## Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Hội nghị toàn quốc về đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước, thực hiện nghị quyết trung ương 9 đã được long trọng khai mạc tại Hà Nội ngày 15-3-2004, dưới sự chủ trì của thủ tướng Phan Văn Khải và phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng.

Một cách cụ thể, đây là hội nghị đưa ra những định hướng để cổ phần hóa, còn gọi là giải tư, những doanh nghiệp nhà nước để thích ứng với những đòi hỏi của qui luật kinh tế thị trường và Tổ Chức Thương Mại Quốc Tế mà Việt Nam đang xin gia nhập, đồng thời cũng để những doanh nghiệp này hoạt động có hiệu quả hơn.

Lý do dẫn đến quyết định này là vì hầu hết các doanh nghiệp nhà nước đều làm ăn lỗ lã, hoạt động thiếu hiệu năng, nhà nước đã phải bù lỗ liên tục. Cải tổ lại hệ thống doanh nghiệp nhà nước là điều bắt buộc mà Đảng Cộng Sản Việt Nam đã đề cập tới từ sau Đại hội VI năm 1996.

Từ đó đến nay, chính quyền cộng sản Việt Nam đã có làm một số cải tổ nhưng chỉ nửa vời vì thực sự không muốn. Đảng cộng sản còn phát minh ra cụm từ "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" để tiếp tục duy trì sự khống chế trên mọi sinh hoạt của xã hội.

Ngay nội dung ngôn từ, tự nó đã nói lên sự vô lý. Đã là kinh tế thị trường thì mọi sinh hoạt sản xuất và phân phối đều phải tự do, phụ thuộc vào cung cầu và thị hiếu của thị trường, từ đó khuyến khích cạnh tranh, phát huy sáng kiến và thúc đẩy phát triển. Ngược lại, sinh hoạt kinh tế xã hội chủ nghĩa là sản xuất theo kế hoạch, bắt chấp thị hiếu của người tiêu dùng, do đó không có cạnh tranh, không có sáng kiến, không muốn cải thiện sản phẩm, sinh hoạt kinh tế do đó không thể phát triển được. Mô thức này đã dẫn đến sự phá sản của khối cộng sản Đông Âu và Liên Bang Xô Viết.

Đảng cộng sản tuy có làm một số nhượng bộ như chấp nhận sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, đặc biệt là thành phần kinh tế tư nhân (trước kia bị coi là kẻ thù của cách mạng vô sản), nhưng vẫn giữ chặt trong tay 75% doanh nghiệp nhà nước béo bở nhất như ngân hàng, hàng hải, luyện kim, hóa chất, truyền thông, hàng không, điện lực, v.v. với kết quả chỉ 30% doanh nghiệp nhà nước làm ăn có lãi, 30% sống dật dờ và 40% còn lại làm ăn thua lỗ.

Về số doanh nghiệp cần được giải tư, lúc đầu con số 1.400 xí nghiệp quốc doanh được đưa ra. Không thấy các định chế tài chính quốc tế chấp nhận, Hà Nội nâng lên 2.000 và dự trù hoàn tất giải tư từ nay đến năm 2005 (mỗi năm một nghìn cho tiện sổ sách). Trong thực tế tiến trình giải tư đã diễn ra hết sức chậm chạp và gặp rất nhiều lực cản: nhà nước vẫn giữ trong tay 2/3 cổ phiếu của các doanh nghiệp cổ phần hóa để tiếp tục nắm quyền chỉ đạo; cổ phiếu và cổ phần chỉ bán cho những công ty con trong ngành dọc và cán bộ công nhân viên thuộc doanh nghiệp đó chứ không qua hệ thống các thị trường chứng khoán đã được thành lập. Tóm lại nhà nước muốn nắm giữ tất cả và chỉ chấp nhận chia chác với nhau trong nội bộ mà thôi.

Trong sinh hoạt của một nền kinh tế thị trường bình thường, xí nghiệp nào làm ăn lỗ lã thì phải bị đóng cửa hay bị mua lại. Tại Việt Nam thì ngược lại. Quen sống với chế độ bao cấp, ban lãnh đạo các doanh nghiệp nhà nước không cảm thấy có nhu cầu phải đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội, làm hay không làm họ cũng hưởng chừng ấy quyền lợi. Hơn nữa doanh nghiệp nhà nước béo bở nào càng làm ăn lỗ lã thì càng được vay nhiều tiền để bù lỗ. Doanh nghiệp nào không bị lỗ cũng tìm cách kê khai lỗ lã để được vay tiền. Vay được nhiều, lợi lộc nhiều. Muốn vay được nhiều thì phương Tây gian lận, do đó mới xảy ra tình trạng lớn gian lận lớn, nhỏ gian lận nhỏ. Khi bị bắt buộc gia nhập vào sinh hoạt "kinh tế thị trường", các cấp lãnh đạo cộng sản không muốn mất những đặc quyền đặc lợi này, từ đó mới nảy sinh cụm từ lằng nhằng "theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

Cũng nên biết số nợ khó đòi (đúng ra là không thể đòi được) và thất thoát là 300.000 tỉ đồng, gần 19 tỉ USD! Tình trạng này không thể tiếp tục. Trong hội nghị về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước vừa nói, thủ tướng Phan Văn Khải nói: "Nếu không kiên quyết cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước thì [chế độ] sẽ sụp đổ".

Khi bị các định chế tín dụng quốc tế làm áp lực, lúc nào Hà Nội cũng hứa hẹn sẽ làm. Làm được hay không, đó mới là vấn đề. Thật ra Hà Nội chỉ có quyết tâm nói nhưng chưa có quyết tâm làm. Chính quyền cộng sản thường dùng lối gở để thỏa mãn những yêu cầu của các định chế quốc tế để câu giờ, tình trạng này không thể tiếp tục được nữa. Gần đây Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) đã ngưng tài trợ một số dự án phát triển vì sổ sách không minh bạch mặc dù Hà Nội biện hộ là luật pháp Việt Nam không cho phép tiết lộ "những bí mật quốc gia".

Cái mà các định chế tài chính quốc tế khuyến khích sau khi giải tư các doanh nghiệp nhà nước là sự lớn mạnh của khối kinh tế tư nhân, được đánh giá là làm ăn có hiệu quả. Chương trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước nằm trong tiến trình đó. Vấn đề là nhà nước Việt Nam có thực sự muốn giải tư những doanh nghiệp nhà nước hay không và những người lãnh đạo đảng cộng sản có chịu bị mất quyền lợi hay không? Ít ai biết rằng chính những doanh nghiệp nhà nước này nuôi dưỡng cả guồng máy đảng và nhà nước từ trước tới nay. Đây là một thử thách lớn cho Việt Nam, nếu vượt qua chúng ta sẽ bước vào ngưỡng cửa của phồn vinh, còn không Việt Nam tiếp tục bị xếp vào hạng những quốc gia nghèo khổ nhất thế giới.

Từ đây đến năm 2005, tức chỉ còn hơn một năm rưỡi nữa, nếu chính quyền cộng sản Việt Nam thành công trong việc cổ phần hóa 2.000 doanh nghiệp nhà nước thì đây là một kỳ công, rất đáng được ngả mũ chào. Nhưng tâm lý con người từ trước tới nay, cộng sản hay không cộng sản, ít ai vui vẻ tự trồng dây thòng lọng vào cổ để chết.

**Việt Hoàng (Moskva)**

## Nghị quyết 36 và người Việt ở nước ngoài

Nghị quyết số 36 của Đảng Cộng Sản Việt Nam về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, ban hành ngày 26-3-2004, cần được đặc biệt lưu ý. Là người Việt ở nước ngoài sinh sống lâu năm tại Việt Nam, tôi thấy có bốn phần nói ra những điều mắt thấy tai nghe liên quan đến cộng đồng người Việt hải ngoại xảy ra trong nước.

Đây là lần đầu tiên đảng cộng sản đưa ra một văn bản chính thức liên quan đến cộng đồng người Việt hải ngoại. Trước đó đã có hàng chục văn bản, văn kiện pháp lý cấp chính phủ nói về vấn đề này. Nghị quyết này chính vì thế là chỉ thị cao nhất để các cấp chính quyền thi hành. Việc ban hành văn kiện này không phải tình cờ, nó đã được ra đời sau nhiều năm bàn bạc, tìm hiểu và thử nghiệm, đặc biệt là sau buổi trao đổi với những đại biểu của cộng đồng người Việt tại Bắc Mỹ tháng 6-2003 do thứ trưởng ngoại giao, ông Nguyễn Đình Bin, hiện nay là đại sứ tại Pháp, cầm đầu. Cộng đồng người Việt ở nước ngoài (các quốc gia phương Tây) được đảng cộng sản chú ý tới vì "có tiềm lực kinh tế nhất định". Nhất định ở đây có nghĩa là dồi dào, giàu có, nhiều tiền.

So với các văn kiện và văn bản pháp lý đã được ban hành trước đó, nội dung nghị quyết này không có gì mới: vẫn ngôn ngữ lưỡi gươm để khuyến khích người Việt ở nước ngoài mang tiền về trong nước. Điểm khác biệt là nghị quyết này nhìn nhận "các chủ trương, chính sách của đảng và nhà nước cộng sản đối với người Việt Nam ở nước ngoài chưa được quán triệt sâu sắc, thực hiện đầy đủ", nghĩa là còn rất nhiều khuyết điểm mà các cấp ủy đảng và lãnh đạo chính quyền các cấp phải bằng mọi cách khắc phục.

Thực tế như thế nào? Đối với người trong nước (dân chúng và chính quyền), cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài chỉ là những con bò sữa để họ vắt cho hết tiền mới thôi. Cho dù đảng và nhà nước có ra hàng chục văn kiện pháp lý bênh vực, ưu đãi hay gì gì khác, tình trạng này cũng sẽ không thay đổi nếu chính quyền không quyết tâm thực hiện từ cấp cơ sở, nghĩa là từ người công an gác đường đến nhân viên hải quan, cán bộ phường khóm.

Thử nhìn lại vấn đề nhà đất. Không biết chính quyền cộng sản đã ban hành bao nhiêu văn kiện pháp lý cho phép người Việt ở nước ngoài đứng tên mua nhà mua đất. Đến nay số người được phép đứng tên nhà đất có thể đếm được trên đầu ngón tay, nghĩa là rất ít, phần lớn là người già cả mà tuổi đời đang bị đếm ngược. Đó là chưa kể nỗi nhục nhằn của những người muốn mua nhà đất khi qua các cửa ải hành chánh, phần lớn đều đã tiền mất tật mang, có khi còn bị hành hung khi cố gắng đòi lại tiền.

Kế đến là vấn đề đầu tư. Cho tới nay, theo chỗ tôi biết, chưa có người Việt ở nước ngoài về nước làm ăn thành công. Nếu người nào nói có, thì đó là một phép lạ. Thật ra không người nào chịu thú nhận là mình đã thất bại trừ khi đã bị mất hết vốn không thể nói khác hơn. Phần lớn đều nói thành công vì sĩ diện, ít ai chịu thú nhận là mình đã bị

thua, bị làm tiền, bị lường gạt, bị làm nhục và nhất là bị mất thì giờ. Sau khi chạy chọt xong qua các cửa ải hành chánh, công việc bắt đầu chạy thì hàng trăm chi phí không thể tính vào sổ sách kinh doanh được liền xảy ra: tiền trả nước cho người cung cấp điện, nước, phát thư, hốt rác, công an khu vực, cán bộ thu thuế, v.v. tới xin "giúp đỡ". Nếu không giúp thì tai họa liền giáng xuống ngay: bị cúp điện, cúp nước vì lý do "kỹ thuật", rác không được hốt vì xe hư, công an đến phạt xe khách đến thăm vì đậu không đúng luật, cơ quan nhà đất, vệ sinh, lao động đến kiểm tra, v.v.

Đó là chưa kể những người "bạn" trong chính quyền lúc nào cũng "đòi" được mời đi ăn tối, đi du hí, hay những tay du thủ du thực (cao bồi du dãng) không biết từ đâu tới xông đại vào cơ sở... xin tiền uống bia, không cho thì không được mà đã cho rồi thì bị xin hoài. Bò sữa mà!

Không riêng gì người Việt ở nước ngoài, khách đầu tư gốc phương Tây đều chịu chung số phận, trừ những nhà đầu tư gốc Hoa, Đại Hàn và Nhật Bản.

Một bất trắc khác mà không một nhà kinh doanh Việt kiều nào không vấp phải là rất khó phân biệt làn ranh thế nào là hợp pháp hay bất hợp pháp trong giao dịch. Chẳng hạn như khi bị cúp điện bất thành linh, gọi điện thoại đến công ty điện lực thì đầu dây nói đang bận. Muốn được việc thì phải mời nhân viên điện lực tới cho tiền... uống bia để nối lại mạch điện. Như vậy là vi phạm pháp luật vì tội hối lộ, không đưa thì cả công ty, hãng xưởng phải ngừng sản xuất hay ngưng việc. Khi công an khu vực hay cán bộ phường xã đến làm biên bản, nhiều vấn đề khó xử khác liền hiện ra: mời cả đám đi uống bia hay chấp nhận bị xử lý hành chánh? Không cho ăn thì bị phạt vạ hoài, cho ăn rồi thì biết bao nhiêu cho đủ? Ở Việt Nam không một cán bộ nào không ăn hối lộ, nhưng khi vỡ chuyện thì người đút lót mang tội chứ không phải người nhận. Luật chơi ở Việt Nam là như vậy, người Việt ở nước ngoài lúc nào cũng là nạn nhân.

Đó là chưa kể đến những trường hợp những Việt kiều về nước đầu tư qui mô, lập nên những cơ sở lớn rồi bị quy hết tiền bạc và tài sản. Chính quyền và cán bộ cứ để cho công ty vỡ béo, khi nhận thấy con mồi đã đủ béo bở thì họ lập tức tìm cách chiếm đoạt cơ ngơi và tiền bạc như trường hợp các công ty dịch vụ điện thoại, tin học và xuất nhập khẩu do Việt kiều làm chủ. Nhiều người đã già đi trước tuổi vì buồn phiền, và rất nhiều người không dám trở về lại quốc gia tạm dung vì xấu hổ.

Còn người Việt ở nước ngoài về thăm quê hương thì thế nào? Số phận của họ cũng không hơn gì. Sự sợ sệt hay phân biệt đối xử xảy ra ngay khi vừa đặt chân xuống phi trường và kéo dài trong suốt thời gian còn ở trong nước.

Đầu tiên là tại các phi cảng quốc tế, Tân Sơn Nhất và Nội Bài. Tất cả bà con Việt kiều đều sợ và hồi hộp khi bước qua cửa khẩu để làm thủ tục nhập cảnh. Xin nói thêm là sự sợ sệt này chỉ xảy ra trong giới Việt kiều mà thôi,

người nước ngoài thứ thiệt không lâm vào tình trạng này. Cho đến hôm nay vẫn còn rất nhiều bà con Việt kiều kẹt tiền vào hộ chiếu, tức "thủ tục đầu tiên", để được mau ra khỏi cửa ải này. Thật ra không ai hù dọa gì, công an xuất nhập cảnh chỉ hỏi vợ vấn một vài câu thông lệ như : Tên họ là gì ? Có phải Nguyễn Văn A không ? v.v. Không hiểu sao tất cả đều sợ và lú lờ khi trả lời. Bình thường chỉ cần để vào hộ chiếu chừng 5 hay 10 USD là được rồi, nhưng có người sợ quá để vào những tờ 50 USD hoặc 100 USD.

Qua xong cửa ải xuất nhập cảnh, đến lượt hải quan cửa khẩu. Ở đây hành lý phải qua máy soi rọi. Nhân viên hải quan nhìn mặt từng người, cũng hỏi những câu bình thường như : Có gì khai báo không ? Có hàng quốc cấm không ? Ai cũng sợ bị làm phiền, sợ uống phí thì giờ vì người nhà đang chờ ở ngoài cổng. Lại phải chi, vì trước sau gì cũng phải chi, chi trước cho xong việc. Ít thôi, tùy theo nỗi sợ hãi của từng người. Sợ ít thì 5 USD, sợ nhiều thì 20 USD. Qua xong hai cửa ải này, có người mất tới cả trăm đô la.

Chưa hết, vừa về đến nhà, có khi hành lý chưa kịp xuống hết, không biết một công an khu vực đã hay tin từ đâu tới "thăm". Mặc dù không quen biết gì, nếu được tặng cho một vài món quà quý từ nước ngoài thì mọi chuyện đều êm xuôi, còn không thì ngày hôm sau sẽ nhận một giấy triệu tập ra đồn công an làm việc với lý do : "cho biết sau" (thật ra là để kiểm soát hộ chiếu, thời gian nhập cảnh và làm giấy tạm trú). Câu hù dọa ăn tiền nhất là : thu hồi hộ chiếu, giấy nhập cảnh đem ra phường kiểm tra. Khi nhận giấy triệu tập, nếu biết điều, nghĩa là biết vâng vâng dạ dạ ngọt xớt và "chi đẹp" thì chỉ bị mời ra làm việc ban ngày, còn không thì sẽ bị triệu tập vào những giờ giấc rất bực mình (ban đêm, giữa trưa hay vào giờ ăn cơm chiều).

Sau khi thấy người Việt ở nước ngoài về thăm gia đình biết điều thì công an khu vực, cán bộ phường xã tới "thăm" lia lịa để xin được giúp đỡ vì vợ yếu con đau, xe hư... Tự nhiên người công an khu vực trở thành người thân trong nhà, ngày nào cũng tới chào hỏi và tình nguyện làm giấy tờ giùm. Đặc điểm của công an là họ không quên gì cả, ngày đến và đi của người Việt ở nước ngoài được khắc ghi vào dạ, có khi còn nhắn người nhà hỏi thăm. Trước ngày hết hạn, người công an khu vực tự động đến hỏi có muốn ở lại thêm không, sao về sớm thế... với hy vọng được giao gia hạn giùm. Nói chung cách ứng xử của cán bộ công an khu vực tùy thuộc vào túi tiền của người Việt kiều.

Trong giao thiệp hàng ngày, trong gia đình cũng như ngoài đường phố, tư cách pháp nhân của người Việt ở nước ngoài tùy thuộc vào người đối diện. Khi vui thì "được" nhìn nhận là Việt kiều hay người Việt ở nước ngoài. Khi bị ghét thì "bị" coi là người Việt trở không, nghĩa là bị chi phối bởi luật pháp Việt Nam. Chính vì thế mới có cụm từ "người Việt ở nước ngoài" chứ không phải Việt kiều.

Người Việt ở nước ngoài có nhiều loại : người Việt vẫn còn giữ quốc tịch Việt Nam ở nước ngoài (nhân viên ngoại giao, du học sinh, lao động xuất khẩu...), những người này không phải là đối tượng của Nghị quyết 36. Chỉ những người Việt ở nước ngoài định cư tại các quốc gia giàu có phương Tây mới thuộc diện này, những người được coi là

có "tiềm lực kinh tế nhất định", nghĩa là có tiền. Những người Việt ở nước ngoài khác (20%), mặc dù vẫn được tính vào số thống kê 2,7 triệu người như tại Nga, các quốc gia Đông Âu cũ, Kampuchia không nằm trong diện này vì chưa có "vị trí nhất định trong đời sống kinh tế, chính trị - xã hội ở nước sở tại", nghĩa là đời sống kinh tế còn bấp bênh.

Việt kiều cũng có nhiều loại : Việt kiều tại Mỹ được mang tiếng là sang, hay dám chơi bạo, đó là những con bò sữa béo bở cần được chăm sóc đặc biệt ; Việt kiều tại Úc và Canada thì được đối xử trung bình ; còn Việt kiều từ châu Âu thì bị khinh ra mặt và còn bị coi là "sạo", "keo", "rít", "hà tiện". Người Việt sinh sống tại các quốc gia Đông Âu không được liệt vào hạng Việt kiều. Đối người trong nước, đã là Việt kiều thì phải có tiền. Ai mà nói không có tiền liền bị coi là sạo, bị khinh khi ngay. Chính vì thế mọi người, mọi cơ quan nhà nước đã bằng mọi cách moi móc cho hết túi tiền của Việt kiều mang vào nước.

Hệ thống ngân hàng Việt Nam vắt tiền Việt kiều như thế nào ? Rất là tinh vi. Tất cả ngoại tệ chuyển vào Việt Nam đều phải chuyển ra thành USD hay VND để dễ quản lý, mỗi lần chuyển đổi như vậy là phải chịu lệ phí và mức chênh lệch chuyển đổi. Khi mở một trương mục ngoại hối tại bất cứ ngân hàng nào, Việt kiều phải chịu các loại phí như sau : phí mở trương mục cho người nước ngoài : 5% (trên tổng số tiền bỏ vào lúc đầu) ; phí rút tiền mặt : 2,75% cho mỗi lần rút ; phí quản trị ngân hàng : 0,5%/tháng trên tổng số tiền còn lại ; phí chuyển ngoại hối : 5% trên tổng số tiền muốn chuyển ; phí báo tin : 20 USD/lần ; phí quản trị phải trả cho ngân hàng trung gian : 20 USD ; phí trả cho ngân hàng chủ quản nơi cư ngụ : 75 USD, v.v.

Trong dân gian, Việt kiều là bò sữa nên ai cũng muốn đến vay (thật ra là xin) tiền, nhất là bà con thân thuộc. Khi tiền đã cho vay rồi đừng mong có ngày trả lại. Lời hứa gần như vô nghĩa. Không ai giữ lời hứa cả, từ các cơ quan chính quyền đến các xí nghiệp tư nhân, cả với người thân trong gia đình. Nhưng cái đặc sắc nhất của Việt Nam là "con nợ" làm chủ trong mọi trường hợp, người đi đòi nợ ở trong thế yếu. Nếu đòi quá thì coi chừng khi ra ngoài đường bị du đàng đánh cho bở ghét, có khi còn mang vài vết theo trên mặt làm kỷ niệm. Đừng hy vọng gì vào công an, dịch vụ nào cũng phải chi tiền ra trước và chưa chắc đã thực hiện.

Nói tóm lại, cho tới nay, mặc dù biết bao pháp lệnh hay luật lệ do chính quyền cộng sản Việt Nam ban hành, số phận của Việt kiều về thăm quê hương hay đầu tư vào trong nước vẫn không thay đổi : họ chỉ là những con bò sữa không hơn không kém. Khi vui thì được vuốt êm ái, khi buồn thì bị ruồng rẫy sau khi đã bị trấn lột hết sạch tiền bạc. Càng quen biết lớn càng mất mát lớn. Càng phô trương làm ăn lớn càng bị trấn lột lớn. Chỉ những ai không bước ra ngoài đường mới không bị thiên hạ lường gạt hay ức hiếp, nhưng không ai tránh khỏi cảnh bắt buộc phải hối lộ hay đút lót công an xuất nhập khẩu, hải quan và công an khu vực. Nếu chính quyền cộng sản Việt Nam không giáo dục, huấn luyện toàn bộ nhân viên cấp cơ sở thì mọi kêu gọi Việt kiều về nước giúp đỡ phát triển đều vô ích.

Hà Ngọc Báu (Antwerpen, Bỉ)

## **Z. Sự quan tâm của người Nhật đối với văn hóa Việt Nam**

*Lê Văn Hào*

Mặc dù nước ta nằm trên ngã ba đường giao lưu văn hóa lớn của toàn vùng Đông Nam Á, ảnh hưởng của văn hóa văn minh Nhật Bản đối với Việt Nam không nhiều.

Tại sao ? Do khoảng cách địa lý ? Do sự khác biệt văn hóa ? Do thế áp đảo của văn hóa chữ Hán trên xã hội Việt Nam truyền thống ? Có phải do Việt Nam chỉ chú ý đến sự phồn vinh của cường quốc thứ ba này qua hàng trăm địa chỉ kinh tế ngay trên đất nước chúng ta mà không biết đến sự giàu có về văn hóa và nghệ thuật của Nhật Bản ? Cho đến nay chưa có câu trả lời nào thỏa đáng.

Phải tìm cho ra mắc xích đã thiếu trong quan hệ văn hóa giữa hai nước, vì người Nhật rất quan tâm đến văn hóa nước ta trong khi chúng ta thì ngược lại.

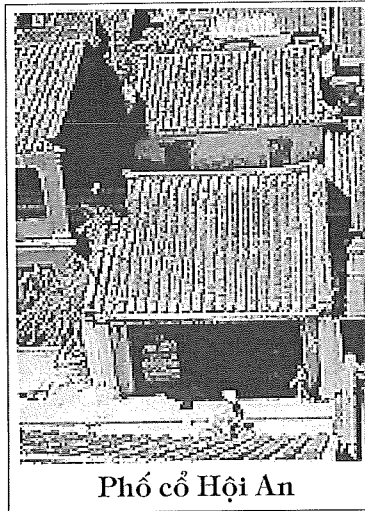
### **Đã đến lúc cần làm một so sánh**

Nhật Bản là một quốc gia hải đảo rộng 337.835 km<sup>2</sup>, gồm bốn đảo lớn và hàng ngàn hòn đảo nhỏ. Với 127,5 triệu dân, Nhật Bản là quốc gia đông thứ sáu tại châu Á sau Trung Quốc, Ấn Độ, Nam Dương, Pakistan và Bangladesh. Mặc dù sinh sống trong những điều kiện thiên nhiên khó khăn (đất hẹp, người đông, núi lửa, động đất, sóng thần, núi non hiểm trở, đất đai khô cằn, kém phì nhiêu...), tổng sản lượng gộp nội địa (GDP) và lợi tức bình quân đầu người tại Nhật Bản đứng hạng nhì thế giới : 4.265,6 tỷ USD và 33.550 USD/người, chỉ sau Hoa Kỳ (10.110,1 tỷ USD và 35.060 USD/người).

Đối sánh với Việt Nam, sự khác biệt cách xa một trời một vực. Mặc dù sinh sống trên cùng một diện tích (332.000 km<sup>2</sup>), dân số tuy ít hơn (80,8 triệu dân) nhưng được thiên nhiên ưu đãi, Việt Nam bị xếp vào hạng những quốc gia nghèo khó nhất. Lợi tức bình quân đầu người/năm tại Việt Nam thấp hơn người Nhật gần 80 lần (430 USD).

Thảo nào, đầu năm 2004, giáo sư Nguyễn Lân Dũng, nhà sinh học hàng đầu của Việt Nam, đã phải day dứt : "*Cuối năm Quý Mùi [2003], tôi có mặt tại Nhật Bản. Những ngày tại xứ sở hoa anh đào, tôi suy nghĩ rất nhiều về sự chênh lệch còn quá xa về trình độ khoa học, công nghệ, về quản lý trật tự xã hội và về mức sống giữa nhân dân Nhật Bản và nhân dân ta. [...] Truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta có thua kém gì nhân dân Nhật Bản. Nhưng để phát huy được truyền thống ấy [...] có nhiều điểm chúng ta cần khiêm tốn học hỏi nhân dân xứ sở hoa anh đào*" (1).

Nhận xét này trùng hợp với ý kiến của giáo sư Yoshiaki Ishizawa, giám đốc Viện Văn Hóa Á Châu Đại học Sophia, quyền trưởng đoàn đại biểu Nhật Bản tham dự Hội thảo quốc tế về đô thị cổ Hội An, tổ chức tại Đà Nẵng tháng 3-1990 :



**Phố cổ Hội An**

*"Với một lịch sử lâu đời và quang vinh, với một di sản và truyền thống văn hóa phong phú, Việt Nam đã và đang đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành nền văn hóa của khu vực rộng lớn ở Đông Nam Á. Nhờ những đặc tính độc đáo và có ảnh hưởng sâu rộng đó, đất nước tuyệt vời của quý vị đã thu hút được nhiều học giả và chuyên gia từ khắp nơi trên thế giới trong một thời gian dài"* (2).

Tại sao người Nhật đã, hơn một lần, bày tỏ sự ái mộ đối với văn hóa văn minh Việt Nam ? Có lẽ đã đến lúc cần đưa ra vài ví dụ cụ thể, vài trường hợp tiêu biểu để tìm lại mất xích đã thiếu trong quan hệ Việt - Nhật từ xưa đến nay.

Ngày 11-9-2003, buổi hội thảo về "Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản : quá khứ, hiện tại và tương lai", do Trung tâm

Quốc gia Khoa học Xã hội và Nhân văn tổ chức tại Hà Nội, đã qui tụ đông đảo chuyên gia người Việt và người Nhật, đặc biệt là sự hiện diện của đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam, ông Hattori Norio, để nghiên cứu so sánh văn hóa, lịch sử, kinh tế Việt-Nhật. Nội dung buổi hội thảo xoay quanh những đề tài : quá trình quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản trong quá khứ, trong 30 năm gần đây (1974-2003), trong giai đoạn hiện nay và triển vọng của mối quan hệ này trong tương lai (3).

### **Người Nhật tại Hội An thế kỷ 16-17**

Qua hội thảo tháng 9-2003 cũng như một số hội nghị khoa học trước đây (Hội

thảo quốc tế về Hội An tháng 3-1990, Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất tại Hà Nội tháng 7-1998), người ta thấy vào buổi bình minh của Đàng Trong nước Đại Việt (cuối thế kỷ 16, đầu thế kỷ 17), thành phố Hội An của xứ Quảng, phía nam Thuận Hóa, đã là nơi hội tụ của dân đến từ nhiều nơi trong nước và cũng là nơi tụ hội của nhiều thuyền buôn và kiều dân nước ngoài, đông nhất là người Nhật Bản và người Trung Quốc. Sự kiện này đã được giáo sĩ người Ý Cristophoro Borri (và một số tài liệu ghi chép khác sau ông còn lưu lại cho tới ngày nay) ghi lại rằng : "*Chúa Đàng Trong xưa kia cho người Nhật, người Tàu chọn một địa điểm để lập một thành phố cho tiện việc buôn bán. Thành phố này tên là Faifo, lớn đến độ người ta có thể nói là có đến hai thành phố, một phố Tàu và một phố Nhật. Mỗi phố có khu vực riêng, có thị trường riêng và sống theo tập tục riêng. Người Tàu có luật lệ và phong tục của người Tàu, và người Nhật cũng vậy*" (4).

Quan hệ giao lưu kinh tế và văn hóa Đại Việt - Nhật Bản, nhất là tại xứ Đàng Trong, đã có từ cuối thế kỷ 16. Tàu buôn Nhật chở tới Hội An vàng, bạc, đồng, vũ khí... bán cho Đàng Trong và mua lại tơ tằm, gốm sứ, đường, san hô, ngà voi, trầm hương, kỳ nam... mang về Nhật.

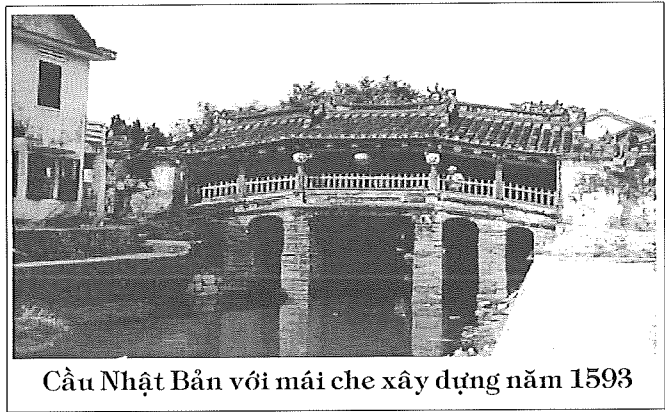
Đầu thế kỷ 17, do làm ăn phát đạt, thương nhân Nhật tại Hội An đã mua lại của chúa Nguyễn 20 mẫu đất để lập phố xá và làm ruộng, một số được dùng để xây chùa (Tùng Bốn Tự). Người Nhật rất sùng đạo Phật, họ dựng bia, đúc chuông và tượng Phật để thờ phượng, một số thương gia đã lập gia đình với người Việt. Phố Nhật ở đầu đường phía mặt trời mọc của Hội An, phố Tàu ở cuối đường phía mặt trời lặn thuộc làng Cẩm Phô và Thanh Hà.

Từ phố Nhật lên chợ Cẩm Phô và phố Tàu phải qua một con khe, người Nhật đã xây tại đây một chiếc cầu gọi là Cầu Nhật Bản. Đây là thời kỳ cực thịnh của phố Nhật ở Hội An nên người phương Tây gọi Hội An là "Đô thị Nhật Bản" và ông thị trưởng đầu tiên của phố Nhật được chúa Nguyễn công nhận năm 1618 là một nhà buôn kiêm chủ tàu tên Furamoto Yashishiro. Có những thị trưởng Nhật có uy tín và ảnh hưởng lớn ở Đàng Trong. Thời kỳ Đàng Trong bài đạo Thiên Chúa gay gắt, giáo sĩ Alexandre de Rhodes đã được một thị trưởng Nhật tại Hội An can thiệp để không bị đàn áp (5).

Năm 1636 chính quyền Nhật Bản cấm thương nhân Nhật xuất ngoại làm cho quan hệ buôn bán giữa Đại Việt và Nhật Bản sa sút và số người Nhật đến Hội An cũng giảm dần. Ngược lại, cùng lúc đó, số người Hoa có mặt tại Hội An không ngừng tăng lên. Giữa thế kỷ 17, số người Hoa tại Hội An lấn át người Nhật. Cuối thế kỷ 17, người Nhật chỉ còn lại khoảng 4 hay 5 gia đình. Thương nhân người Hoa tràn sang phố Nhật (6). Sang thế kỷ 18, người Nhật vắng mặt hẳn ở Hội An, bù lại văn khố Nhật vẫn còn lưu giữ một số kỷ niệm, văn vật và sử liệu quý báu liên quan đến giai đoạn này có thể giúp cho người Việt Nam biết thêm về lịch sử và văn hóa của chính mình.

### Những tài liệu ghi dấu quan hệ Việt-Nhật

Các cuộc nội chiến Lê-Mạc, Trịnh-Nguyễn-Tây Sơn đã xóa đi rất nhiều chứng tích trên hiện trường liên quan đến lịch sử và văn hóa của thời đại Đại Việt. Nhưng dân tộc Việt Nam vẫn còn cái may là nhiều văn kiện ngoại giao liên quan đến vua Lê, chúa Trịnh, chúa Nguyễn từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 18 đã được tàng trữ trong các văn khố của Nhật Bản. Đó là các bộ : *Rekidai hōan* (Lịch đại bảo án, tức những tư liệu quý báu qua các đời) tập hợp các văn thư trao đổi giữa vương quốc Lưu Cầu của Nhật Bản với Trung Quốc, Triều Tiên và các nước Đông Nam Á (từ 1424 đến 1867), trong đó có Đại Việt ; *Gaiban Tsuusho* (Ngoại phiên thông thư, văn thư trao đổi giữa Nhật Bản với 11 nước và hai khu vực, gồm 27 quyển : từ quyển 11 đến 14 nhan đề "An Nam quốc thư" gồm 56 bức thư trao đổi giữa chính quyền Mạc Phủ Đức Xuyên với các chúa Trịnh, chúa Nguyễn (Nguyễn Hoàng, Nguyễn Phúc Nguyên, Nguyễn Phúc Trấn, Nguyễn Phúc Chu, Trịnh Tùng, Trịnh Tráng...) liên quan đến hoạt động các tàu Châu Ấn (Shuinsen) của Nhật Bản và quan hệ buôn bán Việt-Nhật ở Đàng Trong, Đàng Ngoài, qua đó người ta thấy chúa Trịnh, chúa Nguyễn tuy chống nhau nhưng đều mưu cầu thông giao với Nhật Bản và đều xưng mình là "An Nam quốc vương" với vua chúa Nhật (7).



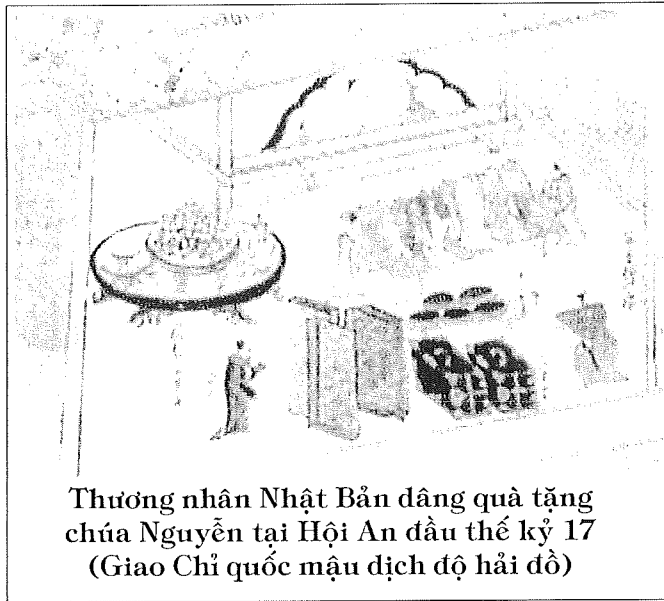
Một điều rất có ý nghĩa liên quan đến văn hóa Việt Nam là hiện nay trong các viện bảo tàng cũng như trong các bộ sưu tập của tư nhân Nhật lưu trữ rất nhiều đồ gốm và sứ của Đại Việt được đưa vào Nhật Bản từ thời Trần, trong thập niên 1330. Các chuyên gia gốm sứ Nhật Bản, như giáo sư Hasebe Gakuji thuộc Viện Bảo Tàng Quốc Gia Tokyo, thừa nhận vào thời ấy kỹ thuật sản xuất đồ gốm của Nhật Bản kém xa đồ gốm Đại Việt : "*Nghe nói sứ men ngọc, sứ trắng rất nổi tiếng [ở Đại Việt] đã được sản xuất vào thế kỷ 11 [đời Lý]. Còn ở Nhật Bản ở thế kỷ 14-15 kỹ thuật quét lớp men nung ở nhiệt độ cao chỉ có ở vùng Seto tỉnh Aichi, còn ở nhiều nơi khác chỉ mới làm được loại gốm nung màu xám hoặc màu đỏ thẫm chưa có men. [...] Sứ [Đại Việt] thế kỷ 15-16 được đưa nhiều vào Nhật Bản. [...] Sang thế kỷ 17 các tàu buôn đến mua tơ sống, hàng lụa, hương liệu và các loại tạp hóa, đồng thời còn mua một khối lượng lớn đồ gốm sứ Đại Việt. Điều này có thể chứng minh bằng nhiều di vật còn nguyên vẹn hiện nay vẫn cất giữ ở Nhật Bản. Loại đồ sứ Đại Việt tiêu biểu là lọ hoa xanh có hình rồng, vật sở hữu của gia đình tướng quân Tokugawa. Loại sứ nổi tiếng thứ hai là loại chén trà An Nam hồng hoa xanh lam có điểm thêm màu đỏ và xanh lục rất lộng lẫy, bên trong chén có vẽ chữ "thọ". [...] Vào khoảng thế kỷ 17 các gia đình thương nhân giàu có, các gia đình phái Trà đạo đều có giữ các đồ sứ [Đại Việt]" (8).*

Nếu Samuel Baron, tác giả cuốn *Một miêu tả về vương quốc Tonqueen*, tức là Đàng Ngoài của Đại Việt (nguyên bản tiếng Anh), viết vào khoảng 1685, đã làm nổi bật năm bức tranh do họa sĩ Việt vẽ quang cảnh Thăng Long cuối thế kỷ 17 ven sông Hồng, vua Lê ngự triều, chúa Trịnh thiết triều, cuộc thi đình, lễ Tế giao, thì họa sĩ Nhật cũng đã để lại cho đời sau hai kiệt tác hội họa : bức *Vượt biển buôn bán thông thương với nước Giao Chỉ* (Giao chỉ quốc mậu dịch độ hải đồ) và bức *Thác kiến Quan thế âm*. Hai bức tranh này hiện đang được tàng trữ tại chùa Jomyo ở thành phố Nagoya, một đô thị-cảng lớn miền Trung Nhật Bản với 2,5 triệu dân, được xem là hai báu vật quốc gia.

Bức *Vượt biển...* là một bức tranh màu nước đồ sộ : cao 78 cm, dài 498 cm. Bức tranh đã mất đi một phần, phần còn lại cho thấy bốn cảnh quan : cảnh thuyền Châu Ấn rời Nagasaki đi Giao Chỉ và cập bến Hội An (Đàng Trong của Đại Việt), cảnh thương nhân Nhật dâng lễ vật cho một người hình như là chúa Nguyễn ; cảnh phố Nhật ở Hội An;

cảnh trong đất liền có ngôi nhà lớn. Mặc dù đã bị mất một phần, bức tranh vẫn có giá trị lớn về lịch sử và mỹ thuật vì nó miêu tả sinh động cảnh quan một đô thị cảng của Đại Việt là Hội An với phố Nhật đầu thế kỷ 17.

Tranh *Thác kiến Quan thế âm* là bức tranh vẽ tượng Phật nổi tiếng, tương truyền đó là món quà của An Nam quốc vương tặng cho thuyền Châu Ấn của dòng họ thương nhân Chaya khi thuyền đến Hội An. Điều đó cũng góp phần chứng minh cho sự thịnh hành của đạo Phật ở Đàng Trong thời các chúa Nguyễn (9).



**Thương nhân Nhật Bản dâng quà tặng chúa Nguyễn tại Hội An đầu thế kỷ 17 (Giao Chỉ quốc mậu dịch độ hải đồ)**

### Sự quan tâm của người Nhật đối với văn hóa, văn học và nghệ thuật Việt Nam

Từ cuốn *An Nam lịch sử đại cương* của nhà sử học Hikita Toshiaki cuối thế kỷ 19 đến cuốn *Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa* của Tsuboi Yoshiharu cuối thế kỷ 20, hàng chục công trình sử học về Việt Nam đã được xuất bản tại Nhật Bản. Từ *diễn chữ Nôm* của Y. Takeuchi được xuất bản tại Tokyo năm 1968, rồi Viện Mojikio đã thành công chế tạo ra phần mềm bộ chữ Nôm với khoảng 9.000 mã chữ năm 2000. Hội Nhật Bản Nghiên Cứu Lịch Sử Đông Nam Á cũng như Hội Nhật Bản Nghiên Cứu Việt Nam (thành lập năm 1987) có hàng trăm hội viên là những nhà Việt Nam học. Giáo sư Furuta Motoo, thuộc Đại học Tokyo, cho rằng *Việt Nam là quốc gia có nền văn hóa gần gũi với Nhật Bản* và từ lâu các sử gia Nhật đã quan tâm tới lịch sử Việt Nam, đó là thế mạnh của ngành Việt Nam học tại Nhật Bản (10).

Trong Hội nghị quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất, tổ chức tại Hà Nội tháng 7-1998, nhà nghiên cứu Izumi Takahashi, thuộc Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản ở Tokyo, khẳng định rằng văn hóa truyền thống Việt Nam có nhiều điểm tương đồng với văn hóa Nhật Bản. Bà cho biết việc dịch thuật văn học hiện đại của Việt Nam đã phát triển mạnh tại Nhật Bản trong hai thời kỳ : 1965-1975 và từ 1992 đến nay, tổng cộng đã có 131 tác phẩm (truyện dài, truyện ngắn, thơ, kịch...) của 114 lượt tác giả Việt Nam đã

được dịch và xuất bản. Theo bà đây là nhịp cầu văn hóa nối liền hai dân tộc và là bằng chứng về sự quý trọng của bạn đọc và giới văn hóa Nhật Bản đối với văn hóa và văn học Việt Nam (11).

Về nghệ thuật, từ sau 1975 nhiều đoàn nghệ thuật truyền thống Việt Nam : hát chèo, ca trù, hát quan họ, múa rối nước, nhạc cung đình, nhạc cổ điển Việt Nam... đã được mời sang Nhật biểu diễn. Nghệ thuật truyền thống Việt Nam đã được người Nhật ái mộ đặc biệt.

Một ví dụ tiêu biểu : Mùa xuân 1995, giáo sư Hà Văn Cầu, nguyên giám đốc Nhà Hát chèo Việt Nam, cùng một số nhà nghiên cứu chèo và Đoàn chèo tỉnh Thái Bình, được mời sang Nhật biểu diễn bốn đêm liên tiếp và sau đó tham dự cuộc hội thảo khoa học về chèo do phía Nhật tổ chức tại Trung tâm Văn hóa Đông Nam Á ở Tokyo với sự tham dự của hơn 200 nhà nghiên cứu Nhật Bản quan tâm đến nghệ thuật chèo. Nhiều câu hỏi đã được đặt ra và phái đoàn Việt Nam đã trả lời thông suốt, chẳng hạn như : Quả thừu lựu được nhắc đến trong một vở chèo là quả gì ? Tên khoa học của nó ? Thế nào là học chèo theo lối "truyền nghề" ? Thế nào là hát nói và nói hát ? Có điệu chèo nào khi vui cũng hát, khi buồn cũng hát không ? Chèo hiện nay có phản ánh những vấn đề đương đại không ?... Kỷ niệm sâu sắc nhất của giáo sư Hà Văn Cầu về chuyến đi này là "*thái độ khiêm nhường, ham học hỏi và đặc biệt trân trọng văn hóa các dân tộc khác của người Nhật*" (12).

Cũng xin nhắc lại là mùa xuân 1994, Unesco và Việt Nam đã tổ chức tại Huế một cuộc tọa đàm quốc tế về bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể vùng Huế. Tham dự cuộc tọa đàm này có bà Noriko Aikawa, giám đốc Vụ Văn hóa Phi vật thể của UNESCO, và hai giáo sư âm nhạc học Tokumaru Yoshihiko và Yamakuti Osamu. Trong khi hội thảo có trình diễn nhã nhạc cung đình Huế. Sau khi xem các nghệ nhân Việt Nam, lúc đó đã trên 70 tuổi mà còn giữ được truyền thống nhạc cung đình, các nhà văn hóa Nhật Bản đưa ra kế hoạch rồi dự án phục hồi âm nhạc cung đình Việt Nam với sự tham dự của đại diện bốn nước có truyền thống nhạc cung đình : Việt Nam, Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản. Cơ quan văn hóa *Arion Edo* mời đoàn nghệ thuật ca múa nhạc cung đình Huế sang biểu diễn tại Nhật Bản, đài truyền hình NHK thu âm, ghi hình và phát lại cho toàn dân Nhật xem ; quỹ *Toyota Foundation* tài trợ cho đoàn nghiên cứu nhạc học và chuyên viên kỹ thuật Nhật Bản đến Huế thu âm ghi hình nhã nhạc cung đình làm thành hồ sơ nghe nhìn đồ sộ tàng trữ tại hai đại học Tokyo và Osaka ; quỹ *Japan Foundation* tài trợ cho lớp đại học nhã nhạc cung đình Huế (1977-2000).

Sau Hội thảo quốc tế về nhã nhạc cung đình lần đầu tiên tổ chức tại Huế (8-2002), với sự hỗ trợ của các giáo sư Nhật Bản, Đại Hàn, bà Noriko Aikawa và giáo sư Trần Văn Khê đã giúp phía Việt Nam chấn chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nhã nhạc cung đình Huế trình UNESCO. Ngày 7-11-2003, tại Paris, nhã nhạc cung đình Huế, cùng với 27 kiệt tác của 27 nước, được tuyên dương là di sản văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại.

Sáu năm trước đó (1997), công trình nghiên cứu của



Trần Kiều Lại Thủy cho ta biết : *âm nhạc cung đình triều Nguyễn đã được các nhà nhạc học Nhật Bản đánh giá cao* (13). Tháng 12-2002, đoàn đại biểu Nhật Bản, qua tiếng nói của các nhà văn hóa, nhà nhạc học ưu tú (bà Noriko Aikawa, giáo sư Yoshiaki Tokumaru, Oshio Satomi) lại bày tỏ lòng ưu ái đối với di sản văn hóa Việt Nam qua tập *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế âm nhạc cung đình Huế* (260 trang), do Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam và Viện Âm Nhạc Việt Nam xuất bản.

Quan hệ giao lưu văn hóa nghệ thuật Việt-Nhật còn ghi thêm nhiều nét son tươi thắm khác qua hình ảnh các nữ du khách Nhật Bản tung tăng trong những chiếc áo dài duyên dáng trên đường phố Sài Gòn, rồi áo dài lại xuất hiện tại Festival Văn Hóa - Du Lịch Việt Nam được tổ chức tại nhiều thành phố Nhật năm 2001. Đoàn nghệ thuật Nhật Bản Kuna Uka cũng đến Việt Nam tham dự Festival Huế, bên cạnh các đoàn nghệ thuật của Lào, Campuchia, Đại Hàn, Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia, Pháp, trong mùa xuân 2002.

Đặc biệt là hồi cuối năm 2003, nhà thiết kế thời trang nổi tiếng của Việt Nam, cô Minh Hạnh, đã cử hành "Cuộc hiến dâng ở Đền Thiêng" tại ngôi đền cổ Kiyomizu ở cố đô Kyoto, trước 100 quan khách tiếng tăm của Nhật và hàng ngàn du khách quốc tế : 60 thiếu nữ Việt và Nhật trình diễn 60 bộ trang phục kết hợp hai nền văn hóa Việt-Nhật trong bộ sưu tập "Trở lại thiên đường" : đường nét tà áo dài duyên dáng của Việt Nam đã kết hợp hài hòa với đường nét bộ áo kimono của Nhật tung bay giữa những nụ cười kiều diễm và tiếng vỗ tay vang lừng.

Mùa xuân 2004, đoàn ca múa nghệ thuật dân gian Nhật Bản đã tham dự Liên hoan văn hóa nghệ thuật dân gian Việt Nam, tổ chức từ ngày 27 đến 30-4-2004 tại công viên Thống Nhất, trước Dinh Độc Lập cũ tại Sài Gòn, cùng với sáu đoàn ca múa khác của Lào, Campuchia, Hàn Quốc, Myanmar, Thái Lan và Trung Quốc.

Giữa tháng 4-2004, đoàn điện ảnh Nhật Bản thuộc hãng phim truyền hình Asahi đã được Bộ Văn hóa, Bộ Ngoại giao Việt Nam, Saigontourist và Vietnam Airlines tài trợ sang Việt Nam thực hiện, từ 18-4 đến 18-5, bộ phim truyền hình *Việt Nam mến yêu* dài 10 tập (khoảng 300 phút). Nội dung truyện phim kể lại hành trình của nữ diễn viên Nishida (trong vai Yuko) đến Việt Nam tìm người yêu Việt của anh trai mình. Những thắng cảnh nổi tiếng của Việt Nam từ Sài Gòn đến Tiền Giang, Mũi Né, Hội An, Huế, Hà Nội, Bắc Ninh... lần lượt xuất hiện. Bộ phim sẽ được trình chiếu từ tháng 10 đến tháng 12-2004 tại Nhật Bản với mục đích khuyến khích đông đảo du khách Nhật, nhất là giới trẻ, sang thăm viếng Việt Nam (14).

Nói như nhà thơ François de Malherbe thời Phục Hưng Pháp : "*Et les fruits passeront la promesse des fleurs*" (Và

trái sẽ vượt xa lời hoa hẹn nguyện).

**Lê Văn Hảo**

**Chú thích và tham khảo :**

(1) Nguyễn Lân Dũng, "Kinh nghiệm Nhật Bản", tập san *Kiến Thức Ngày Nay*, thành phố Hồ Chí Minh, số Xuân Tết 2004, tr. 26-29.

(2) Yoshiaki Ishizawa, "Phát biểu bế mạc" in *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Đô thị cổ Hội An*, Đà Nẵng, 22/23-3-1990, nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội 1991, tr. 381.

(3) Thu Hằng, "Thông tin về Hội thảo khoa học : Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản : quá khứ, hiện tại và tương lai", tạp chí *Nghiên Cứu Lịch Sử*, Hà Nội, số 6-2003.

(4) Cristophoro Borri, *Xứ Đàng Trong năm 1621*, nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh, 1998, tr. 92.

(5) Vũ Ninh Giang, "Người Nhật, phố Nhật và di tích Nhật Bản ở Hội An" ; Đỗ Bang, "Quan hệ và phương thức buôn bán giữa Hội An với trong nước", in *Kỷ yếu Hội thảo Đô thị cổ Hội An*, sách đã dẫn, tr. 205-215, 231-245.

(6) Phan Huy Lê, "Hội An : lịch sử và hiện trạng" in *Kỷ yếu Hội thảo Đô thị cổ Hội An*, sách đã dẫn, tr. 23-24.

(7) Vĩnh Sinh (giới thiệu và chú giải), "Một văn thư vương quốc Lưu Cầu gửi sang Việt Nam vào đầu thế kỷ XVI", tập san *Diễn Đàn*, Paris, số 127, tháng 3-2003, tr. 29-32 ; Kunie Kawamoto, "Nhận thức quốc tế của chúa Nguyễn ở Quảng Nam căn cứ theo Gaiban Tsuusho (Ngoại phiên thông thư)", in *Kỷ yếu Hội thảo Đô thị cổ Hội An*, sách đã dẫn, tr. 169-178.

(8) Hasebe Gakuji, "Tìm hiểu mối quan hệ Nhật-Việt qua đô gốm, sứ", in *Kỷ yếu Hội thảo Đô thị cổ Hội An*, sách đã dẫn, tr. 81-83.

(9) Oguro Sadao, "Về bức tranh Giao Chỉ quốc mậu dịch đồ hải đồ", in *Kỷ yếu Hội thảo Đô thị cổ Hội An*, sách đã dẫn, tr. 193-200.

(10) Furata Motoo, "Tại sao ở Nhật Bản có nhiều nhà Việt Nam học ?" in *Việt Nam học, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế lần thứ nhất*, Hà Nội 15/17-7-1998, tập I, tr. 204-205.

(11) Izumi Takahashi, "Các tác phẩm văn học hiện đại của Việt Nam đã được dịch và xuất bản ở Nhật Bản", in *Việt Nam học, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế lần thứ nhất*, sách đã dẫn, tập II, tr. 428-444.

(12) Trần Chính, "Trò chuyện với giáo sư Hà Văn Cầu: Chèo ta đi Nhật", *Nhân Dân*, Hà Nội, số 12 (320), ngày 19-3-1995, tr. 9, 15.

(13) Trần Kiều Lại Thủy, *Âm nhạc cung đình triều Nguyễn*, nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế, 1997, Lời giới thiệu của giáo sư Trần Văn Khê tr. 5-6.

(14) "Chúng tôi yêu Việt Nam", nhà điện ảnh M. Omakada trả lời phỏng vấn của *Tuổi Trẻ Chủ Nhật* số ra ngày 2-5-2004, tr. 26.



Nhà tổ của người Phúc Kiến tại Hội An

Tản mạn

## DÂN... (CÓ) CHỦ !

Nhà nước "ta" đang hồ hởi (nếu căn cứ vào những tràng pháo miệng hoan hô đồng nhịp trên các báo đài quốc nội) vì vừa tiếp tục lập thêm vài thành tích "lịch sử" (có triển vọng được bia miệng ngàn năm lưu truyền).

Một là ngoan cố y án xử tù "gián điệp" (theo cơ sở đơn giản : dám đòi thể hiện dân chủ) Nguyễn Vũ Bình. Thành tích nữa hầu như đồng thời điểm là sản xuất thêm (tăng gia nhảy vọt về lượng) một số đáng kể những vị "bang bạnh" - danh hiệu đổi mới là "đại biểu" trong các ủy ban nhân dân cấp phường, xã, quận, tỉnh hay thành phố. Hai sự việc này tưởng chừng như không mà thực ra liên quan, đối chiếu chặt chẽ.

Nguyễn Vũ Bình sẽ không phải đeo cái gông gián điệp vào cổ và bị tiếp tục đày ải hành hạ tại trại giam Ba Sao, chung lộn với tội phạm hình sự như trộm cướp, giết người, hiếp dâm ; dám tề nạn xã hội như buôn chất ma túy, lừa đảo, tham nhũng, mãi dâm, du đãng, v.v. ; nếu anh chấp nhận bỏ quên lương tâm và liêm sỉ, xa rời lý tưởng xây dựng tương lai đất nước Việt Nam.

Chỉ việc thả mình hòa vào đám lục đục chung quanh xu phụng quyền thế, theo đuôi voi (hít thở thường xuyên những chất thải sẽ trĩ mũi, không thấy nặng mùi) để đưa chen (phải trắng trợn, tàn bạo, theo cho kịp các "đồng chí" gần kề) hứng chút rơi vãi tiền bạc, bổng lộc, địa vị. Nói khác, tức là bằng mọi cách luồn lách vào hàng ngũ ăn trên (ăn hại ăn tham) ngồi chốc (ngồi xồm ngồi lì), đè nén, bóc lột (gà què ăn quẩn ; trẻ không tha già không thương) ; vênh váo và hách xì xằng chẳng khác mấy ông bang thời phong kiến đế quốc thực dân (danh hiệu bang "bạnh" từ Phong Hóa sáng chế trong thập kỷ 30 mô tả xuất sắc tác phong thường lệ).

Tác phong và chí hướng đỉnh cao như thế mới phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa của chế độ. Các bang bạnh đương thời dù to hay nhỏ, bảo đảm không bao giờ bị khép vào đại tội phản động hay gián điệp, đi tù một gông cộng thêm vài giấy quản chế. Nếu cùng lắm bắt buộc phải làm bia đỡ đạn, sẽ thoải mái lãnh xử phạt nội bộ (ra chỗ khác ăn tiếp), án treo (phây phây ra về biệt thự riêng), hoặc ở xà lim loại ưu đãi (cơm bung nước rớt), rồi có thể còn được vinh danh, gắn huân chương không chừng (chuyện có thực mà nghe như bịa đặt nhỉ !).

Thành tích nổi bật khác là tái lập trật tự xã hội chủ nghĩa (lần thứ bao nhiêu rồi ?) trên vùng Tây nguyên. Những đồng bào Thượng chất phác hiền lành, muốn bày tỏ một cách ôn hòa và tập thể (hợp hiến hợp pháp) các nguyện vọng bình thường (khổ nỗi hoàn toàn bất bình thường đối với nhà đương quyền) về đời sống vật chất và tâm linh (họ làm gì có đầu óc viển vông đòi ly khai, lập "nước Dega" - tội danh nhà nước bịa đặt để bào chữa hành động dân áp), mà cũng bị nào là quân đội, nào là công an, vòng trong vòng ngoài vây bọc ngăn chặn, rồi dùng bạo lực tấn công dữ dội, khiến kẻ chết (số nhỏ ; nhưng mạng

người hệ trọng bất kể bao nhiêu), người bị thương (la liệt), người bị bắt giữ (vô số). Không có thống kê chính xác (bí mật quốc gia đấy, chớ có tọc mạch), nhưng các nạn nhân phải là vài trăm hay cả ngàn, khi các đoàn biểu tình tổng cộng nhiều chục ngàn nếu không cả trăm ngàn người.

Đáng lẽ nhà nước nên cho chụp hình quay phim cảnh tượng những đám lôi thôi lếch thếch già trẻ lớn bé (tất cả nhân số thôn bản sắc tộc), tay không, mình trần thân gày (do thường trực đói khổ không còn đường sống nhũn nhặn âm thầm trên những mảnh đất tổ tiên ngày càng bị lấn chiếm thu hẹp), tan tác gục ngã trước rừng (không thiên nhiên chút nào) dúi cui, súng đạn, và đám người béo tốt hùng hổ (hơn cọp trước đàn dê) tha hồ thi triển "sức mạnh cách mạng" (theo tư tưởng lòng danh của Mao). Nếu có, bộ hình chụp và phim ấy tất sẽ được trân trọng gìn giữ lưu truyền như dấu tích một biến cố "oanh liệt" hòa đồng kinh thương ; như biểu tượng sáng chói "thời đại Nông tống" (tương tự cột mốc biên giới Việt-Trung đã biểu tượng xứng đáng "thời đại Lê tống"). Biết đâu UNESCO lại không liệt kê vào số báu vật của nhân loại, rồi xin mượn để triển lãm, quảng bá vinh danh trên khắp thế giới nữa. Hoài của !

Tuy nhiên, nói cho công bằng, thời đại Nông tống không có đặc tính cá nhân bao trùm lấn át như thời nhà Hồ (Chí Minh), nhà "tiền Lê" (Duẩn+Thọ). Theo cụ Bùi Tín, kể từ thời "hậu Lê" (Anh+Phiêu) là thế hệ "người lùn" ngự trị (không có bản lĩnh, tầm vóc, cả về khả năng gian ác và thủ đoạn gian ác như các tiền nhiệm). Sự thiếu vắng khí phách và chiều sâu tư tưởng khiến cho bạo lực (theo phản ứng tâm lý của kẻ hèn yếu) trở nên chỗ tựa tự nhiên, diễn dịch thành chính sách và hành động đánh dẹp duy nhất với biện minh (nhàm chán) bảo vệ đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa (giữ ghế !).

Từ chính thể dân chủ cộng hòa (dân chủ nhân dân), rồi xã hội chủ nghĩa (độc tài toàn trị) theo mô hình Xít-Mao, nay lúng túng khoác hờ cái vỏ "đổi mới", trước sau vẫn là đảng lãnh đạo (độc tôn), nhà nước (xí nghiệp quốc doanh chính trị, do đảng nắm giữ và khai thác, tùy tiện rút tủa lợi nhuận y hệt xí nghiệp quốc doanh kinh tế) quản lý.

Người dân không thực sự làm chủ bất cứ thứ gì, khởi sự từ quyền tự do định đoạt số mệnh. Miếng đất đang ở, mảnh vườn hay mẩu ruộng đang canh tác, là sở hữu chung của "nhân dân" (tập thể mờ mờ ảo ảo) do nhà nước (tập đoàn rất công kênh hiện thực) thay mặt (ngang xương) xử lý.

Vì thế, mỗi lần đảng và chế độ nói tới "dân chủ" (theo giọng lưỡi gổ quen dùng) hoặc uy hiếp đàn áp những phản kháng chính đáng, trong lòng người dân bất kể kinh thương lập tức nổi giận nghĩ ngay đến chiếc bánh vẽ (mà mỗi tập đoàn lãnh đạo lại trang trí điểm xuyết thêm theo thời trang, tưởng rằng thế là đủ) đã trưng bày làm cảnh lừa dối quá lâu. Sẽ càng ngày càng nhiều những người đứng cảm tiến bước theo gương Nguyễn Vũ Bình để gột rửa nỗi nhục làm thân nô lệ của bạo quyền bạo chúa (Dân... có Chủ) !

Nghiêm Văn Thạch (Paris, 04-2004)

**Đọc và cổ động Thông Luận**

## Thư độc giả

### Độc Lập và Tự Do

Lúc sinh thời chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa Hồ Chí Minh có nói một câu mà ai cũng cho là chí lý. Ông bảo : "*Không gì quý hơn độc lập và tự do*".

Đúng, không có gì khổ hơn phải làm dân một nước bị mất chủ quyền, và bị đối xử như nô lệ, bị bóc lột để làm giàu cho dân nước xâm lăng. Cứ nhớ lại tình cảnh dân Việt, dân Ấn, dân Nam Dương dưới thời đô hộ Pháp, Anh và Hòa Lan, ta cũng thấy ngay không có độc lập thì không thể nào phát triển quốc gia và đem lại bình an, hạnh phúc cho dân chúng được. Như vậy, độc lập là một trong những điều kiện rất quan trọng để đem lại tự do và hạnh phúc cho dân chúng.

Tuy nhiên, độc lập không thôi có đủ đảm bảo cho dân chúng được tự do hạnh phúc không ? Cứ nhìn nước Iraq dưới thời Saddam Hussein, Bắc Hàn và Iran hiện tại ta cũng đủ thấy độc lập dưới một chính thể độc đoán thì người dân vẫn bị kìm kẹp, áp bức bóc lột và mất tự do như dưới ách thống trị của ngoại bang vậy.

Đằng khác, có nhiều nước lệ thuộc vào nước khác mà người dân vẫn được sống hoàn toàn tự do. Như Hồng Kông, trước khi sáp nhập vào Trung Quốc, vốn là một thuộc địa của Anh. Đứng đầu chính phủ Hồng Kông lúc đó là một viên thống đốc người Anh. Nhưng viên thống đốc này chỉ giữ một nhiệm vụ tượng trưng mà thôi, còn bao nhiêu quyền lập pháp và hành pháp đều do những cơ quan dân cử đảm nhiệm hết thảy. Vì vậy ta thấy từ khi người Anh biết thay đổi chính sách thuộc địa của họ cho có tính cách dân chủ, người dân Hồng Kông vui vẻ sống dưới luật pháp của Anh, và ta không hề thấy họ phản đối sự cai trị của người Anh hay đòi tách rời khỏi đế quốc này bao giờ. Trái lại, từ khi hòn đảo này sáp nhập vào Trung Quốc, thử đếm xem đã có bao nhiêu cuộc biểu tình đòi tự do, dân chủ ?

Rõ ràng độc lập không đủ đem lại tự do cho dân chúng, nếu không được kèm theo một chế độ dân chủ, bảo đảm những quyền lợi căn bản của con người, như quyền tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do tín ngưỡng v.v.

Nhiều người chò rằng những quyền nói trên chỉ phục vụ một thiểu số trí thức và có vẻ trừu tượng quá. Phần đông dân chúng chỉ cần được yên ổn làm ăn, họ không cần đọc báo, không cần lập đảng phái, hội họp v.v. Những người đó không chịu nhìn rõ sự thật. Trong một chế độ độc tài đảng trị người dân không bao giờ được yên ổn làm ăn. Họ luôn luôn bị các cơ quan công quyền hạch sách, quấy nhiễu. Chính vị thủ tướng (hay phó thủ tướng ?) nước Việt Nam cũng than phiền rằng nạn tham nhũng rất trầm trọng, không làm sao trừ diệt được. Thưa, cách độc nhất để trừ tham nhũng là dân chủ hóa chế độ, để người dân có thể phanh phui những tệ đoan của các viên chức nhà nước mà không sợ bị chụp mũ là phá rối an ninh trật tự, hay phản loạn. Chính phủ Việt Nam đã ra bao nhiêu thông cáo, chỉ

## GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

### HỒ CHÍ MINH, nhận định tổng hợp

Tác giả : Minh Võ. Nhà xuất bản : Tủ sách Tiếng Quê Hương. Giá bán (đã kể cước phí) : 40 USD.

Liên lạc mua sách : Tiếng Quê Hương, P.O.Box 4653, Falls Church, VA 22044, USA. Điện thoại : (760) 599 4054 hoặc email : tuyenvu@netzero.net.

Sách dày 750 trang, in ấn công phu, bìa cứng, là biên soạn công phu nhất về Hồ Chí Minh từ trước đến nay dù bằng tiếng Việt hay ngoại ngữ. Tác giả đã duyệt qua mọi tác phẩm chính đã xuất bản về Hồ Chí Minh trước khi trình bày quan điểm của mình. Đây là một cuốn sách chứa đựng nhiều cuốn sách về nhân vật lịch sử quan trọng nhất của Việt Nam trong thế kỷ 20.

Minh Võ là bút hiệu của Vũ Đức Minh, một nhà báo, nhà văn, nhà nghiên cứu chính trị có uy tín, từng là giám đốc đài phát thanh Tiếng Nói Quân Đội tại Sài Gòn và chuyên viên về các vấn đề cộng sản của đài VOA (Tiếng nói Hoa Kỳ).

### PHÙNG CUNG, 11 truyện ngắn Tập thơ Trăng Ngục, Thơ Xem Đêm

Nhà xuất bản : Trung Tâm Dân Chủ Cho Việt Nam  
Sách dày : 375 trang. Bìa màu. Giá bán (đã kể cước phí) : Canada : 30 CAD ; Hoa Kỳ : 28 USD ; các nơi khác : 32 USD. Chi phiếu, money order xin đề: **Lâm Thu Vân** và gửi về địa chỉ : 6420, Victoria Ave. # 4, Montréal, QB H3W 2S7, Canada. ĐT : (514) 343 4390.

Đây là một quyển sách quý, với những truyện ngắn và thơ được coi "*như những hạt ngọc quý, hiếm thấy trong nền văn chương đương đại nước ta*" (Nguyễn Minh Cần). "*Thơ của Phùng Cung chứa chất tư tưởng cao đẹp : công bằng và bác ái...*" (Nguyễn Hữu Đăng).

thị cấm tham nhũng mà nạn tham nhũng có bớt đi được phần nào đâu ? Rõ ràng cách duy nhất để trừ tham nhũng là cởi mở chế độ, bãi bỏ nạn độc tài đảng trị.

Không những dưới một chế độ độc tài, người dân thường hay bị áp bức, sách nhiễu, mà những nước này thường chậm tiến hơn những nước dân chủ, trong đó người dân có cơ hội phát triển mọi khả năng của mình.

Khỏi cần lý luận dài dòng, cứ so sánh những nước cùng hoàn cảnh địa lý và nhân văn như nhau, nhưng một bên được tự do, một bên bị kìm kẹp trong một chế độ độc đoán, ta cũng thấy tình hình khác nhau xa. Cứ nhìn Nam và Bắc Hàn thì đủ rõ : hai nước đó vốn cùng một quốc gia, một dân tộc, một văn hóa. Mà Bắc Hàn lại được nhiều tài nguyên phong phú hơn. Vậy mà một bên thì phồn thịnh nhất nhì ở châu Á, còn một bên thì lâm vào cảnh đói kém cùng cực. Lý do duy nhất là vì họ sống dưới hai chế độ khác nhau. Khi nhìn chung những nước như Đài Loan, Thái Lan, Mã Lai Á một bên, rồi nhìn Miến điện, Việt Nam một bên, ta cũng thấy sự cách biệt như vậy.

Nguyễn Mừng (Champaign, Hoa Kỳ)

# TRỞ VỀ IM LẶNG

*Nghiêm ?*

Về già, Nhất Linh rất thích câu thơ này của ông : "*Người đi đi mãi không về, Nhớ người dòng suối Đa Mê gợn buồn*". "*Đi mãi không về*", có lẽ chỉ bốn tiếng ấy cũng đủ nói rõ cái nỗi lòng của người đi ; mà rồi trong bốn tiếng ấy cũng chỉ hai tiếng đi và về là cần thiết. Đi. Về. Hai tiếng ngắn ngủi kia mang một ý nghĩa rất lạ lùng, nó thở và hát lên những sâu khúc của đời người ; nó mở và đóng những cánh cửa đời lạnh lẽo của kiếp người. Nhất Linh đã đi từ rừng lan Đà Lạt xuống Sài Gòn của khói và bụi, hay đi từ Hà Nội qua biên giới, vào miền Nam. Hành trình của ông không còn ai mơ hồ lạ lẫm gì nữa, nó đã đi vào lịch sử. Nhắc lại ở đây chỉ có ý nói rằng dù đi đâu chẳng nữa, những bước chân đời ấy cũng chỉ là những bước đi giữa cuộc sống có muôn nghìn ràng buộc, những hệ lụy không thể dứt bỏ. Mặt khác, lại cũng có thể mượn một câu nói đã cũ của Gide để nói đến khía cạnh khác của tâm sự Nhất Linh và những Nhất Linh : "*Đi là chết trong lòng một ít*". Đi là đi khỏi, là thoát khỏi cái ta, cái quê hương của ta. "*Nhớ quê dằng dặc ta cầu đó thôi*" (1). Có phải thế không, thưa người đã khuất ? Có phải sống đã là một lần ra đi sâu muộn nhất ? Đây là hai mặt của một tâm sự chung mà người trí thức nghệ sĩ ấy đã thể nghiệm và đã phả ra trên những trang sách rải rác trên bước đời bi tráng của ông.

Hơn một lần Nhất Linh thể nghiệm rõ thân phận của một kẻ đào thoát chính mình : chọn nghệ thuật, nhưng khi nhìn thấy cảnh tượng dân nghèo đói rách, những đứa bé trần truồng không cơm áo, chui rúc trong ổ rơm bần thủ, cố sống cảm hơi chờ khi lớn lại kéo tiếp cái đời người nhem nhuốc của mẹ cha, Nhất Linh man mác buồn cho mình : "*Nghệ thuật, mục đích là để tìm cái đẹp, làm cho đời người đẹp đẹp hơn, lúc đó đối với chàng chỉ là một sự mỉa mai đau đớn*" (2). Nhất Linh quảng cộ và sơn di chỉ vì không muốn bị lôi kéo đi quá xa khỏi lương tâm trí thức của mình. Ông chọn ngành kĩ sư hóa học để mong về sau có thể làm được gì có ích cho đất nước, cho dân tộc mà ông yêu thương vô cùng. Thế nhưng, khi về nước, ông kĩ sư lại chọn nghề dạy học và sau đó làm báo, viết văn. Tấm bằng kia hình như chỉ giúp ông mỗi một lần : chọn liều lượng độc dược đủ để tự kết liễu đời mình. Những chọn lựa hành động của Nhất Linh cho thấy ít nhiều những ray rứt của người trí thức trước những vấn đề của trách nhiệm, lương tâm. Có thể nói, ông đã thủy chung với lương tâm trí thức của mình dù ở tư cách một giáo sư, một nhà báo, một nhà văn, hay một nhà hoạt động chính trị. Đây là một phẩm cách cao quý mà truyền thống sĩ phu đông phương đã hình thành trong dọc dài lịch sử.

Cuộc sống có những đau khổ mang mang bắt buộc con người "*phải mở mắt nhìn. Tuy đau đớn thật nhưng lúc cần thì phải biết đau đớn*" (2). Cứ nhớ lại khung cảnh xã hội lúc Nhất Linh trưởng thành : một xứ lệ thuộc, một xã hội nghèo đói, tham quan ô lại, cường hào ác bá. Phải nhìn kiếp sống ngựa trâu của một dân tộc đói rách, phải chứng kiến những oan khiên do chế độ luân lí phong kiến gây ra, phải mở mắt mà khóc cười theo vận nước ! Cuộc sống nhân gian chỉ gom lại một tiếng khổ đau, và con người sống là sống với nỗi thống khổ ấy, "*những đau khổ ấy lại là những nỗi vui độc nhất của chúng ta bấy lâu*" (3). Phải sống với những kẻ thù, với những

muu mô quỷ quyết để giành sống, phải gán gủi với những li cà phê nước cốt thiết đặc để át mùi thuốc độc. Cuộc sống nhân gian đó. Nhất Linh đã đi vào giữa lòng cuộc sống có quá nhiều hệ lụy đó. Có phải bước chân đi ấy đã thôi thúc một tiếng gọi về, để bật lên tiếng kèn sâu "*người đi đi mãi*" chẳng, thưa người đã khuất ?

Dòng suối Đa Mê có thực hay không, điều đó chẳng có gì quan trọng. Cũng đừng bận tâm như ai đó về cái tên Đa Mê hay Đam Mê, một sự bận lòng cũng thừa thãi không kém. Có thể, với mọi người, dòng suối Đa Mê có thực - và thực sự nó có hình có vóc thật, ở một chỗ có thật trong một thành phố có thật. Nhưng có hại gì nếu bảo rằng dòng suối Đa Mê không có thực ở trần gian, bởi đã là trần gian thì chỉ có bụi bặm thôi chứ chẳng có chỗ dành cho một dòng suối nào cả. Đó là nơi quê nhà mà những đứa con hoang đàng của Thomas Wolfe luôn luôn tìm về. Nếu như Wolfe bận tâm đi tìm những ngọn đồi, những thành phố núi cho những thiên thần lạc loài của ông (4), thì Nhất Linh không ngừng mơ ước ngày về lại dòng suối hiền hòa tinh khiết hoa cỏ. Dòng suối có đó, nó vẫn đợi người về, từ thanh xuân.

Tập truyện ngắn *Người quay tơ* được viết xong từ năm 1927, khi Nhất Linh mới qua tuổi gia quan. Trong đó có một truyện rất lạ nhan đề là "*Giấc mộng Từ Lâm*", đại khái mô tả giấc mơ khác người của một chàng thanh niên mong được thoát bỏ những vướng bận của một đời công chức thành phố để thoải mái tìm về một vùng sơn dã u tịch nào đó, tự tay tạo tác một cuộc sống tự do, làm bạn với thiên nhiên thành thang không nghịch thù. Chàng thanh niên ấy hẳn đã hơn một lần nghe thôi thúc một tiếng gọi về của quê nhà. Chàng hiểu rõ chàng chỉ là một kẻ lạ mặt trong thành phố trần ai, quê hương của chàng phải ở nơi làng Từ Lâm u tịch, hay nơi như Nhất Linh về sau này, ở nơi dòng suối Đa Mê xa xăm nhưng rất quen thân.

Sau này, bốn ba bao nhiêu năm với công cuộc xã hội, chẳng hiểu có khi nào đồng chí của Nhất Linh được nghe những lời chán ngán với chính trị không, chứ nhân vật của ông thì mệt mỏi quá sớm. Những nhân vật nặng lòng với đất nước xã hội như Dũng trong *Đoạn Tuyệt* và *Đôi Bạn*, hay Thanh trong *Giòng sông Thanh Thủy* chẳng hạn, đều là những con người dấn thân vào hoạt động chính trị hay xã hội bằng niềm tin tưởng say mê vào lí tưởng vì người khác, vì ngày mai của xã hội, đồng bào mình. Lí tưởng ấy người xưa gọi là "*tấm lòng lo trước*" (Nguyễn Trãi) (5). Những con người như thế không làm cách mạng chỉ để cho có việc, hay làm cách mạng để kiếm chút lợi danh. Thế nên dấn mình vào con đường hoạt động, những con người dạt dào lí tưởng trong sáng không khỏi buồn nôn vì không khí ô nhiễm, vì những âm mưu thù nghịch bần thủ. Hơn một lần, những « người hùng » làm quốc sự của Nhất Linh cảm thấy tâm trạng chán chường của những kẻ lạc lõng : "*Hay là ta bỏ cách mạng đi tìm thiên thai, ở đây không ai nghĩ đến giết ai, không có ai cả ngày chỉ cố tìm những mưu mô quỷ quyết để hại kẻ khác, nếu không nhanh thì kẻ khác hại mình ngay ; ở đây không có thuốc tiêm giết người, chỉ có cà phê em nấu ngon để anh uống, không có cái thú cà phê nước cốt thiết đặc để át mùi thuốc độc*" (6). Người đàn bà tên Thanh ấy đi hoạt động chính trị nhưng vẫn nặng tình đối với những giấc mơ nhân đạo của những người quân tử xa xưa, hay là thái độ "bàn tay sạch" của những con người trí thức bây giờ. Nàng không thể hiểu

được tại sao cùng hoạt động vì một mục đích chung là độc lập dân tộc mà người ta lại phải thanh toán nhau, thù hằn nhau trên cùng chiến tuyến ; cho nên guồng máy đã giam hãm con người như Thanh đến ngột ngột. Cảnh huống ấy tất yếu là lí do đưa nhân vật của Nhất Linh đến giấc mơ thiên thai.

Thiên thai ? Đó là một quê hương xa vời, nhưng lại là cõi sống mà con người luôn hướng về. Mơ trở lại thiên thai là muốn chối bỏ cái hiện thực trước mắt, là muốn bỏ lại đằng sau cánh cửa đào nguyên những hành lí quá nặng của kiếp sống : đó là trí nhớ của chúng ta. Người ta nói đúng lắm : trí nhớ là kẻ tội đồ phản bội ở sau lưng giới hạn. Muốn về đào nguyên, người ta cũng nên bỏ đi cái trí nhớ rất vội vàng thương tâm của mình để mà về lại quê nhà thánh thiện với nụ cười vĩnh cửu và mắt xanh bất tuyệt. "*Thiên thai là một thứ gì đẹp lắm mà lòng ai cũng mơ ước, nhất là hiện giờ trên gần khắp thế giới họ đang đâm giết nhau*" (6). Người xưa đã từng miệt mài luyện thuốc linh đan để mong một ngày cuối hạc bay về trời hay hoá làm con bướm tiêu điều giữa cõi vô cùng. Nhất Linh khiêm tốn hơn, ông đi tìm thiên thai ở hương bay diu diu của hoa khế thoang thoang về đêm, trong bụi mưa lung linh ở bến đò Gió (3), cũng có khi là một sợi nắng khuya rất đổi hiền lành : "*Trăng mười bảy và trời lại trong nên rải xuống mặt hồ một làn ánh sáng trông phẳng phất như một con đường dẫn lối về thiên thai. Con đường ánh trăng sáng này nếu cứ đi theo mãi thì sẽ đến thiên thai*" (6).

Hình như chỉ có những nàng tiên mới biết được thế giới của họ mà thôi. Cứ theo lời các nàng tiên và cả những người như Lưu Nguyễn thì thiên thai là nơi có "*ánh trắng xanh mơ tan thành suối trần gian, có một mùa đào dòng ngày tháng chưa tàn qua một lần*" (7). Quê nhà đẹp đẽ ấy, hạnh phúc ấy là những nàng tiên như Giáng Tiên (*Đào nguyên truyện*) hay Giáng Kiều (*Bích Câu Kỳ Ngộ*). Những ngày tháng ở dưới trần gian chỉ là những ngày lưu đày, cho nên họ không người chờ đợi ngày trở lại thiên đường. Có lẽ chỉ mới thấy một mình nàng tiên Bạch Viên của chúng ta (truyện nôm *Lâm Tuyền Kỳ Ngộ*) vương quá nhiều hệ lụy - hay gần bó thiết tha ? - với trần gian mà không chịu trở về quê, chọn ở lại đời này với chồng con. Quê hương xa xăm ấy là của những nàng tiên. Và của những người trần gian muốn đi tìm hạnh phúc để rồi lại "được" khổ vì hạnh phúc đó, như Từ Thức và Lưu Nguyễn ngày xưa.

Đã hơn một chàng tuổi trẻ tìm dò theo bước chân đôi bạn Loan Dững mà tìm thấy hương vị hạnh phúc huyền diệu của chút hương hoa khế, hoa cau, của bến đò Gió lãng mạn. Gánh nặng trần gian đẩy đưa họ gặp lại Nhất Linh ở tuổi về chiều. Vẫn còn nhiều tình yêu thương, vẫn không người ước ao con đường trăng mười bảy dẫn về thiên thai. Bước chân gang hồ ít nhiều thấm mệt, nhân vật của ông hăm hờ rũ áo phong sương, lách vào cửa căn nhà mơ ước, mong tìm gặp được dòng suối đợi chờ từ thanh xuân. Trong thoáng chốc, người nghe tiếng thở dài của cánh cửa, tiếng chân vang vọng như tiếng chày vò đập trên áo quan. Người đã về với dòng suối rồi, "*Thiên thai cũng là hư vô*" (6).

Thiên thai chỉ là hư vô ! Hay là người không may ? Trần gian không có chỗ cho người như Thanh ; nhưng hiển nhiên là nàng cũng không thấy được quê nhà của mình ở chốn thiên thai của những nàng tiên. Con đường của Thanh chỉ là con đường đi tới trước, dẫn về cõi tịch lặng vô cùng. Trong

nổi thống khổ của con người tìm về quê hương, nhân vật của Nhất Linh bỗng nhiên ý thức một cách triết để cái ý nghĩa sau cùng của kiếp người. Đời sống chỉ là mơ, niềm vui cũng chỉ là mơ. "*Thanh tự nghĩ nếu có chết ngay lúc này, nàng sẽ không đau khổ. Hồn nàng sẽ hóa thành một giấc mơ vui, rồi khi giấc mơ ấy tan đi là hết. Nàng chắc cả vũ trụ này đến ngày tận thế cũng vậy, cũng biến thành một niềm vui bao la rồi cứ thế hòa loãng, tan dần đi trong cái mênh mông của hư vô không có sự chết, không có sự sống, mà ngay cả đến cái hư vô cũng không có nữa*" (6). Cuộc sống rút lại chỉ còn là mơ. Những vui thú, những thống khổ cũng chỉ là cơn mơ. Sau đó là im lặng, một im lặng khôn nguôi.

Trong cái ý thức tối linh của con người đạt đạo (vâng, Nhất Linh hẳn đã đạt đạo từ khi nhìn thấy cánh cửa bước về im lặng) cả một kiếp người còn có ý nghĩa gì đâu ; nó cũng chỉ như một sát na trong muôn nghìn sát na trùng trùng duyên khởi. Sau đó là im lặng. Ở cái phút con người về lại quê nhà cũ, không còn quá khứ, hiện tại và tương lai ; thời gian trùng lên nhau, kêu lên cùng một tiếng nhạc. Đúng trên ngọn núi cao, ném một bông hoa trà xuống vực sâu hay giả dụ ném cả chính thân xác mình xuống cũng không khác gì nhau. "*Hoa biến vào vực thẳm, bước vào hư vô. Lúc này tôi muốn nhảy xuống là để biết vực thẳm hư vô ra sao. Chắc cũng có cái thú của một hạt muối tan trong nước*" (6). Nỗi đau khổ của người đàn bà tên Thanh - người đàn bà bị canh bạc đời lửa đối từ đầu : chồng bỏ, người yêu xa, guồng máy chính trị cuốn hút ngọt thở - cuối cùng đã triệt tiêu vì nàng đã tỉnh giấc mơ đời. Giấc mơ xao động vũ trụ trong một thoáng, như thể một hòn cuội vừa ném xuống nước. Rồi cũng qua đi. Sau tiếng tiếng hét dài lạnh cả trời đất, thiên thai đã bùng nổ trong tâm hồn thiên sư Không Lộ. Sau cái xao động nhỏ, cuộc sống của Nhất Linh cũng trở về im lặng. Như hạt muối đã tan vào tan vào đại dương, cái ngã (*atman*) bé nhỏ đã về hoà nhập trong đại ngã vô cùng (*Brahman*). Sau phút giây hòa nhập ấy, không còn gì nữa cả.

Đừng hỏi thiên thai của Nhất Linh cứ phải là thế giới hạnh phúc quyền rũ của những nàng tiên. Dòng suối mơ ước của Nhất Linh không hề là Đào Nguyên của các đạo sĩ. Trần gian phân chia thù nghịch. Nhưng cũng chính thời gian đưa ta về thiên thai ở cuối đường trở về. Bỏ đời mà đi là về gần với cõi im lặng mênh mang mà Nhất Linh tìm thấy ở hình ảnh dòng sông Thanh Thủy hay dòng suối Đa Mê. Điều ấy cũng không mâu thuẫn với ý nghĩ nhân vật khác của Nhất Linh khi nói về đất : "*Hơi đất mát lắm*" (3). Nhất Linh và những nhân vật của ông đã đi hết con đường trăng mười bảy để về với hơi đất mát. Ở đây có cánh cửa dẫn về thiên thai. Về đến thiên thai nào có gì để nói nữa đâu ? Không còn gì nữa cả.

**Nghiêm Y** (London)

#### Chú thích :

(1) Vũ Hoàng Chương, "*Nguyện Cầu*".

(2) *Hai Vẻ Đẹp*.

(3) *Đôi Bạn*.

(4) *Look homeward, Angel*.

(5) Mượn ý trong câu sách cổ : "*Tiên ưu thiên hạ chi ưu, hậu lạc thiên hạ chi lạc*" (lo trước điều lo nghĩ của dân, vui sau niềm hoan lạc của dân).

(6) *Giòng Sông Thanh Thủy*, tập 2 : "Chi bộ hai người" : tr. 103, 105, 106, 118, 119.

(7) Văn Cao, lời hát "*Thiên Thai*".

## BĂNG TÂM

Nguyễn Văn Hòa

Tôi tuổi con trâu, trong tử vi có mệnh thiên phủ. Giáo sư chiêm tinh học kiêm tử vi đẩu số họ Phạm bảo : số cậu làm việc cực nhọc nhưng luôn luôn được hưởng lộc trời. Nhưng cậu phải để ý : không phải lộc nào cũng giống lộc nào, có lộc về giàu sang phú quý, quyền cao chức trọng, gọi là phú quý lộc ; có lộc như được bố thí hay được ăn nhờ ở đậu, gọi là bản tiện lộc. Đều là thiên phủ cả đấy !

Làm việc quả có nhiều hơn các bạn cùng lứa, nhưng thấy vui hơn là thấy cực. Ngày làm thầy giáo chạy từ trường công qua trường tư, 50 giờ một tuần vẫn xem là chuyện bình thường. Ngày làm kỹ sư, băng rừng lội suối hàng tháng trời vẫn tươi cười huýt gió tỉnh như ruồi. Đã là số trâu bò thì có bao giờ thấy mình khổ !

Còn hưởng lộc trời, thì tôi là đứa được khá nhiều may mắn.

May mắn lớn nhất là tôi có cô vợ hiền. Nàng thương tôi khi tôi còn là một sinh viên nghèo. Gia đình nàng không một ai bằng lòng. Nguyên là trước đó, mấy ông anh nàng bên Pháp có dẫn mấy người bạn về giới thiệu, có cậu bác sĩ, có cậu kỹ sư, đẹp trai, học giỏi, có sự nghiệp. Toàn là thứ cối cả. Nàng từ chối. Ông cụ giận : con suy nghĩ lại đi, hết người thương rồi sao mà đi thương cái thằng chỉ có độc mỗi cái quần xà lỏn. Cuộc đời không đơn giản, con không chịu nghĩ đến tương lai của con, sau này sẽ hối hận con ạ.

Ông Bà biết rõ tôi từ xưa, từ ngày tôi tình cờ được nhận vào làm *précepteur* [dạy kèm] cho nàng, dạy giờ nào lãnh tiền giờ đó. Chỉ có sinh viên nghèo mới đi làm *précepteur*. Những dịp lễ lớn, nàng theo gia đình dung dăng dung dẻ Đà Lạt, Vũng Tàu là thằng nhỏ ở nhà húp mì gói. Khi biết chúng tôi thương nhau thì ông bà cho tôi de. Và cũng từ đó, những lần lên gia đình đến thăm tôi, nàng được thưởng thức đều đều mì gói, riết rồi đâm nghiện. Nàng hay đùa : tình bọn mình là tình mì gói.

Ngày đám cưới là ngày tôi mới ra trường.

- Em có hối hận không ?

- Không.

May mắn thứ hai là trong chuyến vượt biển tháng năm 1975, vào lúc không còn hy vọng sống sót thì được tàu Tây cứu thoát, chở thẳng đến đảo Guam và rồi về một cái qua Tây. Từ bến Ninh Kiều qua Paris mất vốn vẹn có 12 ngày. Đến Paris, ở trại tỵ nạn hai ngày, làm xong thủ tục giấy tờ là vọt về gia đình vợ ở.

Nhà Ba Mẹ vợ là một *villa* nhỏ trong vùng Arcueil, một thành phố sát cận Paris. Ông Bà sống một mình, các con cái đều có gia đình ở riêng. Chúng tôi được nhường một phòng sát cạnh phòng thờ Phật. Ở dưới là *garage* để trống vì ông bà lớn tuổi không còn dùng xe nữa.

Paris sắp vào hè, nắng ấm, hoa hồng nở rộ trong công viên, đẹp lắm. Chúng tôi được các anh thay phiên nhau đến đón đi chơi, khi trên Mercedes, khi trên BMW, nào Champs Elysées, nào Saint Michel, Montmartre, Montparnasse,

nhà thờ Đức Bà..., ngồi những quán cà phê bên vườn Luxembourg, thỉnh thoảng xem những đàn thiên nga tung tăng bơi lội trên hồ trong Parc des Sceaux...

Đời toàn màu hồng. Số Thiên phủ có khác !

Nhưng rồi những ngày vui cũng chóng qua.

Ba hôm sau, chúng tôi xin dọn xuống *garage*, lấy có cháu hay khóc, làm mất yên tĩnh khi ông tụng niệm. Và mười hôm sau, tôi đã có mặt ở một *hôtel* nhỏ quận 14, mặt đồng phục oai như sĩ quan trường Saint Cyr... làm gác dan.

Lý do cũng đơn giản thôi : chúng tôi đáp lộn phi trường. Ở đây người ta vui quá, vì Sài Gòn đã được giải phóng, đất nước được thống nhất. Và ở đây còn có cái nhìn thương hại cho những đứa em lạc bước... Chúng tôi như chim bị thương, ủ rũ tìm nơi ẩn, khép kín.

Nàng khóc hằng đêm, hối hận.

Buồn quá chẳng biết làm gì cho hết ngày, tôi thường mượn sách của ông cụ vào Parc Montsouris ngồi đọc, hoặc lang thang vào Cité Universitaire gần nhà. Và chính nơi đây tôi tình cờ gặp lại hai học trò cũ. Tình trạng của chúng cũng không sáng sủa gì hơn tôi. Học giỏi, được học bổng quốc gia, mất nước học bổng cũng mất theo.

Một thằng tôi mà thường gọi đùa là "tiểu quỷ" nói :

- Bọn em vừa đi làm vừa đi học. Em làm gác dan, nó làm hãng giặt.

- Có vất vả lắm không ?

- Không. Em làm gác dan đêm cho *hôtel*, từ 7 giờ tối đến 6 giờ sáng, công việc cũng nhàn : xem chừng và giữ chìa khóa phòng cho khách ra vào, ghi sổ cho khách mới đến. Từ 1 giờ đêm trở đi thì hầu như không còn khách, mình tha hồ học bài. Làm hãng giặt thì đơn giản hơn, đi xe có tài xế lái, đến các nhà hàng, vác bọc khăn bàn bản ra xe và giao khăn bàn sạch cho họ, chỉ vậy thôi.

Nhìn qua bạn, nó tếu :

- Làm hãng giặt thời giờ thất thường nhưng vui. Đến nhà hàng, nếu biết nói chuyện và biết chịu khó toét miệng cười duyên thì thế nào cũng được mời tách cà phê hay cốc rượu đỏ, đôi khi còn có thêm chút tiền tip. Mấy cô hầu bàn, cô nào cũng nhí nhảnh. Khoái lắm. Em cá với thầy một trăm phần trăm là thằng này cầm chắc trượt võ chuối cuối năm, bù lại, nó lại nhuyến cái trò ô m đằm và nghiện rượu.

Tôi được biết thêm là đa số giáo sư, khoa trưởng đi tu nghiệp bên này cũng đang loay hoay tìm những nghề mọn để qua cơn sóng gió. Khi tôi nghĩ muốn tìm một chỗ gác dan đêm, mắt nó sáng ra :

- Mà thầy có thức đêm được không ?

- Được chứ, qua đây tôi bị mất ngủ triền miên.

- Thế thì tốt quá rồi, thế chỗ em đi. Em đang làm bán thời gian, bây giờ họ bắt làm toàn thời gian, không đủ thời giờ cho bài vở. Em đang tìm chỗ khác.

Vậy là úm ba la, thầy trò cùng làm gác dan.

Gia đình không ngạc nhiên về chuyện này, chỉ thấy hơi vội vàng thôi. Không có bằng tú tài Tây thì chẳng làm được gì hơn, không đi hốt rác là may. Ông cụ nhìn tôi nửa buồn nửa thương hại :

- Con vội vàng gì vậy ? Ba Má có thể giúp các con một thời gian...



Một sáng sớm đi làm về, tìm tôi thóp lại khi thấy vợ ngồi chờ vợ một mình trong công viên cạnh nhà, vực mặt vào hai lòng bàn tay.

- Sao vậy em ?

Nước mắt đầm đề, nàng ép tay tôi vào ngực :

- Em đau lắm. Em đau lắm anh ơi.

Cũng vì chuyện gia đình. Tối qua, ông anh cả về chơi. Gia đình hàn huyên vui vẻ, nhưng khi dính vào chính trị thì mọi sự tùm lum... Anh nàng bảo : các em đã tính sai khi bỏ nước ra đi, bên này tương lai không biết đi về đâu. Và khi Ba nàng than thở : ngày xưa, nếu con biết nghe lời Ba Mẹ thì bây giờ đâu đến nỗi... thì nàng nổi dóa :

- Chúng con ra đi, bỏ lại hết và cũng xuýt bỏ cả mạng sống, không phải vì muốn được sống ở Pháp, mà chỉ vì chúng con sợ cộng sản, sợ anh con bị tù. Xin Ba và anh đừng nói đến những chuyện đó nữa, con chưa khổ một ngày nào khi sống bên anh con.

Nàng giận. Ba và anh nàng cũng giận.

- Mình đi đi anh. Suốt đêm em ngủ không được. Không ai có quyền nói đụng chạm đến anh.

Tôi cười vỗ về :

- Ăn nhờ ở đậu không phải là nghề của bọn mình, để anh tính. Mà Ba nói đúng, em giận làm gì. Hai mươi năm trước gặp em, anh chỉ có cái quần xà loãn, bây giờ cũng chỉ vốn vẹn cái quần xà loãn.. Tình bọn mình là tình mì gói mà.

Nàng cốc vào đầu tôi :

- Thế thì cái đầu này, những năm ăn học, tương lai của anh.. để đâu ? Không phải gia tài cho em sao ?

Tôi quyết định xin thêm việc làm ở hãng giặt, cũng đủ tiền sống và thuê nhà.

- Nhưng tội cho anh quá đi, anh cho em đi làm với, làm gì cũng được.

- Em ở nhà giữ con cũng bận lắm rồi. Anh đi làm đâu có mệt nhọc gì, vui nữa là khác. Em biết mà, anh là tuổi con trâu, mệt nhọc xá gì em.

Tiểu quỷ hay đến thăm tôi.

- Bên nhà vừa giải thể Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam với lý do là đất nước đã thống nhất. Bên này họ cũng tổ chức hội thảo tùm lum. Mình đi Maubert coi nghe thấy.

Rạp Maubert đông kín người. Cờ đỏ sao vàng và cờ Mặt trận treo đầy tường.

12 đại biểu của 12 hội đoàn cộng thêm ông tướng Nguyễn Khánh là 13, ngồi trên bàn chủ tọa.

Tất cả đều hồ hởi. Cùng một giọng điệu : chúng tôi đã tranh đấu vì độc lập tự do và thống nhất cho đất nước, nay đất nước đã được độc lập thống nhất, nhiệm vụ của chúng tôi đã hoàn tất, sự tồn tại của tổ chức không cần thiết nữa, chúng tôi xin tự giải tán để tất cả cùng góp sức xây dựng đất nước. Một vài hội đoàn lên gân : tuy nhiên, ngày nào mà đất nước không có tự do, chúng tôi còn tranh đấu.

Riêng tướng Nguyễn Khánh, vẻ mặt quan trọng, rút trong túi áo tờ giấy : Đây là một bí mật tôi giữ kín đến ngày hôm nay, xin trình bày với quý vị - rồi trịnh trọng giơ cao - đây là bức thư của chủ tịch Huỳnh Tấn Phát gửi riêng cho tôi khi tôi còn là quốc trưởng của Miền Nam Việt Nam...

và tiếp theo là những lời ca ngợi không hết lời.

Tôi tê lạng người, như chính mình đang bị sỉ nhục.

Tiểu quỷ khẽ đạp vào chân tôi : cái thằng râu dê...

Ra về, có ai vỗ mạnh vào vai :

- Trời đất, cu Tân, mày làm trò gì ở đây, lại để thêm chòm râu dê, tý nữa tao nhận không ra.

Té ra thằng Phan, bạn thân xưa hồi đi học. Nó qua đây hồi 56, ra trường Mỏ [Mines], hiện làm việc cho Elf-Gabon [một công ty dầu lửa lớn của Pháp tại xứ Gabon châu Phi]. Vẫn thích đùa, láu liếng như hồi nào. Hai đứa mừng hết lớn, chuyện xưa chuyện nay không dứt.

- Ngày vượt biển, tao đã để râu trước cả tháng, giả làm người đánh cá, ra đến đảo mới tỉa, để lại chòm râu dê ngộ ngộ cho vui, không ngờ vợ khoái, nên để luôn.

- Vợ mày chịu chơi. Khá. Bây giờ tao chở mày về thăm mẹ con nhà mày.

Về nhà, thăm nơi ăn chốn ở, hỏi dăm ba câu chuyện, rồi nó kéo tôi ra quán cà phê.

- Không ổn.

- ?

- Mày muốn làm gì thì làm, tao không can thiệp. Nhưng vợ con mày ở như vậy không được, đái ỉa tắm rửa cũng không có chỗ đằng hoàng, mỗi lần cần phải chui lên lầu.

- ?

- Mày về nhà tao ở đi.

Phan lấy vợ đầm và đã ly dị từ lâu, sống độc thân dài dài - mày biết không, đầm nó khoái thì nó ở, hết khoái thì đi. Bất kể thiên địa, bỏ tao đi theo thằng hầu bàn. Tao chán đàn bà rồi. Nó làm việc ở Gabon, nhà đóng cửa để trống, mỗi năm chỉ về hè tháng rưỡi, họa hoàn lắm mới về công tác đặc biệt ở Paris vài tuần như kỳ này.

- Bọn mày đến ở, cũng là giúp tao. Nhà để trống không tốt.

Thấy tôi ngần ngừ.

- Thôi bây giờ, mày chưa quyết định được thì để bà xã mày quyết định. Bọn mày cứ về xem nhà tao đã.

Trên xe, nó huyền thuyên.

- Chị biết không, thằng này hồi xưa dữ lắm, bây giờ thấy hiền khô. Chị dạy dỗ nó sao khéo vậy ?

- Anh ấy hiền khô mà anh.

- Hiền à ! Tôi cần nó một cái, nó đớp lại tôi hai miếng.

- Sao lại cần ?

- Nó không cho tôi cóp pi bài, tôi cần nó. Đến khi tôi không cho nó cóp pi, nó đớp lại. Bọn tôi học chung nhau từ hồi tiểu học, thân nhau hơn anh em. Thế mà hồi tôi qua Pháp, gửi thư về thăm nó, nó im re, té ra hồi đó ông bà đã tú tú từ từ, quên hết bạn.

Ban đầu vợ tôi còn e dè trước người bạn mới, nhưng qua dăm ba câu chuyện đã lấy lại được tự nhiên thân mật.

Nhà ở ngoại ô, khá gần Paris. Hai tầng, tầng dưới là *sous-sol*, gọi là dưới gầm, nhưng cũng gần giống tầng trên, có phòng khách, hai phòng ngủ, bếp, nhà tắm và cửa ra vào riêng biệt. Nó bảo muốn ở đâu thì ở, vợ tôi chọn *sous-sol*.

- Sáng mai tôi cho người đến dọn dẹp, đồ đạc lấy ở trên xuống dùng tạm rồi tính sau. Tiền điện nước *gaz* họ lấy tự

động. Mày chịu khó làm vườn, trồng hoa cho chị và cháu, bù vào tiền nhà. Chiều mai tôi đem xe đến đón. Tôi chỉ còn ba hôm nữa ở Paris.

Nói về chuyện học, thi cử, Phan cho biết bằng cấp bên nhà được xem tương đương, chỉ cần học lại năm cuối. Chúng tôi mừng như được sống lại. Nàng khóc, làm Phan hoảng lên :

- Ngày xưa họ bắt như vậy. Bây giờ đổi khác rồi. Mà đứa nào nói với chị phải thi lại tú tài, chị cho tôi biết, tôi vật râu chúng nó. Láo lếu.

Bố vợ và ông anh cả, chả có cọng râu nào.

Bốn cốc cà phê ban chiều cộng thêm những nỗi mừng mới, tôi không ngủ được. Nàng cũng vậy. Bọn tôi thì thăm suốt đêm, nào là nhà mới, nào chuyện học hành, tương lai... Tôi kể lại buổi hội thảo, nàng cũng nổi sùng ông tướng râu dê.

- Anh thấy nhục lắm. Ngày mai anh không để râu nữa.

Nghe tiếng nàng hứ, rồi im lặng ngang xướng. Nàng không muốn nhưng tính cả thẹn không dám nói.

- Anh sẽ để râu mép, em chịu không ?

Giọng nàng hơi lấy.

- Tùy anh. Mà sao anh cần người ta vậy ?

- Thì cũng như em cần anh có sao đâu.

Nàng gục mặt vào ngực tôi.

- Chuyện đó khác.

Paris, những ngày u ám đã qua. Ngày từ biệt gia đình vợ. Nàng ôm Mẹ, nói trong nước mắt :

- Chúng con sẽ đưa cháu về thăm Ba Má. Con theo anh con. Con lạy Ba Mẹ. Lạy anh.

Giọng nàng đau đớn, nhưng dứt khoát.

Cả nhà sưng sờ rướm nước mắt, có chút ăn năn ngưỡng ngừng. Xa con đã bao năm, mới vừa gặp lại !

Được đúng 17 hôm.

Tôi bàng hoàng nhớ lại, cũng những giọt nước mắt đó, cũng giọng nói đó, trên con tàu nhỏ chết máy giữa biển khơi, nghiêng ngả theo từng đợt sóng lớn.

- Nếu anh có mệnh hệ nào, thì em với con sẽ xuống biển theo anh.

Chúng tôi là ba người duy nhất trên tàu không biết bơi.

Phan chở chúng tôi về nhà, hành lý vẫn chỉ vồn vện ba chiếc xác nhỏ hồi vượt biên.

Trước ngày đi, Phan dẫn tôi lại trường cũ giới thiệu với ông giám đốc *Laboratoire*, ông xem hồ sơ và nhận cho làm lại DEA [cao học]. Ở trường Dược, nàng cũng được nhận thi lấy lại bằng vào năm tới.

Tôi vẫn làm gác dan. Bỏ dự tính làm hãng giặt. Gia đình nàng thỉnh thoảng có đến chơi, và dù bận rộn, mỗi tháng chúng tôi vẫn đều đặn về thăm gia đình. Nàng không bao giờ hé môi cho gia đình biết những gì chúng tôi đang làm hay dự định làm.

- Anh ơi, bọn mình biết đến nhau là đủ rồi.

Nhưng tôi biết vết thương lớn trong lòng nàng khó lành.

- Em đau lắm. Em đau lắm anh ơi... !

Nàng lấy lại bằng không khó khăn lắm. Riêng tôi thì khá chật vật. Thêm giấc ngủ triền miên, nhiều khi ngủ gục trên bàn. Nhưng rồi mọi sự cũng qua, tôi được nhận làm

*thèse* [luận án tiến sĩ] ở Garchy, một trung tâm nghiên cứu về Vật lý Địa cầu cách Paris 200 km.

Xa Paris, bỏ việc làm, lòng tôi do dự không ít. Nàng dứt khoát.

- Anh đã nuôi em 6 năm, cho em học ra trường, lại thêm một năm cho em lấy lại bằng. Bây giờ em đi làm, em phải nuôi anh. Em đã quyết định : hoặc anh đi học lại đến ngày lấy xong *docteur* [tiến sĩ], hoặc em dắt con ra biển. Em không dọa anh đâu.

Ngày sinh nhật bé Linh, nàng mời gia đình lại xem bé thổi đèn cây. Nàng vẫn kín như bưng về chuyện vui buồn của mình, chỉ khi ông anh cả tò mò nhìn vào tử sách :

- Úa, em đi học lại hồi nào vậy.

- Dạ, em vừa ra trường và đã đi làm.

- Còn Tân ?

- Dạ, anh em hết đi gác dan rồi, đang làm *stage* ở CNRS [thực tập ở Trung Tâm Quốc Gia Nghiên Cứu Khoa Học].

Giọng nàng hờ hững và bình thản như chẳng có gì phải bận tâm.

Anh đến bên tôi, hỏi nhỏ :

- Giờ này nếu Tân ở bên, liệu có bị gì không ?

- Dạ, các bạn em cùng khóa đang ở tù.

Khi tiễn gia đình ra về, tôi quay trở vào.

- Sao em dữ vậy.

Nàng khóc :

- Em ức. Em muốn khoe với Ba Mẹ những điều vui của bọn mình từ lâu, em muốn lắm chứ. Nhưng mỗi lần muốn nói, em bị nghẹn lại vì nhớ lại những lời không phải về anh. Em thương anh lắm anh biết không, sao anh lại bảo em dữ...

Ba mươi năm qua, vết thương xưa đã lành. Nhưng...

Chuyện ông tướng Kỳ về nước được nói nhiều trên báo chí, internet, trên đài phát thanh trong và ngoài nước, chúng tôi cũng theo dõi kỹ lắm, ban đầu vì tò mò, về sau đam mê như những tuồng hài hước của Tùng Lâm, Phi Thoàng ngày trước. Góp chuyện vui thì nàng chịu, nhưng khi câu chuyện trở nên đáng đắn thì nàng gạt phắt đi : chuyện người ta anh để ý làm gì, ông ta có là người phở bò hay lẩu cá, liêm sỉ hay vô liêm sỉ cũng là chuyện người ta !

Một đêm, tôi nói với nàng :

- Ông ta tuyên bố sẽ làm sứ thần hòa giải giữa người Việt hải ngoại với người Việt trong nước, sẽ nói cho người Việt hải ngoại biết những điều tốt đẹp mà đảng cộng sản đã làm cho đất nước.

- Thì sao ?

- Anh thấy nhục lắm. Sáng mai...

Nàng chồm ngay dậy.

- Em biết mà ! Này ông nội, đừng giận cá chém thớt nghe ông nội, bộ râu này của em, anh không được cạo đi đó. Cái gì em bảo của em là của em, anh đừng lộn xộn.

Nàng không còn cái e thẹn như thuở nào. Càng lớn tuổi càng cứng đầu, nửa đàn ông nửa đàn bà.

Nàng vốn học trường mầm từ nhỏ. Hiền nhưng hay làm nư. Tên nàng là Băng Tâm.

Nguyễn Văn Hòa (Paris)

## VẾT THƯƠNG THẾ CHIẾN II đã khép lại ?

Trong hai ngày 5 và 6 tháng 6-2004, Pháp đã tổ chức kỷ niệm một cách long trọng lần thứ 60 cũng đổ bộ của quân đồng minh vào bờ biển Normandie. Tất cả các vị nguyên thủ các quốc gia đồng minh chống Đức quốc xã đều đã có mặt, đặc biệt lần này còn có cả thủ tướng Đức Gerhard Schroeder và tổng thống Nga Vladimir Putin.

Đây là lần đầu tiên mà một thủ tướng Đức tham gia một lễ kỷ niệm cuộc đổ bộ đánh bại quân Đức. Cách đây 10 năm, thủ tướng Helmut Kohl đã từ chối. Người ta có thể hiểu khó khăn của các nhà lãnh đạo Đức trong những dịp lễ này mà mục đích là để ghi ơn và tôn vinh những người đã ngã gục trong lúc tấn công quân Đức. Tưởng niệm họ cũng là gián tiếp nhìn nhận rằng những quân nhân Đức bị thiệt mạng trong cuộc đổ bộ này xứng đáng để bị tiêu diệt.

Trong một bài diễn văn xúc động, thủ tướng Schroeder đã bày tỏ sự kính trọng đối với quân đồng minh trong thế chiến II, ông gọi những người lính Đức là những người "bị lôi kéo vào cuộc chiến" và nhìn nhận trách nhiệm trọn vẹn của Đức. Ông cũng nhắc lại rằng ông chưa bao giờ được nhìn thấy cha mình, một quân nhân Đức đã tử trận tại Romania. Tuy nhiên ông Schroeder vẫn chưa thể làm một việc mà có lẽ ông rất muốn làm là ghé thăm và đặt vòng hoa tại nghĩa trang lính Đức tại Normandie. Người châu Âu vẫn minh, chôn cất một cách chu đáo tất cả thi thể các đối thủ bị ngã gục, nhưng dấu sao thì nghĩa trang lính Đức tại La Cambe, nơi chôn cất khoảng 21.500 lính Đức, vẫn sơ sài hơn nhiều so với nghĩa trang quân Mỹ, Anh và Canada, bia mộ là những thánh giá bằng đá màu nâu sẫm sù ; có một cái gì ảm đạm khiến khách viếng thăm phải mủi lòng như đứng trước những mộ hoang. Dự luận Đức đã đả kích việc Schroeder đã không đến thăm nghĩa trang này. Chắc chắn đây cũng là một điều mà Schroeder phiền lòng nhưng không thể làm khác. Trong nghĩa trang Đức, có thể đa số là nạn nhân của một cuộc chiến mà họ chỉ bị lôi kéo vào như lời ông Schroeder, nhưng cũng có những phần tử SS đặc biệt hung bạo gây rất nhiều tội ác được chôn chung. Chẳng hạn như trước khi rút khỏi thành phố Caen, quân SS đã hành quyết toàn bộ tù nhân ; sự kiện này cũng đã xảy ra tại nhiều thành phố khác của Pháp.

Nhắc lại : đêm 5-6-1944, quân đồng minh thuộc hơn 10 nước, chủ yếu là Mỹ, Anh và Canada đã từ Anh đổ bộ vào bờ biển Normandie. Cuộc đổ bộ này đã huy động gần 5.000 tàu chiến và trên 200.000 quân đồng minh. Ngay trong ngày đầu tiên, quân đồng minh đã thiệt mất 12.000 người đồng thời cũng tiêu diệt khoảng 8.000 quân Đức, khoảng 20.000 thường dân Pháp cũng thiệt mạng vì bom đạn. Sau đó là một trận đánh dữ dội kéo dài hơn một tháng tại vùng này và hàng trăm sư đoàn hai bên tàn sát lẫn nhau. Sau trận đánh quyết liệt này, lực lượng Đức quốc xã sụp đổ nhanh chóng. Con trai lớn của tổng thống Mỹ

Franklin D. Roosevelt, là thiếu tướng Theodore Roosevelt cũng đã bỏ mình trong trận này và được chôn cất tại đây.

Dự luận châu Âu coi lần kỷ niệm này, với sự tham gia của thủ tướng Đức, đánh dấu sự hòa giải trọn vẹn giữa Đức và Đồng Minh. Đây cũng là một dịp cho một hòa giải khác giữa Mỹ, Anh với Pháp, Đức sau bất hòa vì cuộc chiến Iraq. Tổng thống George W. Bush đã có mặt trong buổi lễ này và đã thảo luận thân mật với tổng thống Pháp Jacques Chirac và thủ tướng Gerhard Schroeder. Có nhiều triển vọng Pháp và Đức sẽ ủng hộ nghị quyết về Iraq do Mỹ và Anh trước Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc. Trước đó nhiều tổ chức cánh tả đã kêu gọi biểu tình chống ông Bush nhưng cuối cùng đã chỉ có những cuộc biểu tình nhỏ đòi quyền lợi hay chống những cải tổ của chính phủ Pháp. Nói chung người Pháp hiểu rằng không thể chống ông Bush vào lúc này khi ông đến đây như là đại diện của những người đã hy sinh tính mạng để giải phóng nước Pháp khỏi tay Đức quốc xã.

## THỜI SỰ QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM

### Tội sùng bái lãnh tụ tại Bắc Triều Tiên và Việt Nam

Một tai nạn khủng khiếp đã xảy ra hồi cuối tháng 4 vừa qua tại nhà ga Hoàng Trù (Ryongchon), cạnh biên giới Trung Quốc, phía bắc Bắc Triều Tiên, làm hàng trăm người bị thiệt mạng và hàng ngàn người khác bị thương. Toàn bộ nhà ga cùng những dãy nhà hai bên cạnh đều bị phá hủy. Nguyên do của tai nạn này là hóa chất chứa trong những toa tàu phát nổ khi bị va chạm mạnh.

Thảm họa này gây xúc động trên toàn thế giới nhưng không ảnh hưởng gì tới nạn sùng bái cá nhân cùng cực tại Bắc Triều Tiên. Ngày 28-4-2004, hãng thông tấn KCNA của nhà nước Bắc Triều Tiên tường thuật một cách trịnh trọng "những cái chết anh hùng" của ít nhất bốn người Bắc Triều Tiên khi liều mình lao vào đám cháy tại nhà ga để cứu... những bức chân dung đương kim lãnh tụ Kim Chính Nhật (Kim Jong Il) và cha ông ta là Kim Nhật Thành (Kim Il Sung) treo trên các vách tường. Bài tường thuật ngợi ca rằng "nhiều người đã chạy vào cất chân dung các lãnh tụ ở chỗ an toàn, sau đó mới quay lại tìm kiếm thân nhân" (!).

So với Bắc Triều Tiên, cường độ sùng bái lãnh tụ tại Việt Nam chưa đạt tới trình độ này, ít người Việt Nam nào dám liều mình xông vào đám cháy để cứu chân dung lãnh tụ Hồ Chí Minh đến như vậy. Hình và tượng lãnh tụ Hồ Chí Minh ngày nay được bày bán trên các đường phố như hàng đồ vật kỷ niệm và hàng trang trí.

Chính vì không còn ai tôn trọng hình, tượng Bác Hồ, ngày 26-5-2004 Bộ văn hóa - tư tưởng ban hành "Quy chế về sao chép tác phẩm tạo hình" như sau : "các cơ sở sao chép, trưng bày, bán tranh, tượng Bác phải thể hiện sự tôn kính đối với lãnh tụ, nghĩa là phải được đặt ở một vị trí riêng, trang trọng".

Câu châm ngôn : "Hãy cho tôi biết bạn của anh, tôi sẽ nói rõ anh là ai !" lúc nào cũng đúng. Nhân Ngày truyền

thông thế giới vừa qua, khi xem xét mức độ tự do ngôn luận trong báo chí của 193 quốc gia trên thế giới, hội Ngôi nhà tự do (Freedom House) đã xếp Bắc Triều Tiên vào hạng 193 ("đội sổ"), Việt Nam cũng không hơn gì, hạng 179.

## **NGUYỄN VŨ BÌNH được chuyển về trại Ba Sao**

Phiên tòa phúc thẩm xử Nguyễn Vũ Bình ngày 5-5-2004 đã chỉ là một trò hề nhạt nhẽo. Càng nhạt nhẽo vì nhân vật chính, Nguyễn Vũ Bình, không chịu đóng vai trò mà nhà nước cộng sản muốn dành cho anh. Bình không phủ nhận những cáo buộc như phát biểu ý kiến bất lợi cho nhà nước, có quan hệ với những thành phần dân chủ trong và ngoài nước nhưng tuyên bố đó chỉ là những quyền căn bản được hiến pháp Việt Nam và luật pháp quốc tế long trọng xác nhận. Hai luật sư Đàm Văn Hiếu và Trần Lâm đã tái khẳng định thân chủ của họ hoàn toàn vô tội vì chỉ hành xử những quyền công dân rất bình thường trong một xã hội văn minh. Một lần nữa các quan tòa đã muối mặt đọc một bản án do bộ chính trị quyết định từ trước. Phiên tòa chỉ kéo dài hai giờ.

Điều đặc biệt đáng phẫn nộ là lần này chính quyền cộng sản đã sử dụng biện pháp côn đồ : đưa một toán đàn bà đầu gối tới hành hung và chửi bới thân nhân và thân hữu tụ tập trước tòa án bày tỏ sự liên đới với Nguyễn Vũ Bình. Chị ruột của Bình đã bị bọn này hành hung. Cụ Hoàng Minh Chính, 82 tuổi, cũng bị bọn này xô đẩy một cách xác láo. Bọn này làm như rất thù ghét Nguyễn Vũ Bình, nhưng ai cũng biết chúng chỉ là bọn đâm thuê chém mướn, do một chính quyền cũng tội tệ như chúng đưa tới.

Ngay sau khi tòa phúc thẩm tuyên án, Nguyễn Vũ Bình đã tuyệt thực để phản đối. Sau 10 ngày nhịn ăn, sức khỏe của Bình suy sụp rõ rệt. Ngày 15-5-2004, công an đã tới nhà yêu cầu thân phụ anh vào trại giam khuyên anh chấm dứt tuyệt thực. Đi được nửa đường, toán công an này nhận được lệnh qua điện thoại di động đưa ông cụ về nhà, hủy bỏ cuộc gặp gỡ này. Giả thuyết nhiều xác suất nhất là lúc đó sức khỏe của Bình đang nguy ngập, cần được đưa vào bệnh viện cấp cứu. Ba ngày sau, ngày 18-5, Kim Ngân, vợ của Nguyễn Vũ Bình, dắt hai con nhỏ, 5 tuổi và 2 tuổi, vào nhà tù Hỏa Lò nơi Bình bị giam giữ để thăm chồng mới biết là Bình đã được chuyển về nhà tù Ba Sao, tỉnh Nam Hà.

## **Quận Cam tổ chức đêm không ngủ YẾM TRỢ NGUYỄN VŨ BÌNH**

Tối chủ nhật 30-5-2004, trước tòa soạn báo Người Việt, nhật báo Việt ngữ lớn nhất Orange County, một đêm không ngủ để yểm trợ Nguyễn Vũ Bình đã được đông đảo bà con quận Cam tham dự, hưởng ứng lời kêu gọi của Cộng Đồng Việt Nam Nam Cali và Liên Hội Cựu Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hòa. Chương trình đêm không ngủ này do ông Nguyễn Thế Phiệt điều khiển.

Biến cố này rất đáng ghi nhận vì ít nhất hai lý do. Quận Cam vẫn có tiếng là "chống cộng kịch liệt", rất gắn bó với

chế độ Việt Nam Cộng Hòa và có thái độ dè dặt với những người xuất phát từ hàng ngũ cộng sản. Sự kiện một đêm không ngủ để yểm trợ Nguyễn Vũ Bình, một đứa con của chế độ cộng sản, lớn lên ở Hà Nội và từng là ký giả *Tạp Chí Cộng Sản*, là một điều đầy ý nghĩa. Ông Tạ Đức Trí, chủ tịch Cộng Đồng Việt Nam Nam Cali, đã đọc diễn văn nhắc lại tiểu sử Nguyễn Vũ Bình và nhấn mạnh quyết tâm và sự dũng cảm của người thanh niên này trong cuộc vận động dân chủ. Thêm vào đó một trong hai tổ chức đứng ra kêu gọi đêm không ngủ này là Liên Hội Cựu Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hòa chứng tỏ rằng những nạn nhân trực tiếp nhất của chế độ cộng sản cũng không còn phân biệt nguồn gốc của những người dân chủ. Biến cố này đánh dấu một sự chín muồi thực sự trong tâm tư của người Việt hải ngoại.

Quận Cam, với khoảng 300.000 người Việt tập trung trên một diện tích nhỏ, là thủ đô người Việt hải ngoại. Tiếc rằng từ trước đến nay đã có quá nhiều tổ chức quá khích khai thác hận thù của người Việt tị nạn đối với công dân cộng sản cho những mục đích tranh giành ảnh hưởng, nên quận Cam đã không đóng được vai trò đáng lẽ phải có của nó trong cuộc vận động dân chủ hóa đất nước. Biến cố này là một trong những dấu hiệu đáng mừng rằng quận Cam đang thay đổi theo chiều hướng mong muốn.

## **Lại hoãn phiên tòa xử PHẠM QUẾ DƯƠNG**

Một nguồn tin đáng tin cậy từ Việt Nam cho hay phiên tòa xử Phạm Quế Dương, dự trừ vào cuối tháng 6-2004 đã bị đình hoãn một lần nữa.

Cựu đại tá Phạm Quế Dương, phát ngôn viên Nhóm Dân Chủ, bị bắt ngày 28-12-2002 tại nhà ga Sài Gòn vào lúc ông và phu nhân sắp lên xe lửa về Hà Nội. Ngày hôm sau, 29-12, đến lượt ông Trần Khuê, đồng phát ngôn viên của Nhóm Dân Chủ, bị ỉt. Ông Dương được giải về Hà Nội giam giữ còn ông Khuê vẫn bị giam tại Sài Gòn.

Ngày 3-2-2004, tại nhà giam Thanh Liệt, Phạm Quế Dương được trao bản cáo trạng theo đó ông bị buộc tội gián điệp vì đã liên hệ với các "phần tử phản động nước ngoài". Theo thông lệ thì sau khi đã có báo trạng, phiên tòa sẽ diễn ra trong khoảng từ một đến hai tuần lễ sau đó. Tuy nhiên cuối tháng 3-2004, Phạm Quế Dương được thông báo là phiên tòa được hoãn lại tới tháng 4. Sang tháng 4, chính quyền cộng sản giảm tội danh xuống còn "gián điệp trong trường hợp không nghiêm trọng". Bản cáo trạng thứ hai này sau đó cũng bị rút lại để sửa chữa và vụ án được dự trừ diễn ra trong tháng 6 này. Nguồn tin từ Việt Nam cho hay là "tòa án chưa chấp nhận bản cáo trạng của Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao".

Tại sao có sự kiện này ? Chắc chắn là các bản cáo trạng đối với những người dân chủ Việt Nam thường được viết một cách rất tồi dở, mang nhiều lỗi văn phạm và chính tả, có khi viết sai cả tên riêng, chưa kể là có những cáo buộc rất ngớ ngẩn, thí dụ như Lê Chí Quang bị buộc tội : "*vu cáo nhà nước bỏ tù những người không cùng chính kiến*" và bị xử 4 năm tù. Thật ra các tòa án Việt Nam chưa bao giờ

quan tâm đến sự công chính. Các thẩm phán thay vì xét xử theo lương tâm và luật pháp thường muối mặt đọc những bản án đã viết sẵn cho họ.

Lý do thực sự là Hà Nội đang bối rối về vụ Phạm Quế Dương. Dư luận thế giới đã xúc động, các tổ chức nhân quyền thế giới đều đã phản ứng rất mạnh. Đã có hai luật sư Mỹ, hai luật sư Pháp và Hội Luật Sư Không Biên Giới liên lạc với Hà Nội đòi được bên vực Phạm Quế Dương. Ngay chính bộ chính trị Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng không nhất trí. Nguồn tin trên cho hay chỉ có ba người đòi thẳng tay với Phạm Quế Dương là Trần Đức Lương, Lê Minh Hương và Nguyễn Khoa Điềm.

## **LÊ MINH HƯƠNG chết một cách khó hiểu**

Báo *Nhân Dân* số ra ngày 26-5-2004 đã đưa tin vắn tắt về tang lễ ông Lê Minh Hương, thượng tướng, ủy viên bộ chính trị, trưởng ban an ninh của bộ chính trị đảng cộng sản.

Các quan sát viên không khỏi ngạc nhiên. Bình thường khi một đảng viên cao cấp của Đảng Cộng Sản Việt Nam qua đời, dù chỉ là cấp tỉnh ủy hay thành ủy, luôn luôn có những cáo phó rất long trọng, kể rõ sự nghiệp và những huân chương của người quá cố. Thứ hai, thi thể người chết cũng được quàn nhiều ngày để đảng viên và thân hữu viếng thăm. Tang lễ cũng được tổ chức rất long trọng với nhiều diễu hành của các cấp lãnh đạo và những người đã từng hoạt động gần gũi với người quá cố. Lần này không hề có cáo phó, cũng không có diễu hành. Lễ mai táng được tổ chức một cách vội vã, nhiều thành viên quan trọng của bộ chính trị như Trần Đức Lương, chủ tịch nước, Phan Văn Khải, thủ tướng, v.v. vắng mặt. Điều này rất khó hiểu vì ông Lê Minh Hương là nhân vật thứ 5 trong bộ chính trị, cơ quan tối cao của đảng. Vậy cái gì đã xảy ra và ông Lê Minh Hương đã chết như thế nào ?

Ông Lê Minh Hương là bộ trưởng công an trong thời gian băng đảng Năm Cam hoành hành tại Sài Gòn. Những tiết lộ ngày càng cho thấy ông dính líu nhiều trong vụ này, và cũng chính ông đã lấy quyết định truy tố băng đảng này. Còn cần nhiều thời gian mới có thể biết những gì thực sự đã xảy ra.

## **VỤ ÁN NĂM CAM 5 người bị hành quyết**

Ngày 3-6-2004, công an Sài Gòn đã hành quyết Năm Cam, tên thật Trương Văn Cam, và bốn đồng phạm là Châu Phát Lai Em, Nguyễn Hữu Thịnh, Nguyễn Việt Hưng và Phạm Văn Minh. Các can phạm bị kết án tử hình về tội giết người, tổ chức cờ bạc, mại dâm, đưa hối lộ. Họ đều thuộc một băng đảng thường được gọi là "đảng Năm Cam", họ đều bị bắt vào tháng 12-2001 cùng với nhiều đồng lõa khác trong đảng.

Vụ án Năm Cam đã là biến cố sôi nổi nhất tại Việt Nam trong hai năm 2002 và 2003. Hàng trăm quan chức đã dính líu tới vụ này, kể cả Nguyễn Tấn Dũng, phó thủ tướng

thứ nhất, Lê Minh Hương, bộ trưởng công an, và Nguyễn Văn An, chủ tịch quốc hội. Tuy vậy, đã chỉ có ba quan chức cao cấp là Bùi Quốc Huy, trung tướng thứ trưởng công an, Phạm Sĩ Chiến, phó chủ tịch Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao, và Trần Minh bị giải tòa và kết án nhẹ, những người khác chỉ là những sĩ quan công an cấp trung hoặc thấp.

Theo tường thuật của Thông Tấn Xã Việt Nam thì các tử tội, đặc biệt là Năm Cam, đã tỏ ra rất bình tĩnh trước giờ hành quyết. Họ đã chỉ xin được viết thư cho gia đình, riêng Năm Cam viết thư cho người con gái út đang đi tu mong cô này tu hành tốt và dặn dò các con giữ gìn sức khỏe, sống lành mạnh, săn sóc mẹ. Các bị can đã bị bắn tại pháp trường Long Bình, Thủ Đức, quận 9. Phương pháp hành quyết của chính quyền cộng sản Việt Nam rất man rợ. Các bị can bị bịt mắt và nhét một trái chanh vào miệng rồi bịt miệng lại để không thể hô khẩu hiệu. Họ bị trói vào cột và bị bắn 5 phát vào cơ thể, sau đó một phát súng vào đầu. Gia đình tử tội không được thông báo, trái lại dân chúng lại được huy động đến pháp trường chứng kiến như một cuộc trình diễn.

Thông Tấn Xã Việt Nam đã tường thuật đầy đủ chi tiết vụ hành quyết này với sự thích thú rõ rệt : các tội phạm đã được tập hợp như thế nào tại khám Chí Hòa, hồi mấy giờ, thủ tục trước khi xử bắn ra sao, bữa ăn sáng cuối cùng gồm những gì, các bị can đã ăn uống như thế nào, ai đã tỏ ra sợ hãi khi bị trói vào cột... Khi đọc bản tin này, không biết người nước ngoài sẽ đánh giá người Việt là loại người nào mà tỏ ra thích thú với những chi tiết gớm ghiếc này.

## **SÓNG HỒNG đe dọa bờ biển Việt Nam**

Sóng hồng là hiện tượng nước biển, nước hồ bị ô nhiễm biến thành màu nâu hay màu đỏ, do sự đổi màu của những vi sinh thực vật trôi nổi (plancton) bị chết. Nguyên nhân của hiện tượng này phát sinh từ nước thải sinh hoạt trong các đô thị hay nước thải của các nhà máy đổ vào sông hồ, rồi từ sông hồ chảy ra biển cả gây ô nhiễm cho cả một vùng rộng lớn. Trong khu vực này, xác những loài vi sinh thực vật bị chết vì nhiễm độc chìm sâu dưới lòng biển ; khi có biến đổi thời tiết (mặt nước ở vùng bờ biển nóng hơn độ nước ở ngoài khơi), xác những vi sinh thực vật chưa bị phân hóa này được các dòng nước ngầm đẩy lên mặt nước tạo những đợt sóng hồng trôi dạt vào bờ. Sự độc hại của những đợt sóng hồng này là làm triệt tiêu nguồn dưỡng khí chứa trong nước khiến đàn cá hay đàn tôm trong khu vực có sóng hồng bị chết ngộp.

Từ tháng 6-2002, vệ tinh quan sát địa cầu của Cục Vũ Trụ Hàng Không (NASA) Hoa Kỳ đã phát hiện ngoài khơi Vũng Tàu-Phan Rí một khu vực sóng hồng rộng chừng 10.000 km<sup>2</sup> (50 km bề ngang và 200 km bề dài), nổi lên trên mặt nước trong suốt 6 tuần liền. Mỗi năm diện tích bề mặt của khu vực có sóng hồng này rộng thêm với thời gian, sự thiệt hại do luồng sóng hồng này gây ra lên đến 10 tỷ VND cho ngành chăn nuôi hải sản (tôm, sò, cua, ghẹ) và một số tiền tương tự cho ngành đánh cá ngoài khơi.

## Đời đời nhớ ơn

Ngày 19-5-2004 vừa qua, nước Pháp đã long trọng kỷ niệm ngày sinh thứ 104 của chủ tịch Hồ Chí Minh và lần thứ 50 chiến thắng Điện Biên Phủ. Buổi lễ được tổ chức tại Điện Elysées đã là một dịp hiếm hoi qui tụ mọi khuynh hướng chính trị Pháp từ tả đến hữu, chính quyền cũng như đối lập.

Tổng thống Jacques Chirac nhận định rằng sự hiện diện của mọi lực lượng chính trị chứng tỏ người Pháp dù khác biệt quan điểm trên nhiều vấn đề quan trọng cũng đều đánh giá cao công ơn của chủ tịch Hồ Chí Minh và ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Điện Biên Phủ.

Trong bầu không khí trang nghiêm của đại sảnh đường điện Elysées, dưới bức tượng mới khánh thành của chủ tịch Hồ Chí Minh và hai hàng chữ Việt - Pháp màu xanh và màu đỏ trên nền trắng : "Reconnaissance éternelle au grand président Ho Chi Minh - Đời đời nhớ ơn chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại", tổng thống Chirac nói:

"Chúng ta vừa hân hoan chào đón Liên Hiệp Châu Âu với 25 thành viên, siêu cường kinh tế và văn hóa số một của thế giới, trong đó Pháp đóng một vai trò quan trọng. Biện cố trọng đại này đã chỉ có được nhờ chúng ta đã may mắn giành được độc lập đối với Việt Nam. Hãy tưởng tượng điều gì sẽ xảy ra nếu ba nước Đông Dương và Pháp vẫn còn là một. Với một dân số đông đảo hơn hẳn, người Việt Nam chắc chắn sẽ giữ vai trò áp đảo trong mọi định chế, nước Pháp chưa chắc còn được coi là một nước châu Âu và tổng thống Pháp hôm nay có thể là một người họ Nguyễn, Paris có thể bị đổi tên thành Đại La".

Sau khi nhắc lại cuộc đời cách mạng của chủ tịch Hồ Chí Minh và cuộc chiến đấu gian lao của Người với kết quả là đem lại độc lập cho nước Pháp đối với Việt Nam, tổng thống Chirac kết luận một cách xúc động: "Các thế hệ Pháp sẽ đời đời ghi nhớ ơn Người và chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ".

Tiếp lời tổng thống, thủ tướng Jean-Pierre Raffarin nhấn mạnh rằng dân tộc Pháp càng phải nhớ ơn chủ tịch Hồ Chí Minh vì Người cứu họ khỏi sự thiến cận của giới lãnh đạo Pháp sau thế chiến II. Ông nói : "Lúc đó, các chính phủ kế tiếp nhau cầm quyền tại Pháp đều cố duy trì Đông Dương như một phần lãnh thổ Pháp. Nếu tình trạng vẫn như vậy thì ngày nay khối 60 triệu người Pháp có trọng lượng nào so với hơn 80 triệu người Việt ? Và sự thống trị của Việt Nam sẽ ngày một gia tăng với đà sinh đẻ hơn hẳn chúng ta. Chính cuộc chiến đấu ngoan cường do chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo đã cứu chúng ta khỏi tai họa này".

Chủ tịch quốc hội Jean-Louis Debré, nhấn mạnh về tư tưởng Hồ Chí Minh, nêu ra giả thuyết rằng có thể chính chủ tịch Hồ Chí Minh đã khai sinh ra khái niệm "chính quyền của dân, do dân và vì dân" chứ không phải cố tổng thống Mỹ Abraham Lincoln một thế kỷ trước đó.

## Mục lục

1. Nguyễn Vũ Bình tuyệt thực...  
*Thông Luận*
2. Một giai đoạn mới cho Iraq  
*Nguyễn Văn Huy*
3. Giai cấp tư sản mới tại Trung Quốc  
*Nguyễn Minh*
- 5 Về huyền thoại Hồ Chí Minh  
*Nguyễn Gia Kiểng*
8. Những động lực rất riêng, một vũ khí...  
*Nguyễn Văn Hiệp*
9. Những nét lớn về tình hình trong nước  
*Bùi Tín*
13. Tại sao đảng cộng sản thắng ?  
*Nguyễn Văn Thế*
15. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước  
*Việt Hoàng*
16. Nghị quyết 36 và người Việt ở nước ngoài  
*Hà Ngọc Báu*
18. Sự quan tâm của người Nhật đối với văn hóa ...  
*Lê Văn Hào*
22. Dân (có) chủ !  
*Nghiêm Văn Thạch*
23. Độc Lập và Tự Do  
*Nguyễn Mừng*
24. Trở về im lặng  
*Nghiêm Y*
26. Băng Tâm  
*Nguyễn Văn Hòa*
29. Thời sự quốc tế và Việt Nam
32. Đời đời nhớ ơn  
*Dây*

Chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc Jean-Marie Le Pen nhận định rằng công ơn của chủ tịch Hồ Chí Minh đối với nước Pháp còn hơn tướng De Gaulle, Điện Biên Phủ có tầm quan trọng hơn Verdun, đại tướng Võ Nguyên Giáp có công hơn thống chế Pétain.

Tổng thư ký đảng Xã Hội François Hollande nhắc lại một bất công cần được sửa chữa. Ông nói : "Một con người có công với nước Pháp như thế đã được nước Pháp đền ơn như thế nào ? Ngày 15-9-1911, chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm đơn xin vào học Trường Thuộc Địa với hy vọng khiêm nhường là được làm một công chức nhỏ của Pháp mà cũng không được. Ngày hôm nay được lịch sử soi sáng chúng ta phải nghĩ gì về sự kiện này?".

Sau khi nhiều nhân vật quan trọng khác lên diễn đàn nhắc lại sự nghiệp và công ơn của chủ tịch Hồ Chí Minh, buổi đại lễ kết thúc bằng một tiệc rượu. Trước khi các quan khách cùng nâng cốc vinh danh chủ tịch, bộ trưởng giáo dục François Fillon đã loan báo một tin mừng : ông đã được sự đồng tình của thủ tướng Raffarin truy tặng chủ tịch Hồ Chí Minh danh hiệu "Cựu học sinh danh dự Trường Thuộc Địa".